**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 4 (49)**

**Năm học 2019 – 2020**

***Đà Nẵng, tháng 09 năm 2020***

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, các vấn đề về dạy và học, về ngôn ngữ, quan hệ quốc tế, môi trường, pháp luật, phát triển kinh tế, khoa học sức khỏe, về vấn đề lạm phát và chống lạm phát ở Việt Nam hiện nay, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, văn học, điện tử - viễn thông...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2019 - 2020 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Quan hệ quốc tế 1
* Phát triển kinh tế 5
* Tài chính 13
* Ngân hàng 19
* Chính trị xã hội 27
* Môi trường 30
* Luật học 35
* Ngôn ngữ 55
* Khoa học tự nhiên 60
* Khoa học sức khỏe 62
* Điện tử - viễn thông 67
* Xây dựng 69
* Kế toán – Kiểm toán 87
* Quản trị kinh doanh 105
* Kiến trúc 127
* Nghiên cứu Văn học 129

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến tại Trung Quốc và một số đề xuất cho Việt Nam**/ Hà Công Anh Bảo// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 5 (225) .- Tr. 20 - 28.

**Nội dung:** Nghiên cứu kinh nghiệm trọng tài trực tuyến của Trung Quốc, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm phát triển trọng tài trực tuyến ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Trọng tài trực tuyến, quy tắc trọng tài trực tuyến, Trung Quốc, Việt Nam, Covid 19

**2. Hợp tác an ninh – quốc phòng Việt Nam – Liên bang Nga và một số giải pháp thúc đẩy**/ Trần Thị Thủy// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 3 (234) .- Tr. 70 - 78.

**Nội dung:** Tìm hiểu thực trạng hợp tác trong lĩnh vực an ninh – quốc phòng Việt Nam – Nga trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Việt Nam, Liên bang Nga, hợp tác an ninh quốc phòng, thực trạng, giải pháp

**3. Mục tiêu và những kết quả ban đầu đối với Việt Nam khi thực hiện FTA với Liên minh Kinh tế Á - Âu**/ Nguyễn Thị Thơm, Lê Thị Hòa// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 4 (235) .- Tr. 87 - 96.

**Nội dung:** Phân tích những mục tiêu cơ bản và những kết quả ban đầu trong trao đổi thương mại khi thực hiện FTA giữa Việt Nam với các nước EAEU, đánh giá những thành công và hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tận dụng tốt hơn những cơ hội, khắc phục những tác động tiêu cực của hiệp định này trong những năm tiếp theo.

**Từ khóa:** Liên minh Kinh tế Á – Âu, Việt Nam, FTA, Hiệp định Thương mại tự do

**4. Nhận diện chính sách nước lớn kiểu mới của Trung Quốc ở Đông Nam Á từ đầu thế kỷ XXI đến nay**/ Hồ Quốc Phú// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 5 (225) .- Tr. 39 - 48.

**Nội dung:** Cơ sở hình thành chính sách nước lớn kiểu mới của Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á; Nội dung chính sách nước lớn kiểu mới của Trung Quốc ở Đông Nam Á từ đầu thế kỷ XXI đến nay.

**Từ khóa:** Chính sách nước lớn, quan hệ đối ngoại, Trung Quốc, Đông Nam Á

**5. Sáng kiến “Liên minh vì Chủ nghĩa đa phương”: thực tiễn và triển vọng**/ Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 4 (235) .- Tr. 3 - 13.

**Nội dung:** Khái lược quá trình ra đời và phát triển củaSáng kiến “Liên minh vì Chủ nghĩa đa phương” cùng những nội dung hợp tác chủ yếu, từ đó rút ra một số nhận xét và đánh giá về bản chất, nội hàm và triển vọng của Sáng kiến này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Sáng kiến, Liên minh vì Chủ nghĩa đa phương, Chủ nghĩa đa phương

**6. Lý thuyết về chủ nghĩa Đa phương/** Chu Minh Thảo// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 21-29.

**Nội dung:** Phân tích về lý thuyết chủ nghĩa đa phương hiện đại, những lý luận mới dược xây dựng, hình thành, phát triển, hoặc mở rộng các trường phái lý thuyết chính để giải thích cho những chuyển biến về chủ nghĩa đa phương trên thực tế đời sống chính trị quốc tế.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa đa phương, hệ thống đa phương, quan hệ đa phương

**7. Thị trường EU: cơ hội xuất khẩu hồ tiêu khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh triển khai Hiệp định EVFTA**/ Bùi Việt Hưng, Đỗ Hương Lan// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 4 (235) .- Tr. 72 - 86.

**Nội dung:** Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU và những vấn đề liên quan tới hàng nông sản; Cơ hội và thách thức đặt ra đối với xuất khẩu mặt hàng hồ tiêu khu vực Tây Nguyên; Một số khuyến nghị phát triển thị trường hồ tiêu khu vực Tây Nguyên.

**Từ khóa:** Phát triển thị trường, hàng nông sản, khu vực Tây Nguyên, EU

**8. Xây dựng Đảng về tư tưởng của ĐCS Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam**/ Hoàng Minh Quân// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 5 (225) .- Tr. 29 - 38.

**Nội dung:** Trình bày những nội dung chính trong quan điểm của ĐCS Trung Quốc về vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng, cách làm cụ thể của họ đối với vấn đề này, từ đó đưa ra một vài gợi mở cho vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đảng Cộng sản Trung Quốc, tư tưởng của Đảng, xây dựng Đảng

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Chính sách khoa học - công nghệ và vai trò của quốc hội: một số vấn đề lý thuyết**/ Hoàng Minh Hiếu, Lê Bộ Lĩnh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 2(501) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích mục đích, nội dung chức năng, tiêu chí đánh giá chính sách khoa học và công nghệ dưới góc độ chính sách công; phân tích vai trò của cơ quan lập pháp, vai trò của bộ máy giúp việc nghị viện để thực thi vai trò của quốc hội trong chu trình chính sách khoa học và công nghệ. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận cho việc xác định vai trò của quốc hội trong xây dựng hoàn thiện chính sách khoa học và công nghệ như một chính sách công quốc gia.

**Từ khoá**: Chính sách công, chính sách khoa học và công nghệ

**2. Cơ hội và thách thức của công nghệ 4.0 tới tuyển sinh và đào tạo ở Việt Nam**/ Bùi Thùy Vân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 10 (547) .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Tổng quan về cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0); Cơ hội của CMCN 4.0 tới tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở đào tạo Đại học; Thách thức của CMCN 4.0 tới tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở đào tạo Đại học.

**Từ khoá**: Cơ hội, thách thức, tuyển sinh, đào tạo

**3. Đầu tư công giai đoạn 2010-2019 và những vấn đề đặt ra cho giai đoạn mới/** Nguyễn Thường Lạng, Thái Quang Thế// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 51 – 53.

**Nội dung:** Đầu tư công có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của Việt Nam và là “đòn bẩy” đối với một số ngành và vùng trọng điểm. Đánh giá thực trạng đầu tư công giai đoạn 2010-2019, bài viết nhận diện những vấn đề còn tồn tại trong đầu tư công tại Việt Nam hiện nay, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công trong giai đoạn 2020-2030.

**Từ khóa:** Đầu tư công, kinh tế-xã hội, vốn đầu tư

**4. Giải pháp đổi mới hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế/** Nguyễn Văn Cương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến vị trí của công đoàn trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, công đoàn còn lúng túng về mô hình tổ chức và phương pháp hoạt động. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều loại hình doanh nghiệp đang xuất hiện và ngày càng phát triển. Đó là mảnh đất cho công đoàn hoạt động, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi công đoàn phải đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động cho phù hợp với xu thế mới, phát huy tích cực vai trò của mình trong xã hội.

**Từ khoá**: Kinh tế, Hội nhập, Đổi mới, Quốc tế, Công đoàn

**5. Hiệp định thương mại tự do: Các cam kết liên quan đến lĩnh vực KH&CN ngành Công Thương**/ Vũ Thị Hồng Hạnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 6(735) .- Tr.7-9.

**Nội dung**: Trình bày việc tự do hóa thương mại đã và đang là xu thế của kinh tế thế giới, nổi bật là việc hình thành các hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa các quốc gia và khu vực. Việt Nam đã tham gia tích cực, chủ động và đã ký kết nhiều FTA song phương, đa phương và các đối tác thương mại. Trong các hiệp định này, lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN), cụ thể liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ luôn là một trong những nội dung đàm phán, ký kết quan trọng.

**Từ khóa**: Hiệp định thương mại tự do, FTA, khoa học và công nghệ

**6. Kinh tế tri thức và doanh nghiệp: thách thức về tài chính đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số**/ Phạm Minh Hoàng, Nguyễn Thị Nguyệt// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 2(501) .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu làm rõ các khía cacnhj của chuyển đổi số tại DN cũng như các thách thức về mặt tài chính mà các doanh nghiệp phải đối diện trong bối cảnh chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý cho các DN nên áp dụng số hóa, chuyển đổi ở từng bước, quy mô nhỏ, xem xét các sản phẩm phù hợp với quy mô, đa dạng hóa nguồn tài chính, đồng thời chính sách công cũng cần đổi mới hỗ trợ cho doanh nghiệp chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp công nghiệp, Kinh tế tri thức, chuyển đổi số, tài chính

**7. Liên kết vùng để phát triển kinh tế biển**/ Lê Thị Như Hằng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 36 - 37.

**Nội dung:**Trình bày về vai trò và sự cần thiết của liên kết, liên kết các nhóm ngành ở các địa phương có biển và kết luận.

**Từ khóa:**Kinh tế biển, phát triển kinh tế biển

**8. Mối quan hệ giữa tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội, tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu chi ngân sách trên địa bàn huyện Phú Quốc**/ Văn Mạnh Trường// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 37-38.

**Nội dung**: Trong bài viết này, tác giả tổng quan tình hình tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội phú quốc, tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tình hình thu ngân sách huyện giai đoạn 2014-2018. Dựa trên thực tiễn tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội, tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tình hình thu ngân sách năm năm qua, tác giả rút ra quan hệ giữa quá trình đầu tư và thu ngân sách ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế xã hội , và trong thời kỳ tiếp theo, tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội tạo ra sức hút lớn hơn, niềm tin lớn hơn cho các nhà đầu tư tìm đến Phú Quốc để đầu tư phát triển, trực tiếp và gián tiếp làm tăng thu ngân sách của Phú Quốc. Phần cuối, tác giả kiến nghị một vài giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội Phú Quốc đến năm 2025.

**Từ khoá**: Kinh tế, Đầu tư, Thu chi, Ngân sách, Tài chính

**9. Một số vấn đề về phát triển kinh tế Việt Nam theo hướng bền vững/** Phạm Thị Hồng Nhung,Nguyễn Thị Thu Phương// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 43 – 45.

**Nội dung:** Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, tăng trưởng luôn ở mức cao, tuy nhiên, so với thực tiễn và tiềm năng vẫn còn một số hạn chế nhất định trong quá trình phát triển kinh tế đất nước. Để thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển bền vững, cần tiếp tục có nhiều giải pháp được thực hiện song hành trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Phát triển, kinh tế, Việt Nam

**10. Nhân dân: nhân tố quan trọng trong chính sách xây dựng nông thôn mới**/ Tô Trọng Mạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Xây dựng nông thôn mới và việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới là chủ trương đúng đắn của Đảng, là chính sách lớn của Nhà nước, nhằm tạo ra sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội ở nông thôn. Muốn vậy, cần phải phát huy tổng hợp của các yếu tố. Từ thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở nước ta thời gian qua có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới, trong những yếu tố đó không thể không kể đến vị trí, vai trò của nhân dân - nhân tố quan trọng trong thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới, vậy vai trò của nhân tố này được thể hiện như thế nào? Và làm sao để nhân tố tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò đó của mình, đó là lí do tác giả nghiên cứu và đưa ra bài viết này.

**Từ khoá**: Nhân dân, Nhân tố, Chính sách, Nhà nước, Nông thôn, Đổi mới

**11. Nhân tố tác động đến tăng trưởng ngành Nông nghiệp Việt Nam/**Nguyễn Trọng Khánh// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 70– 72.

**Nội dung:** Chỉ tiêucủa Chính phủ cho nông nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng góp phần tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tính hiệu quả của các chương trình chi tiêu Chính phủ nói chung hay là thành phần nào của chi tiêu đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng nông nghiệp nói riêng là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Bài viết đánh giá tác động của các nhân tố đến tăng trưởng ngành nông của Việt Nam giai đoạn từ 2005 đến nay và thảo luận kết quả thực nghiệp tìm được.

**Từ khóa:** Chi tiêu công, ngân sách Nhà nước, ngành Nông nghiệp

**12. Phát triển bền vững nghề khai thác cá ngừ đại dương tại Việt Nam**/ Phạm Việt Anh, Nguyễn Viết Thành, Cao Lê Quyên// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 2(501) .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Đánh giá sản lượng bền vững tối đa và sản lượng hiệu quả kinh tế tối đa đối với nghề đánh bắt cá ngừ đại dương tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu đánh bắt cá ngừ trong giai đoạn 2011-2018 với ba nghề chính khai thác cá ngừ đại dương là nghề câu, nghề rê và nghề vây...

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, Cá ngừ đại dương, hiệu quả kinh tế tối đa

**13. Phát triển kinh tế đêm ở Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam**/ Vũ Tuấn Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 3 (234) .- Tr. 27 - 34.

**Nội dung:**Một số vấn đề về phát triển kinh tế đêm; Phát triển kinh tế đêm tại một số quốc gia châu Âu hiện nay; Những gợi mở cho Việt Nam trong phát triển kinh tế đêm.

**Từ khóa:**Kinh tế ban đêm, dịch vụ du lịch đêm, châu Âu, Việt Nam

**14. Phát triển nền kinh tế xanh: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Anh Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 70-72.

**Nội dung:** Việt Nam đã nhận thức được các yếu tố môi trường, xã hội trong phát triển bền vững kinh tế, do đó, chính phủ đã và sẽ tích hợp yêu cầu nền kinh tế xanh vào các chiến lược, kế hoạch tăng trưởng kinh tế cũng như tái cấu trúc lại nền kinh tế đảm bảo hiệu quả hơn, tăng tính cạnh tranh trong khu vực và hướng ra toàn cầu. Việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh, thực hiện tăng trưởng xanh là hết sức cần thiết và phù hợp với xu thế chung hiện nay, trong bối cảnh giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu, khôi phục hệ sinh thái, tăng nguồn vốn tự nhiên, bảo vệ môi trường và tăng phúc lợi xã hội, xóa đói giảm nghèo.

**Từ khoá**: Kinh tế, Môi trường, Quốc tế, Ô nhiễm, Tài nguyên

**15. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam**/ Phạm Văn Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao đem lại nhiều lợi ích và được hỗ trợ mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0 nên đã trở thành xu thế tất yếu của thế giới. Ở nước ta, nông nghiệp công nghệ đang hình thành và thu được những kết quả bước đầu. Nông nghiệp công nghệ cao là giai đoạn phát triển mới về chất của nền nông nghiệp nên gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Vì vậy, phát triển nông nghiệp công nghệ cao vừa là thách thức, vừa là cơ hội đối với nền nông nghiệp Việt Nam. Để tận dụng được những cơ hội, vượt được thách thức, cần phải kết hợp sức mạnh của nhà nước và của thị trường.

**Từ khoá**: Kinh tế, Nông nghiệp, Công nghệ, Hội nhập, Công nghiệp 4.0

**16. Tác động của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đến giai cấp công nhân một số nước công nghiệp phát triển trên thế giới**/ Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 3 (234) .- Tr. 35 - 45.

**Nội dung:**Tìm hiểu tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 tới giai cấp công nhân một số nước phát triển trên thế giới.

**Từ khóa:**Cách mạng Công nghiệp 4.0, nước công nghiệp phát triển, giai cấp công nhân, tác động

**17. Tác động của chất lượng thể chế đến năng suất lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ Lê Thị Hồng Thúy, Hồ Đình Bảo// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 10 (547) .- Tr. 10-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích tác động của chất lượng thể chế đến năng suất lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong mối tương quan với tác động lan tỏa từ khu vực doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp nhà nước. Dữ liệu mảng gồm 3 bộ số liệu (2010-2018): (i) Điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê (GSO); (ii) số liệu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam; (iii) số liệu điều tra chi phí năm 2012, GSO. Bài viết sử dụng biến tương tác giữa thể chế kinh tế và các biến lan tỏa. Kết quả cho thấy tác động của thể chế kinh tế đến năng suất lao động của doanh nghiệp vừa và nhỏ phụ thuộc vào tác động lan tỏa từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI: nếu kênh lan tỏa không đổi, khi thể chế kinh tế cải thiện năng suất lao động của doanh nghiệp được hỗ trợ thêm bởi lan tỏa ngang, lan tỏa ngược chiều từ doanh nghiệp FDI và lan tỏa ngang, lan tỏa xuôi chiều từ doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, chất lượng thể chế, tác động lan tỏa

**18. Tác động của tự do thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô của Việt Nam: tiếp cận từ mô hình kinh tế lượng vĩ mô**/ Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Kim Chung// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 6 (493) .- Tr. 3-17.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình kinh tế lượng vĩ mô để đánh giá tác động của việc cắt giảm thuế quan khi tự do hóa thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Dựa trên cơ sở số liệu vĩ mô thu thập được theo tần suất quý từ quý I năm 2000 đến quý IV năm 2016, bài viết mô phỏng được tác động của việc cắt giảm 1 điểm phần trăm thuế nhập khẩu khi tự do hóa thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô trong tương lai từ năm 2018 đến năm 2032; từ đó, đề xuất cdc biện pháp nhằm hạn chế tác động xấu của tự do hóa thương mại đến kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá**: Tự do hóa thương mại, Thuế, Nhập khẩu, Kinh tế lượng vĩ mô

**19. Thương mại biên giới của Việt Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra**/ Nguyễn

Anh Thu, Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Vũ Hà, Bùi Bá Nghiêm// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 4(Tập 62) .- Tr.1-5.

**Nội dung**: Nêu hoạt động thương mại giữa Việt Nam với ba nước láng giềng có chung đường biên giới nhìn chung có sự gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là quan hệ thương mại Việt – Trung. Tuy nhiên, Chính phủ và các địa phương cần có các giải pháp cho các vấn đề lớn đặt ra, như vấn đề về cơ sở hạ tầng, các khó khăn trong phát triển cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương cũng như sự thống nhất, hài hòa về chính sách với quốc gia láng giềng.

**Từ khóa**: Hợp tác kinh tế biên giới, thương mại biên giới, Việt Nam

**20. Thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện của Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Võ Văn Lợi// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 14-16.

**Nội dung**: Khẳng định và nâng cao vị thế của Việt Nam; thách thức để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

**Từ khoá**: Hội nhập kinh tế quốc tế, FTA, phát triển bền vững

**21. Thực trạng lao động nông lâm nghiệp ở tỉnh Thái Nguyên**/ Đàm Thanh Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Lao động nông lâm nghiệp là một trong những nguồn lực phát triển kinh tế quan trọng của tỉnh Thái Nguyên. Mục tiêu của nghiên cứu này là nêu một vài đánh giá về thực trạng lao động nông lâm nghiệp ở tỉnh Thái Nguyên dưới góc độ xem xét cung cầu trên thị trường lao động ở khu vực này. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần chuyển dịch nguồn nhân lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Kinh tế, Lao động, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Nhân lực

**22. Thực trạng sản xuất và xuất khẩu gạo Việt Nam – Các giải pháp phát triển bền vững trong những năm tới**/ Nông Hữu Tùng, Trần Thị Lý, Đặng Thị Hiền// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 22-30.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu thực trạng sản xuất và xuất khẩu gạo Việt Nam nhằm tìm ra các giải pháp giúp ngành hàng này phát triển bền vững trong những năm tới. Từ nguồn số liệu lúa gạo giai đoạn 2006-2018, thông qua các phương pháp nghiên cứu thống kê mô tả, so sánh, phỏng vấn và SWOT đã cho thấy, diện tích trồng lúa duy trì khá ổn định, sản lượng tăng bình quân 2,1%/năm. Với xuất khẩu gạo, kim ngạch bình quân hàng năm đạt 2,72 tỷ USD. Gạo là nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đứng thứ ba thế giới và đã xuất khẩu đến hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo Việt Nam cần nhanh chóng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; đổi mới cơ chế, chính sách và xây dựng môi trường kinh doanh… để phát triển ổn định và bền vững, không ngừng nâng cao vị thế trên thị trường thế giới.

**Từ khoá**: Chất lượng, gạo, sản xuất, xuất khẩu, thị trường

**23. Triển khai áp dụng bộ chỉ số đánh giá TTX trong ngành xi măng Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Thía// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Đánh giá tăng trưởng xanh (TTX) trong ngành xi măng Việt Nam có vai trò quan trọng trong bối cảnh thúc đẩy phát triển ngành xi măng theo hướng TTX. Bài viết nêu bật sự cần thiết của việc đánh giá TTX ngành xi măng Việt Nam thông qua bộ chỉ số TTX dựa trên cơ sở pháp lí và nhu cầu thực tế của bộ chỉ số. Trên cơ sở đánh giá thực trạng đo lường và áp dụng bộ chỉ số TTX tại các cấp độ và tại doanh nghiệp sản xuất xi măng, bài viết kiến nghị đối với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp giúp thúc đẩy việc triển khai khi áp dụng tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế, Môi trường, Kinh doanh, Xi măng, Chỉ số, TTX

**24. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành logistics tại Việt Nam**/ Bùi Thùy Vân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 10 (547) .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, việc phát triển dịch vụ logistics là một chu cầu cấp bách, vì đó sẽ là một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, gắn kết các dịch vụ logistics với phát triển hàng hóa, xuất nhập khẩu và thương mại, phát triển hạ tầng giao thông vận tải và các lĩnh vực, ngành nghề khác. Bài viết tập trung vào việc nghiên cứu thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào ngành logistics trên thế giới và tại Việt Nam, với phương pháp nghiên cứu định tính cùng việc phân tích các số liệu thu thập được từ những dữ liệu thống kê, báo cáo về thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành logistics, từ đó đề xuất các khuyến nghị và chính sách cho các doanh nghiệp logistics Việt Nam trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

**Từ khoá**: Trí tuệ nhân tạo, logistics

**25. Vận dụng chủ nghĩa Mác – LêNin trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Phương Dung// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 40 – 45.

**Nội dung:** Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế được nhiều quốc gia lựa chọn phát triển, trong đó có Việt Nam. Sau hơn 30 năm đổi mới, mô hình kinh tế thị trường của Việt Nam từng bước phát triển, tư duy và nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa liên tục được đổi mới. Hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, phù hợp với luật pháp quốc tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thực hiện cam kết hội nhập quốc tế. Chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp phát triển đa dạng. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Với những kết quả đạt được, có thể khẳng định, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một hướng đi đúng đắn của Việt Nam.

**Từ khóa:** Việt Nam, kinh tế thị trường, đổi mới.

# TÀI CHÍNH

**1. Áp dụng mô hình Arima trong dự báo biến động chỉ số VN30 và lợi suất chỉ số VN30**/ Phan Trần Trung Dũng, Lương Ngọc Tuấn Dũng// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 49-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định khả năng ứng dụng mô hình tự hồi quy tích hợp trung bình trượt (ARIMA) để dự đoán biến động của chỉ số VN30 và lợi suất của chỉ số VN30 tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng giá đóng cửa theo ngày của chỉ số VN30 tại sàn HOSE với tần suất theo tuần trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 20 tháng 12 năm 2019. Kết quả cuối cùng cho thấy mô hình ARIMA (1,1,1) là phù hợp và tốt nhất nhằm dự báo biến động chỉ số VN30 khi được lược bỏ đi giai đoạn có biến động lớn của chỉ số. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mô hình ARIMA không phù hợp để dự báo biến động lợi suất của chỉ số VN30.

**Từ khoá**: ARIMA, Chỉ số chứng khoán, Dự báo, VN30 Index

**2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính khu vực công: trường hợp các doanh nghiệp nhà nước**/ Nguyễn Anh Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Báo cáo tài chính là một trong những kênh thông tin để giám sát hoạt động của một doanh nghiệp. Tuy nhiên chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước hiện nay được đánh giá chưa cao. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam. Áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước là: kiểm soát nội bộ, sự tồn tại của bộ phận kiểm toán nội bộ và việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế.

**Từ khoá**: Nhà nước, Tài chính, Báo cáo, Khu vực, Doanh nghiệp

**3. Kiều hối và hàm ý chính sách: Nhìn từ góc độ cung – cầu**/ Trần Huy Tùng/ Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 4(Tập 62) .- Tr.6-10.

**Nội dung**: Cho thấy thành viên hội đồng quản trị (HĐQT) là người nước ngoài có tác động ngược chiều đến tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA); độ tuổi của thành viên ban lãnh đạo có tác động cùng chiều với tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) của doanh nghiệp. Nghiên cứu cũng cho thấy, cổ tức chi trả của doanh nghiệp có tác động tích cực với cả ROA và ROE, trong khi đòn bẩy tài chính có tác động cùng chiều với ROE. Ngoài ra, nghiên cứu này không tìm thấy mối liên hệ giữa tổng số thành viên HĐQT, trình độ học vấn của thành phần ban lãnh đạo và quy mô công ty đối với hiệu quả tài chính của doanh doanh nghiệp.

**Từ khóa**: HĐQT, ROA, ROE, trình độ học vấn, tuổi ban lãnh đạo

**4. Marketing huy động vốn của Ngân hàng Thương mại**/ Nguyễn Thu Hồng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 10 (547) .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Một số hoạt động marketing huy động vốn tại NHTM; Hoạt động marketing huy động vốn tại BIDV chi nhánh Hà Tây; Ưu điểm và nhược điểm trong hoạt động marketing huy động vốn tại các NHTM; Một số giải pháp đẩy mạnh marketing huy động vốn tại các NHTM.

**Từ khoá**: Huy động vốn, Marketing, Ngân hàng thương mại

**5. Mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Phạm Thị Hồng Khoa, Dương Thị Kim Huệ, Nguyễn Hồng Vân, Lê Tâm Thanh, Phan Thị Thanh Hòa// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Sử dụng mô hình SLM để kiểm định tác động của phát triển tài chính lên tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn; sử dụng kiểm định SLM để xem xét có tồn tại mối quan hệ chữ U ngược giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong ngắn hạn, phát triển tài chính có tác động ngược chiều lên tăng trưởng kinh tế; về dài hạn, có tồn tại mối quan hệ không đơn điệu giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Phát triển tài chính, tăng trưởng kinh tế, mô hình ARDL, kiểm định SLM

**6. Nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo Công lập**/ Đinh Thị Hiếu// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Khái quát một số nét cơ bản về Tài sản công, những quy định, cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sựu nghiệp công lập nói chung và đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo công lập nói riêng ở VN hiện nay, qua đó đưa ra một số khuyến nghị nâng cao hiệu quản quản lý, sử dụng nguồn lực này tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo công lập ở nước ta thời gian tới.

**Từ khoá**: Tài sản công, đơn vị sự nghiệp, quản lý tài sản, hiệu quả sử dụng

**7. Nâng cao chất lượng hoạt động định giá doanh nghiệp trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng/**Bùi Thu Hiền, Nguyễn Đăng Khoa// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 77– 80.

**Nội dung:** Hoạt động mua bán sáp nhập và cổ phần hoá các doanh nghiệp trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ. Điều này đòi hỏi việc định giá các doanh nghiệp phải chính xác với phương pháp định giá phù hợp. Phân tích tình trạng hoạt động định giá các doanh nghiệp trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam, từ đó bài viết đề xuất một số phương pháp góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động này.

**Từ khóa:** Định giá, tài chính ngân hàng, mua bán sáp nhập

**8. Phân cấp ngân sách trên thế giới và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Trương Bá Tuấn, Đào Mai Phương// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 181– 185.

**Nội dung:** Đẩy mạnh phân cấp ngân sách là xu hướng cải cách được nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện trong những năm gần đây, qua đó tăng cường tự chủ tài khoá, trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Hiện nay, các nước trên thế giới có những phương thức tổ chức hệ thống ngân sách rất khác nhau, tuỳ thuộc vào trình độ phát triển và mô hình tổ chức bộ máy nhà nước của từng nước. Bài viết phân tích xu hướng phân cấp ngân sách ở một số quốc gia trên thế giới thông qua nội dung cơ bản như: Cách tổ chức hệ thống ngân sách, phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách, phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ... từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam**.**

**Từ khóa:** Phân cấp ngân sách, năng lực tài khoá, chính quyền địa phương

**9. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Bắc Ninh**/ Nguyễn Xuân Hưng, Nguyễn Thị Phương Thuỳ, Nguyễn Thị Lan, Tăng Minh Hằng, Nguyễn Thị Nhung// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 79-92.

**Nội dung**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Tỉnh Bắc Ninh. Bài viết được nghiên cứu với mục đích phân tích mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế của Tỉnh. Nhóm tác giả đã sử dụng mô hình tự hồi quy vector VAR để phân tích tác động của FDI lên tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2009-2019. Kết quả cho thấy tác động tương đối nhanh chóng và toàn diện của FDI đến tăng trưởng kinh tế của Tỉnh. Qua những phân tích đó, bài viết đã đưa ra gợi ý một số khuyến nghị cho địa phương để tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Tỉnh trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, Bắc Ninh, VAR

**10. Tác động của EVFTA đến Việt Nam và một số hàm ý/** Nguyễn Đình Luận// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.45 – 47.

**Nội dung:** Hiệp định thương mại tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA) là Hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lượi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời phù với với các qui định của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO). Bài viết khái quát, phân tích những cam kết của các bên tham gia Hiệp định này, đồng thời đánh giá những tác động, từ đó gợi ý một số hàm ý chính sách, giải pháp thực thi hiệu quả Hiệp định này của Việt Nam.

**Từ khóa:** Hiệp định EVFTA, cam kết, hội nhập, thuế quan, hàng hoá, đầu tư

**11. Tác động của FDI lên môi trường trong điều kiện tồn tại Đường cong Môi trường Kuznets (EKC)/** Võ Thị Thúy Kiều, Lê Thông Tiến// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 26-44.

**Nội dung**: Bằng phương pháp ước lượng Difference-GMM (hay D-GMM) trên mô hình dạng bảng động, bài nghiên cứu kiểm tra tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lên môi trường trong điều kiện tồn tại Đường cong Môi trường Kuznets (EKC), có sự kiểm soát các yếu tố như độ mở kinh tế, tỷ trọng sản xuất công nghiệp, đô thị hóa và thể chế. Bộ dữ liệu của 50 quốc gia mới nổi và đang phát triển, từ 2011 - 2017, được sử dụng. Bằng chứng được tìm thấy ủng hộ nhiều hơn giả thuyết nơi ẩn giấu ô nhiễm (Pollution Haven), FDI có tác động làm cho suy thoái môi trường trầm trọng hơn, và chưa có bằng chứng thống kê về tác động cải thiện chất lượng môi trường của FDI, được gọi là Hiệu ứng lan tỏa (Halo Effect). Ảnh hưởng của GDP lên ô nhiễm môi trường diễn ra có sự chuyển đổi, hiệu ứng hình chữ U ngược được tìm thấy, ghi nhận sự tồn tại của EKC.

**Từ khoá**: Đường cong Môi trường Kuznets, Nơi ẩn giấu ô nhiễm, Hiệu ứng lan tỏa, Mô hình D-GMM

**12. Tác động của Fintech đối với tài chính toàn diện: Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia và một số khuyến nghị cho Việt Nam**/ Đào Hồng Nhung, Trần Thanh Thu, Nguyễn Minh Tuấn// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 41-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu này làm rõ tác động của Fintech lên mức độ tài chính toàn diện tại 140 quốc gia trong năm 2011 và 2014. Kết quả của mô hình hồi quy chỉ ra rằng Hệ sinh thái hỗ trợ Fintech đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện tại các quốc gia, đặc biệt là đối với nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (bao gồm Việt Nam). Để tăng cường vai trò tích cực của Fintech đối với Tài chính toàn diện, Việt Nam cần chú trọng đến việc hoàn thiện khung khổ pháp lý cho Fintech, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động của các công ty Fintech, hệ sinh thái khởi nghiệp Fintech, tăng cường kết nối giữa các công ty Fintech với các định chế tài chính trung gian. Bên cạnh đó, cần có những chương trình nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về tài chính, quản lý tài chính nhằm giúp Fintech phát huy tối đa vai trò thúc đẩy tài chính toàn diện trong bối cảnh bùng nổ của khoa học công nghệ.

**Từ khoá**: Fintech, tài chính toàn diện, hệ sinh thái Fintech, thúc đẩy, Việt Nam

**13. Tác động của phát triển tài chính và kinh tế ngầm đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam/** Bùi Hoàng Ngọc// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 20-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích kiểm định tác động của phát triển tài chính và quy mô khu vực kinh tế ngầm đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1991-2015. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tự hồi quy phân phối trễ (ARDL) của Pesaran & cộng sự (2001). Kết quả kiểm định đường bao cho thấy giữa các biến có tồn tại hiện tượng đồng liên kết trong dài hạn. Nghiên cứu tìm được bằng chứng thống kê để kết luận phát triển tài chính có tác động thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, còn quy mô khu vực kinh tế ngầm có tác động lấn át đến khu vực kinh tế chính thức. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm để các cơ quan quản lý cân nhắc khi lựa chọn chính sách tiền tệ và quản lý khu vực kinh tế ngầm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trong tương lai.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính, kinh tế ngầm, Việt Nam

**14. Tác động lan tỏa của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến Việt Nam**/ Nguyễn Thị Cành, Lê Quang Minh, Cai Phúc Thiên Khoa// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 5-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu mức độ lan tỏa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến Việt Nam thông qua phân tích hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu tiên, nhóm tác giả ước tính hiệu quả kỹ thuật của tất cả các doanh nghiệp bằng cách sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas và hàm Translog. Trong giai đoạn hai, nhóm tác giả sử dụng phương pháp hồi quy bình phương bé nhất OLS để xem xét mối quan hệ lan tỏa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp trong nước. Sử dụng một bộ dữ liệu lớn gồm 30.739 doanh nghiệp với 178.978 quan sát trong giai đoạn 2010–2016, nhóm tác giả tìm thấy bằng chứng về mối liên kết tích cực giữa hệ số liên kết xuôi của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với hiệu quả của các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các doanh nghiệp tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung hoạt động kém hiệu quả hơn so với các doanh nghiệp ở các tỉnh miền Nam của Việt Nam.

**Từ khoá**: Tác động lan tỏa; Doanh nghiệp chế biến; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Hiệu quả kỹ thuật

**15. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay**/ Phạm Thị Vân Anh// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước hiện nay và đẩy mạnh tiến độ tài cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khoá**: Tái cơ cấu, doanh nghiệp nhà nước, Việt Nam

**16. Tăng trưởng xanh tại Việt Nam : phân tích trên trên khía cạnh các công cụ tài chính/** Nguyễn Đặng Hải Yến, Lê Văn Sơn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 10 (547) .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Tổng hợp các lý thuyết liên quan đến các công cụ tài chính, trên cơ sở đó, tác giả phân tích thực trạng áp dụng các công cụ tài chính tại Việt Nam, dưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tài chính xabh tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách sách thuế, công cụ tài chính xanh, tăng trưởng xanh

**17. Vận dụng phương pháp thẻ điểm cân bằng nâng cao hiệu quả hoạt động các công ty niên yết/** Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo// Tài chính.- 2020 .- Số 726 .- Tr. 69– 71.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích ý nghĩa và tác dụng của phương pháp thẻ điểm cân bằng Balanced Scorecard (BSC) trong việc đánh giá hoạt động trong các công ty niên yết ở Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá tác động từ việc tác dụng thẻ điểm cân bằng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị. Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm xác định mô hình nghiên cứu và kiểm định mô hình.

**Từ khóa:** Thẻ điểm cân bằng, giá cổ phiếu, hiệu quả hoạt động lợi nhuận, công ty niên yết.

# NGÂN HÀNG

**1. Các nhân tố tác động đến rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại**/ Đặng Hữu Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 52-55.

**Nội dung**: Tập trung vào nghiên cứu về các nhân tố chủ yếu tác động đến rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại VN và để có thể hiểu rõ hơn về rủi ro tín dungk, các nhân tố tác động tới rủi ro tín dụng của NHTM nói chung.

**Từ khoá**: Rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại

**2. Các nhân tố tác động tới thanh khoản ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đỗ Hoài Linh, Lại Thị Thanh Loan// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 29-38.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các nhân tố tác động đến thanh khoản ngân hàng thương mại thông qua biến đại diện là tỷ lệ dư nợ/huy động vốn. Tác giả tiến hành nghiên cứu định lượng với bộ dữ liệu bảng thu thập từ 20 ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2007-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng tài sản và khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại đều có tác động nghịch chiều với thanh khoản ngân hàng thương mại. Điều này cho thấy các ngân hàng thương mại có xu hướng sử dụng đòn bẩy vốn cao hơn khi tăng tổng tài sản cũng như khả năng sinh lời, do đó, giảm tính thanh khoản của các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tiết kiệm quốc gia và thanh khoản thị trường tài chính ảnh hưởng tích cực giúp các ngân hàng thương mại giảm tỷ lệ đòn bẩy và củng cố thanh khoản; trong khi, CPI tác động ngược chiều tới thanh khoản của ngân hàng thương mại. Do đó, bên cạnh việc kiểm soát của bản thân ngân hàng thương mại, thì các chính sách về khuyến khích tiết kiệm quốc gia, đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính cũng như kiểm soát lạm phát cũng góp phần đảm bảo an toàn thanh khoản ngân hàng thương mại.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, thanh khoản, Việt Nam

**3. Đánh giá các rủi ro trong thẩm định cho vay khách hành cá nhân/** Lưu Phước Vẹn, Trần Công Dũ // Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 91– 94.

**Nội dung:** Phát hiện rủi ro về qui trình, thông tin khách hàng và các kho dữ liệu được lưu trữ tại hệ thống cở sở dữ liệu ngân hàng là rất cần thiết, giúp ngân hàng giản thiểu được các nguy cơ nợ xấu có thể xảy ra, đưa ra quyết định cho vay phù hợp, hạn chế nguy cơ xấu ảnh hưởng đến sự phát triển. Bài viết giới thiệu về nội dung trong thẩm định cho vay khách hàng cá nhân, những rủi ro phát sinh trong quá trình thẩm định và đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong thẩm định cho vay khách hàng cá nhân.

**Từ khóa:** Thẩm định cho vay, khách hàng cá nhân, rủi ro

**4. Điều hành chính sách tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn phát triển kinh tế bền vững/**Hoàng Nguyên Khai// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 81– 83.

**Nội dung:** Trong những năm qua, công tác điều hành chính sách tín dụng thuộc nội dung điều hành chính sách tiền tệ của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã đạt được những thành công qua trọng. Chính sách tín dụng được điều hành linh hoạt, gắn với thực hiện tái cơ cấu tổ chức tín dụng, nhằm kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng GDP và góp phần giải quyết một số vấn đề an sinh xã hội. Thành công trên về điều hành chính sách tín dụng trong tổng thể điều hành chính sách tiền tệ được đặt trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế vĩ mô trong nước có rất nhiều diễn biến bất thường.

**Từ khóa:** Chính sách tín dụng, chính sách tiền tệ, ngân hàng

**5. Hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong quá trình tái cấu trúc/** Dương Nguyễn Thanh Tâm// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.58– 60.

**Nội dung:** Bài báo nghiên cứu hiệu quả tài chính của 28 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2008-2018 bằng phương pháp đồ thị và kiểm định t-test. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại tự tái cấu trúc, mua bán và sáp nhập giảm nhưng từ năm 2017 có tăng trở lại. Tuy mức tăng chưa nhiều nhưng cũng cho thấy, tái cấu trúc giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của Ngân hàng thương mại trong 2 năm cuối của giai đoạn nghiên cứu.

**Từ khóa:** Hiệu quả tài chính, tái cấu trúc, ngân hàng thương mại

**6. Hình thức huy động vốn của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam/** Lê Thị Minh Ngọc// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 67– 69.

**Nội dung:** Mộttrong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành bại của các doanh nghiệp khởi nghiệp nói chung và các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói riêng là khả năng tiếp cận vốn. Đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là sản phẩm, công nghệ mới dường như chưa có trên thị trường, phải có định hướng phát triển nhanh chóng với mô hình kinh doanh có thế lặp lại dễ dàng và áp dụng trên mọi địa lý. Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có nhiều rủi ro hốn với các doanh nghiệp thông thường nên cần có những hỗ trợ đặc thù về cơ sở vật chất tài chính để phát triển. Bài viết đánh giá thực trạng các hình thức huy động của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hiện nay, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Huy động vốn, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

**7. Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng bán lẻ tại Viettinbank – Chi nhánh Sông Công/**Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Đức Thu// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 157– 159.

**Nội dung:** Tín dụng là hoạt động mang lại thu nhập chính của Viettinbank – Chi nhánh Sông Công, tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy, chất lượng hoạt động tín dụng bán lẻ tại Viettinbank Chi nhánh Sông Công đơn vị còn nhiều tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc. Qua phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của Viettinbank Chi nhánh Sông Công, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng bán lẻ của Viettinbank Chi nhánh Sông Công.

**Từ khóa:** Viettinbank – Chi nhánh Sông Công, tín dụng bán lẻ, chính sách tín dụng, ngân hàng thương mại

**8. Nâng cao hiệu quả cấp phát vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2020-2025/** Hoàng Hải Đăng, Nguyễn Thị Thu Thư// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.55– 57.

**Nội dung:** Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước góp phần phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn này cần được quản lý chặt chẽ, hiệu quả từ khâu cấp phát vốn đến khâu sử dụng và quyết toán. Tuy nhiên, hiện nay, công tác cấp phát vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn đang còn nhiều bất cập. Bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác cấp phát vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Quản lý cấp phát vốn, đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán công, quản lý đầu tư công

**9. Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên lĩnh vực tài chính – ngân hàng/** Tiếu Phương Quỳnh, Lê Nam Hải// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.61– 64.

**Nội dung:** Hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên trong các doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tính sáng tạo và năng suất làm việc của nhân viên. Trên cơ sở kê thừa mô hình của Burgess(2005), nghiên cứu thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 6 nhân tố (biến) tác động đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên gồm: đãi ngộ, rủi ro chia sẻ tri thức, sự ảnh hưởng, sự xấu hổ, lợi ích xã hội và quy tắc qua lại tác. Việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên nhằm góp phần thiết thực cho các nhà quản trị việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp vững bền.

**Từ khóa:** Hành vi chia sẻ tri thức, phân tích nhân tố, tài chính, ngân hàng

**10. Nhân tố ảnh hưởng tới biến động giá cổ phiếu ở các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam/** Nguyễn Thanh Hiếu// Tài chính.- 2020 .- Số 726 .- Tr. 65– 68.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các nhân tố gồm: Tỷ lệ cổ tức tri trả, biến động lợi nhuận, tốc độ tăng trưởng, đòn bẩy tài chính và quy mô công ty tới biến động giá cổ phiếu trong các công ty niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy, các nhân tố này ảnh hưởng khác nhau tới biến động giá cổ phiếu ở các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách cho các nhà đầu tư trên trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khóa:** Biến động, giá cổ phiếu, lợi nhuận, tăng trưởng, doanh nghiệp

**11. Những thay đổi chính trong hệ thống phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố của Việt Nam**/ Mai Phan// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 12 (549) .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại một số thay đổi chính trong hệ thống văn bản pháp luật PVRT&TTKB của Việt Nam kể từ sau vòng đánh giá đa phương của Nhóm châu Á - Thái Bình Dương (APG) tháng 11/2008 đến nay.

**Từ khoá**: Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, bộ luật, Việt Nam

**12. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**/ Huỳnh Khả Ái// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 76-78.

**Nội dung**: Trên cơ sở vận dụng lí thuyết hành động hợp lí (TRA), thuyết hành vi kiểm soát cảm nhận (TPB), kế thừa mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) và cơ sở lý thuyết cũng như các nghiên cứu trước làm nền tảng xây dựng mô hình nghiên cứu với các biến tác động: Nhận thức sự hữu ích, nhận thức tính dễ sử dụng, nhận thức sự tín nhiệm, chuẩn chủ quan, cảm nhận sự thuận tiện, cảm nhận rủi ro, thái độ và các biến định tính như: giới tính, độ tuổi, dân tộc, đã từng sử dụng máy ATM hay chưa. Để phân tích độ tin cậy và các giá trị của đo lường, nghiên cứu sử dụng mô hình với số lượng mẫu nghiên cứu gồm 193 phiếu khảo sát thu thập từ người hưởng lương hưu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Kết quả cho thấy được độ tin cậy và giá trị của các đo lường với sự phù hợp của mô hình nghiên cứu giải thích bởi các biến: Cảm nhận sự thuận tiện, Cảm nhận rủi ro, Thái độ, Chuẩn chủ quan, Giới tính và Dân tộc.

**Từ khoá**: Lương hưu, Tài khoản, Ngân hàng, ATM, Ngân sách

**13. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam/**Nguyễn Thanh Thảo// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 81– 83.

**Nội dung:** Tại Việt Nam các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đang có sự phát triển mạnh mẽ, hình thành nhu cầu cấp thiết về xây dựng hệ sinh thái không dùng tiền mặt(hay hệ sinh thái thanh toán điện tử). Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 202, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu: Phấn đấu đến cuối 202, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 10%, đến cuối năm 2025 ở mức dưới 8%. Bài viết khái quát một số kết quả đã đạt được và hạn chế còn tồn tại trong quá trình triển khai các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Định giá, tài chính ngân hàng, mua bán sáp nhập

**14. Phòng chống dịch Covid-19 và bài học kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ của ngành Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh**/ Tô Duy Lâm// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 12 (549) .- Tr. 16-17.

**Nội dung**: Phân tích việc vận động, áp dụng các bài học này trong hoạt động ngân hàng để hỗ trợ doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

**Từ khoá:** Hoạt động ngân hàng, phòng chông Covid-19, bài học kinh nghiệm

**15. Sử dụng trí tuệ nhân tạo để phát hiện gian lận tại Ngân hàng**/ Nguyễn Đoàn Châu Trinh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 12 (549) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo, sử dụng trí tuệ nhân tạo để phát hiện gian lận tại ngân hàng.

**Từ khoá**: Trí tuệ nhân tạo, công nghệ, ngân hàng, gian lận

**16. Tác động của đại dịch covid-19 đến ngành ngân hàng Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị**/ Lê Thanh Tâm, Trương Thị Hoài Linh, Lương Thái Bảo, Hoàng Thị Lan Hương, Đỗ Hoài Linh// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới hầu hết các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có ngành ngân hàng. Bài viết này đánh giá ba tác động chủ yếu của đại dịch Covid-19 đến ngành ngân hàng của Việt Nam: Thu nhập từ lãi giảm do sụt giảm lãi suất huy động và cấp tín dụng; Chất lượng tài sản xấu đi do hoạt động kinh doanh của khách hàng bị ngưng trệ; Sụt giảm thu nhập từ dịch vụ do gia tăng hỗ trợ khách hàng về phí dịch vụ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị giúp ngành ngân hàng tận dụng cơ hội, giảm thiểu thách thức, vượt qua khó khăn, phát huy vai trò tích cực trong việc hỗ trợ phục hồi và phát triển nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước cần: (i) Trợ giúp trực tiếp thanh khoản cho các ngân hàng thương mại có hỗ trợ cụ thể đối với doanh nghiệp gặp khó khăn; (ii) Bổ sung danh mục các đối tượng được hưởng ưu tiên lãi suất trần liên quan tới đại dịch hoặc biến đổi khí hậu; (iii) Ổn định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn. Các định chế tài chính cần: (i) Tận dụng cơ hội để phát triển thị trường, sản phẩm, kênh phân phối mới; (ii) Thống nhất chuẩn chung cho công cuộc giải cứu tránh lạm dụng và dòng vốn đi sai mục tiêu ban đầu.

**Từ khoá**: Đại dịch COVID-19, giải cứu, ngành ngân hàng, tín dụng, tỷ giá

**17. Thực trạng rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đặng Hữu Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Ngân hàng là ngành kinh doanh đặc thù, trong các hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thì hoạt động tín dụng là một nghiệp vụ truyền thống và là hoạt động kinh doanh quan trọng nhất, mang lại tỉ trọng lợi nhuận chính cho ngân hàng. Tuy nhiên, nó cũng là hoạt động phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất. Rủi ro trong hoạt động tín dụng có thể tác động lớn đến kinh doanh và có thể làm tổn hại đến uy tín và vị thế của ngân hàng. Thực tiễn trong những năm qua, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp có tính đồng bộ, triển khai trong toàn hệ thống để tăng cường hạn chế và phòng ngừa rủi ro tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, không ngừng hoàn thiện các quy định nội bộ, nâng cao chất lượng tín dụng, không ngừng hoàn thiện các quy định nội bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể cán bộ nhân viên. Nhưng do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan dẫn đến tỷ lệ nợ xấu gia tăng và những yếu kém trong quản trị rủi ro đã gây ra tình trạng mất cán bộ, thu nhập của ngân hàng bị giảm sút trong các năm 2010-2015. Xuất phát từ lý do trên, tác giả thu thập dữ liệu và phân tích một số nội dung về thực trạng rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng, Rủi ro tín dụng, Ngân hàng thương mại, Nợ xấu

**18. Tín dụng ngân hàng đối với phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam/** Nguyễn Văn Nhật// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 63– 66.

**Nội dung:** Phát triển ngành Công nghiệp có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, kỹ năng lao động, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cho sản phẩm và chất lượng cho nền kinh tế Việt Nam. Ngành Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam tuy đã có những bước nhất định, song chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong nước. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do nguồn vốn tín dụng ngân hàng dành cho ngành công nghiệp hỗ trợ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Để giải quyết vấn đề này cần triển khai đồng bộ các giải pháp, tăng cường nguồn vốn tín dụng phát triển Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

**Từ khóa:** Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, tín dụng ngân hàng, công nghiệp

**19.** **Tín dụng thương mại và hiệu quả hoạt động của các công ty niên yết tại Việt Nam/** Phạm Quốc Việt, Phạm Trần Quang Phúc// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 87– 90.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện trên mẫu dữ liệu 279 công ty niên yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2012-2018 nhằm kiểm tra ảnh hưởng của tín dụng thương mại đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả đã tìm thấy bằng chứng về ảnh hưởng tích cực của tín dụng thương mại thông qua khoảng phải thu và khoảng phải trả đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp quy mô lớn, và ảnh hưởng ngược lại đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các gợi ý cho doanh nghiệp quản lý tín dụng thương mại.

**Từ khóa:** Tín dụng thương mại, doanh nghiệp niên yết, hiệu quả hoạt động

**20. Ứng dụng video banking trong hoạt động ngân hàng**/ Lê Thị Anh Quyên// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 12 (549) .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm Video banking là gì, các giao dịch có thể được xử lý qua Video banking, quy trình giao dịch của Video banking, kinh nghiệm áp dụng tại các nước trên thế giới.

**Từ khoá**: Video banking, giao dịch ngân hàng, kết nối video từ xa

**21. Vấn đề quản lý rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân tại BIDV chi nhánh Hà Giang/**Nguyễn Thị Hồng Yến, Đỗ Thị Hương// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 154– 156.

**Nội dung:** Tín dụng khách hàng cá nhân là một trong những hoạt động qua trọng của các khách hàng thương mại, tuy nhiên hoạt động này gắn liến với rủi ro. Để đẩy mạnh hiệu quả hoạt động ngân hàng thì việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân cần được quan tâm sâu sắc. Trong những năm qua, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Hà Giang đã chú trọng đến quản lý rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân, tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

**Từ khóa:** Quản lý, rủi ro, tín dụng, khách hàng cá nhân, BIDV Hà Giang

**22. Về chuyển động của hệ thống ngân hàng trong cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Thị Loan// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Đề cập việc thực hiện đổi mới công nghệ, sản phẩm của hệ thống ngân hàng; những vấn đềđựt ra đối với hệ thống ngân hàng trong bối cảnh mới.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp 4.0, ngân hàng, công nghệ mới, sản phẩm, khách hàng

**23. Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng đem lại sự hài lòng cho khách hàng tại BIDV Bình Dương trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0**/ Nguyễn Thị Diên, Lưu Anh Tú, Võ Xuân Sơn// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 39-41, 60.

**Nội dung**: Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Theo đó, công tác quản lý nhà nước, quản lý trong các doanh nghiệp cần phải luôn cải cách, hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, trong đó phải kể đến chất lượng dịch vụ ngành ngân hàng ngày càng được chú trọng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng thì cần phải nghiên cứu yếu tố nào tác động bên trong hai bên ngoài, mức độ tác động đến đâu để giúp ngân hàng nâng cao được chất lượng dịch vụ của mình, điều này đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với xu thế hiện nay.

**Từ khoá**: Ngân hàng, Chất lượng, Dịch vụ, Sự hài lòng

**CHÍNH TRỊ XÃ HỘI**

**1. Độc lập gắn liền chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong cách mạng Việt Nam/** Vũ Quang Vinh// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 22-31.

**Nội dung:** Phân tích, làm rõ một số nội dung về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong cách mạng Việt Nam.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam

**2. Nghiên cứu của C.Mác về công xã nông thôn ở Ấn Độ/** Lê Văn Yên, Bùi Đức Khánh// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 19-30.

**Nội dung:** Giới thiệu những nghiên cứu của C. Mác về sự ra đời, cơ cấu tổ chức và những hạn chế của công xã nông thôn ở Ấn Độ.

**Từ khóa:** Công xá nông thôn, phương thức sản xuất, xã hội phương Đông

**3. Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội Việt Nam : vấn đề và giải pháp/** Nguyễn Minh Trí, Đặng Việt Thành// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 89-96.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề và giải pháp nhằm nâng cao hiệu ứng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** An sinh xã hội, phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế

**4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về an sinh xã hội và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Mai Phương// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 32-41.

**Nội dung:** Phân tíchTư tưởng Hồ Chí Minh về an sinh xã hội và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh về an sinh xã hội bao gồm hệ thống các quan điểm về mục đích, đối tượng, nội dung và yêu cầu thực hiện chính sách xã hội.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, an sinh xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam

**5. Vai trò của tổ chức Đảng trong Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam/** Lê Công Thành, Đào Thị Ngọc Mai// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 97-104.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng, vai trò của tổ chức Đảng trong các Doanh nghiệp FDI, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao vai trò của tổ chức này trong việc bảo vệ quyền lợi người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp FDI, tổ chức Đảng, Việt Nam

**6. Về thời đại và thời đại ngày nay/** Nguyễn Ngọc Hà, Đoàn Nam Chung// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 14-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu một số nội dung về thời đại và thời đại ngày nay. Khi bàn về thời đại ngày nay chúng ta cần xác dịnh xem thời đại ngày nay bắt đầu từ bao giờ, đặc trưng cơ bản của thời đại ngày nay là gì.

**Từ khóa:** Lịch sử, thời đại, thời đại ngày nay

**7. Việt Nam với dịch Cocid-19: một góc nhìn xã hội học/** Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Thơm// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 85-96.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát trực tuyến về nhận thức của người Việt Nam đối với đại dịch Covis-19 từ góc nhìn xã hội học, bài viết phân tích thái độ và ứng xử của người Việt Nam trước đại dịch và niềm tin của người dân Viêt Nam vào chính phủ qua đại dịch này.

**Từ khóa:** Covid-19, thái độ, ứng xử, niềm tin

**8.** **V.I. Lênin – người bảo vệ xuất sắc triết học Mác/** Trần Văn Phòng// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Tập trung chứng minh luận điểm “V.I. Lênin – người bảo vệ xuất sắc triết học Mác” thông qua hai nội dung chính đó là: V.I. Lênin đấu tranh chống các học thuyết phản khoa học bảo vệ triết học Mác, V.I. Lênin đã kế thùa và phát triển triết học Mác.

**Từ khóa:** V.I. Lênin, triết học Mác, bảo vệ triết học Mác

**9. V.I Lê-nin và Quốc tế cộng sản/** Nguyễn Anh Tuấn// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của V.I. Lê-Nin trong những năm đầu Quốc tế Cộng sản mới được thành lập, trong việc hoạch định cơ sở lý luận, chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, những hoạt động thực tiễn quan trọng nhất của V.I. Lê-nin trong Quốc tế Cộng sản, sự giúp đỡ của Người cho các Đảng Cộng Sản cũng như mối quan hệ qua lại khăng khít của Người với Quốc tế Cộng sản trong bốn kỳ Đại hội đầu (1919-1922) hình thành và phát triển của tổ chức này.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa Mác –Lê-Nin, Quốc tế cộng sản

**MÔI TRƯỜNG**

**1. Bảo tồn đa dạng sinh học tại khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân liên: Thực trạng và giải pháp**/ Đỗ Ngọc Dương// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 29 - 30.

**Nội dung:** Đa dạng sinh học tại khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại khu Bảo tồn.

**Từ khóa:** Đa dạng sinh học, khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên

**2. Bước đầu đánh giá hiện trạng ô nhiễm rác thải nhựa tại một số bãi biển Việt Nam**/ Nguyễn Thu Trang, Bùi Thị Thu Hiền, Chu Thế Cường// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 30 - 32.

**Nội dung:** Trình bày kết quả đánh giá hiện trạng rác thải nhựa tại vùng ven biển Việt Nam, kết luận và một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Rác thải nhựa, ô nhiễm rác thải nhựa, bãi biển

**3. Chống xóa bề mặt và giảm trượt bờ dốc nền đường theo hướng thân thiện môi trường**/ Nguyễn Đức Mạnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 6(735) .- Tr.34-37.

**Nội dung**: Trình bày việc ứng dụng các giải pháp công nghệ mới trong phòng chống xói mòn bề mặt và trượt nông tại các bờ dốc nền đường đào không chỉ nhằm nâng cao chất lượng các công trình xây dựng mà còn hướng tới giảm thiểu bê tông hóa, thay thế bằng các giải pháp có thể bảo tồn thiên nhiên, phủ xanh bởi thảm thực vật, đảm bảo cảnh quan môi trường để phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Chống xói mòn đất, phủ xanh bởi thảm thực vật

**4. Chủ động các giải pháp phòng ngừa, ứng phó thiên tai thời tiết**/ Lê Văn Nghĩa// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 (338) .- Tr. 12 - 13.

**Nội dung:** Thiên tai thời tiết và bài học trong ứng phó khắc phục hậu quả; Chủ động phòng ngừa, sẵn sàng các giải pháp ứng phó.

**Từ khóa:** Thời tiết, thiên tai, hậu quả, giải pháp

**5. Đa dạng sinh học ở Việt Nam: Thực trạng và thách thức bảo tồn**/ Trần Văn Bằng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.57-61.

**Nội dung**: Kêu gọi con người sống hài hòa với thiên nhiên, áp dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên để tạo sự thay dổi tích cực, bảo vệ thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Đa dạng sinh học, môi trường, thiên nhiên

**6. Định hướng áp dụng Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư trong bảo vệ môi trường**/ Nguyễn Xuân Thủy// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 (338) .- Tr. 20 - 22.

**Nội dung:** Thực trạng ứng dụngCách mạng Công nghiệp 4.0 trong quản lý môi trường; Tác động Cách mạng Công nghiệp 4.0 với công tác quản lý môi trường; Định hướng ứng dụngCách mạng Công nghiệp 4.0 trong bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Cách mạng Công nghiệp 4.0, bảo vệ môi trường

**7. Giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị của Vườn Di sản ASEAN**/ Đặng Thu// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 66 - 68.

**Nội dung:** Bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý bền vững các hệ sinh thái tự nhiên độc đáo và quan trọng trong khu vực ASEAN; Giải pháp bảo tồn, phát huy các giá tị của Vườn Di sản ASEAN.

**Từ khóa:** Vườn Di sản ASEAN, bảo vệ môi trường

**8. Kinh nghiệm áp dụng quy định về đánh giá tác động sức khỏe và tác động môi trường của một số quốc gia trên thế giới**/ Vũ Thế Hưng, Nguyễn Xuân Hải, Đỗ Mai Phương, Nguyễn Thị Thu Hiền// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 48 - 50.

**Nội dung:** Trình bày một số kinh nghiệm áp dụng quy định về đánh giá tác động sức khỏe và tác động môi trường của một số quốc gia trên thế giới như: Campuchia, Lào, Malaixia, Philipin, Hàn Quốc, Việt Nam.

**Từ khóa:** Sức khỏe, môi trường, quốc gia, đánh giá tác động

**9. Kinh nghiệm một số quốc gia trong việc bảo vệ môi trường biển do nguồn ô nhiễm từ đất liền**/ Phạm Thị Gấm// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 32 - 36.

**Nội dung:** Trình bày một số kinh nghiệm của Israel, Ôxtrâylia, Bangladesh trong việc bảo vệ môi trường biển do nguồn ô nhiễm từ đất liền và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Ô nhiễm môi trường, nguồn ô nhiễm từ đất liền, bảo vệ môi trường biển

**10. Lợi ích của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**/ Nguyễn Thế Chinh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 (338) .- Tr. 14 - 16.

**Nội dung:** Cơ hội và thách thức doanh nghiệp đổi mới tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0 trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0 về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Công nghệ 4.0, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, doanh nghiệp

**11. Ngân hàng chất thải – mô hình thành công trong quản lý chất thải rắn đô thị tại Inđônêxia**/ Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thị Trà// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 63 - 64.

**Nội dung:** Làm rõ mô hình ngân hàng chất thải trong quản lý chất thải rắn đô thị tại Inđônêxia.

**Từ khóa:** Ngân hàng chất thải, chất thải rắn, chất thải đô thị, mô hình

**12. Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng vật liệu nano Fe3O4 pha tạp mangan (Mn) để xử lý nước ô nhiễm As(III)**/ Đào Đình Thuần, Nguyễn Văn Dũng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.48-51.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu điều chế và sử dụng vật liệu nano Fe3O4 pha tạp mangan (Fe3O4-x%Mn) để xử lý nước ô nhiễm As(III).

**Từ khóa**: Chụp ảnh TEM, hấp thụ asen, kỹ thuật XRD, vật liệu nano Fe3O4 pha tạp Mn

**13. Nhu cầu đổi mới công nghệ xử lý nước thải trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy**/ Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Minh Thu// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 40 - 43.

**Nội dung:** Thách thức môi trường tại lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Một số công nghệ xử lý nước thải hiện nay trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Đổi mới công nghệ xử lý nước thải trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

**Từ khóa:** Xử lý nước thải, lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, ô nhiễm môi trường

**14. Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn có khả năng khử màu nước thải dệt nhuộm**/ Nguyễn Huy Thuần, Nguyễn Văn Giang, Lê Thị Vân Anh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.52-57.

**Nội dung**: Nhằm khảo sát khả năng khử màu thuốc nhuộm Red FN2BL của một số chủng vi khuẩn được phân lập từ nước thải dệt nhuộm.

**Từ khóa**: Khử màu, nước thải, phân hủy sinh học, thuốc nhuộm

**15. Quản trị khí hậu ở Việt Nam: Những vấn đề cần xem xét?**/ Nguyễn Minh Quang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.25-29.

**Nội dung**: Nhằm khởi tạo một diễn đàn về chính sách khí hậu và các quan điểm tiếp cận quản trị khí hậu dựa trên lược khảo nghiên cứu quốc tế. Việc thảo luận về chủ đề này cung cấp cơ sở tham khảo cần thiết cho việc lựa chọn giải pháp tiếp cận và cải cách thể chế quản trị khí hậu ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Quản trị khí hậu, khí hậu Việt Nam

**16. Tăng cường quản lý các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản**/ Hương Trà// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 (338) .- Tr. 52 - 53.

**Nội dung:** Sự cần thiết phải ban hành Chỉ thị; Nội dung chính của dự thảo Chỉ thị.

**Từ khóa:** Khoáng sản, Chỉ thị, quản lý Nhà nước

**17. Tăng cường sản xuất điện năng từ chất thải, góp phần phát triển năng lượng và bảo vệ môi trường**/ Dương Văn Mão// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 54 - 55.

**Nội dung:** Trình bày về tiềm năng sản xuất điện từ rác và đề xuất định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, điện năng, chất thải, năng lượng

**18. Thực hiện chế định quyền và nghĩa vụ của con người với môi trường – Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường**/ Hoàng Văn Sao// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 (338) .- Tr. 50 - 51.

**Nội dung:** Chế định quyền và nghĩa vụ của con người với môi trường là cơ sở pháp lý nền tảng quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền giám sát hoạt động của các bên liên quan đến môi trường và nghĩa vụ của con người thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Môi trường, bảo vệ môi trường, con người, Hiến pháp

**19. Trả phí theo lượng chất thải: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam**/ Lê Thu Hoa// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Trình bày một số kinh nghiệm thực hiện trả phí theo lượng chất thải trên thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm của Mỹ và Hàn Quốc – một trong những gương sáng thành công thực hiện thành công trả phí theo lượng chất thải, từ đó rút ra một số bài học cho quá trình xây dựng chính sách và thực thi ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất thải rắn sinh hoạt, trả phí theo lượng chất thải

**20. Từ kinh nghiệm quốc tế, bài học lựa chọn tiêu chí công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Việt Nam**/ Nguyễn Thế Thông// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 36 - 39.

**Nội dung:** Kinh nghiệm một số nước sử dụng tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Thực trạng và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Kết luận.

**Từ khóa:** Chất thải rắn, công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

**21. Việt Nam cùng cộng đồng ASEAN kết nối hành động vì sự bền vững môi trường và đa dạng sinh học**/ Đặng Huy Huỳnh// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 24 - 26.

**Nội dung:** Đa dạng sinh học là tài sản vô giá; Cộng đồng ASEAN cùng hành động bảo tồn đa dạng sinh học; Việt Nam bảo tồn đa dạng sinh học góp phần làm phong phú đa dạng sinh học khu vực ASEAN; Đề xuất một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam và khu vực.

**Từ khóa:** Việt Nam,cộng đồng ASEAN, đa dạng sinh học, bền vững môi trường

**LUẬT HỌC**

**1. Bàn về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017**/ Trần Hữu Tuyên// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 50 – 56.

**Nội dung:** Tác giả phân tích những nội dung cơ bản về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành; đưa ra một số hạn chế, bất cập của pháp luật quy định về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện pháp luật về tội này.

**Từ khóa:** Quyền sở hữu công nghiệp, tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

**2. Bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm trong quá trình vận hành tàu thyền – pháp luật Hoa Kỳ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Chung Lê Hồng Ân// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 107 – 116.

**Nội dung:** Hoa Kỳ và Việt Nam đều là quốc gia ven biển, thành viên của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư 1978 (MARPOL)). Trong khi pháp luật Hoa Kỳ có những quy định tiến bộ và có khả năng áp dụng trên thực tế cao thì các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập cần hoàn thiện. Trên nền tảng phân tích những điểm tiến bộ của pháp luật Hoa Kỳ và so sánh với pháp luật Việt Nam, bài viết sẽ đưa ra những bình luận cũng như giải pháp sửa đổi, bổ sung cho pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Môi trường biển, ô nhiễm biển, pháp luật Hoa Kỳ

**3. Bất cập trong các quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ của khách du lịch**/ Cao Vũ Minh// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 3 – 16.

**Nội dung:** So với nhiều nước trên thế giới, du lịch mạo hiểm ở Việt Nam xuất hiện khá muộn. Tuy nhiên, Việt Nam lại sở hữu nhiều tiềm năng để phát triển du lịch mạo hiểm. Để tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý tốt hơn loại hình du lịch này, Quốc hội đã ban hành Luật Du lịch năm 2017, trong đó quy định về sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ của khách du lịch. Bài viết phân tích những quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ của khách du lịch.

**Từ khóa:** Luật Du lịch năm 2017, du lịch mạo hiểm, khách du lịch, sản phẩm du lịch

**4. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về các tội phạm tham nhũng**/ Lê Huỳnh Tấn Duy// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 8(129) .- Tr. 79 – 94.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề lý luận, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; quy định của Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng, hướng dẫn của Văn phòng Liên hợp quốc về Ma tuý và tội phạm, về kỹ thuật điều tra tố tụng đặc biệt. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và nâng cao hiệu quả tiến hành các biện pháp này ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, tội phạm tham nhũng, luật tố tụng hình sự Việt Nam, Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng

**5. Các hành vi của Trung Quốc trên biển Đông trong thời gian gần đây dưới góc nhìn của Luật pháp, quan hệ quốc tế và phản ứng của Việt Nam**/ Ngô Hữu Phước// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 97 – 108.

**Nội dung:** Bài viết phân tích làm sáng tỏ các hành vi vi phạm pháp luật quốc tế của Trung Quốc trong thời gian qua trên biển Đông, đồng thời, phân tích, trù liệu phản ứng của Việt Nam đã và nên thực hiện trong tương lai nhằm đối phó có hiệu quả với các hành vi của Trung Quốc xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển Đông.

**Từ khóa:** Vi phạm pháp luật quốc tế, xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán

**6. Các quy định mới về đánh giá tác động môi trường trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (Sửa đổi): Mục tiêu đề xuất và một số vấn đề cần thảo luận tiếp**/ Lê Hoàng Lan// Môi trường .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 16 - 19.

**Nội dung:** Bối cảnh sửa đổi các quy định về đánh giá tác động môi trường; Các quy định mới dự kiến bổ sung, sửa đổi; Một số vấn đề cần thảo luận tiếp.

**Từ khóa:** Môi trường,Luật Bảo vệ môi trường

**7. Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư trong khuôn khổ hiệp định tự do thương mại – Đầu tư Việt Nam – EU – Một số vấn đề cần lưu ý**/ Nguyễn Thị Lan Hương, Lê Trần Quốc Công// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 8(129) .- Tr. 95 – 107.

**Nội dung:** Vào cuối năm 2015, Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đã tuyên bố hoàn tất đàm phán Hiệp định thương mại tự do – đầu tư giữa hai vũng lãnh thổ. Bên cạnh nhiều nhượng bộ thương mại đáng khích lệ được ghi nhận trong Hiệp định Thương mại tự do ( EVFTA), hai bên cũng đồng ý về nội dung Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA) trong đó đáng chú ý là các quy định về hệ thống toà án đầu tư (ITS hay ICS). Bài viết phân tích một số đặc điểm đặc trưng của hệ thống ITS và thảo luận một số khó khăn từ góc độ Việt Nam.

**Từ khóa:** Hệ thống toà án đầu tư, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU, EVIPA, EVFTA, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

**8. Cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong liên minh Châu Âu và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Hà// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 83 – 95.

**Nội dung:** Liên minh châu Âu đã xây dựng một số cơ chế cho phép giải quyết tranh chấp trực tuyến. Các cơ chế như giải quyết tranh chấp tiêu dùng trực tuyến, giải quyết tranh chấp tên miền .eu trực tuyến hay việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết các tranh chấp nhỏ là những bước đi cần thiết thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến tại khu vực. Do đó, nghiên cứu về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai các cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến tại EU sẽ góp phần rút ra những kinh nghiệm và khuyến nghị cần thiết cho quá trình triển khai các cơ chế tương tự tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Giải quyết tranh chấp trực tuyến, Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, Liên minh châu Âu, Việt Nam

**9. Đăng ký quyền sở hữu căn hộ chung cư theo yêu cầu và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật**/ Đặng Phước Thông// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 37 – 49.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ ba nội dung: Quy định hiện hành về quyền sở hữu căn hộ chung cư; cơ chế đăng ký quyền sở hữu căn hộ chung cư theo quy định của pháp luật Việt Nam và tham khảo pháp luật một số quốc gia như Pháp, Đức; Một số bất cập trong quy định pháp luật về quyền sở hữu căn hộ chung cư và kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Đăng ký quyền sở hữu, căn hộ chung cư, đăng ký theo yêu cầu, đăng ký tài sản, nhà chung cư, quyền đối với tài sản, Điều 214 Bộ luật Dân sự năm 2015

**10. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Quy đinh mới từ Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP**/ Đặng Trần Hiếu// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 56 - 57.

**Nội dung:** Trình bày những đòi hỏi từ thực tiễn cuộc sống về quyền khai thác khoáng sản và nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

**Từ khóa:** Khoáng sản, Luật Khoáng sản, Luật Đấu giá tài sản

**11. Đấu giá tài sản không thành theo quy định của Luật đấu giá tài sản**/ Nguyễn Thị Thu Hồng// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 45 – 49.

**Nội dung:** Luật đấu giá tài sản đã quy định về những trường hợp đấu giá không thành. Tuy nhiên trong một số trường hợp, tài sản không bán được qua đấu giá nhưng lại không thuộc các trường hợp đấu giá không thành, gây khó khăn cho việc xử lý tiếp tài sản và khó khăn trong việc thanh toán chi phí đấu giá cho tổ chức đấu giá tài sản. Bài viết trao đổi các vấn đề về đấu giá không thành và định hướng sửa đổi nội dung này trong pháp luật về đấu giá tài sản.

**Từ khóa:** Đấu giá không thành, đấu giá tài sản

**12. Di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định của pháp luật Việt Nam**/ Hồ Thị Bảo Ngọc// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 33 – 37.

**Nội dung:** Thờ cúng ông bà tổ tiên là một truyền thống của người Việt Nam đã được cụ thể hoá vào trong các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quy định di sản dùng vào việc thờ cúng hiện nay còn nhiều điểm chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến bất cập khi áp dụng vào trong thực tiễn. Bài viết tập trung phân tích những điểm chưa rõ trong quy định “Di sản dùng vào việc thờ cúng” của Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật.

**Từ khóa:** Di sản thờ cúng, người thừa kế, người quản lý di sản

**13. Điều kiện áp dụng chế định hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba trong bộ luật dân sự Việt Nam – So sánh với pháp luật Nhật Bản**/ Đặng Thái Bình// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 8(129) .- Tr. 39 – 51.

**Nội dung:** Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba là một loại hợp đồng có điểm đặc trưng là việc thực hiện phải vì “ lợi ích của người thứ ba”. Việc hiểu và áp dụng loại hợp đồng này trên thực tế hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Bài viết phân tích các điều kiện áp dụng chế định loại hợp đồng này trên phương diện của pháp luật Việt Nam và so sánh với các quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS) Nhật Bản hiện hành.

**Từ khóa:** Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba, pháp luật Nhật Bản

**14. Định giá quyền tác giả**/ Nguyễn Phương Thảo// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 32 – 46.

**Nội dung:** Định quyền tác giả là hoạt động mang tính chất đặc thù bởi những đặc trưng của đối tượng này so với các loại tài sản khác. Nội dung bài viết tập trung vào những đặc trưng của quyền tác giả tác động đến hoạt động định giá và những phương pháp định giá cụ thể. Từ đó, bài viết đánh giá thực tiễn định giá quyền tác giả thể hiện qua vấn đề xác định thiệt hại trong những tranh chấp về hành vi xâm phạm quyền được giải quyết tại Toà án.

**Từ khóa:** Định giá, quyền tác giả, xác định thiệt hại, phương pháp chi phí, phương pháp thị trường, phương pháp thu nhập

**15. Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi): Khắc phục những bất cập, khó khăn trong quản lý chất lượng không khí**/ Lê Hoài Nam// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 17 - 19.

**Nội dung:** Thực trạng ô nhiễm không khí ở Việt Nam; Phân công, quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng môi trường không khí trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi).

**Từ khóa:** Luật Bảo vệ môi trường, ô nhiễm không khí, quản lý chất lượng không khí

**16. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam**/ Đoàn Trung Kiên, Nguyễn Thị Vân Anh// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung:** Trọng tài thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án được các bên tranh chấp ưa thích lựa chọn xuất phát từ tính ưu việt của phương thức này. Để đảm bảo cho hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp như Luật trọng tài thương mại năm 2010. Bên cạnh kết quả đạt được, sau một thời gian thực hiện, pháp luật về trọng tài thương mại cũng đã bộc lộ một số bất cập trong thực tiễn thi hành đòi hỏi phải được hoàn thiện trong thời gain tới. Bài viết nghiên cứu về thực trạng pháp luật và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Trọng tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, trung tâm trọng tài, trọng tài viên.

**17. Giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam – Thực trạng pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi**/ Vũ Phương Đông// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 18 – 24.

**Nội dung:** Thực tế hiện nay, vấn đề pháp luật liên quan đến việc nhà đầu tư rút khỏi thị trường được quy định khá cụ thể. Thủ tục hành chính về giải thể doanh nghiệp hiện nay đã có nhiều thay đổi tích cực. Tuy nhiên, thủ tục giải thể doanh nghiệp về tổng thể còn nhiều bất cập, nhiều vướng mắc tại cơ quan thuế và trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể còn rất hạn chế. Để cải cách thủ tục hành chính cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và hệ thống công cụ nâng cao hiệu quả thực hiện giải thể doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Cải cách thủ tục hành chính, cơ quan đăng ký kinh doanh, con dấu, giải thể, mã số thuế, thuế xuất nhập khẩu

**18. Giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Thoa// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 1(131) .- Tr. 82 – 97.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số vấn đề pháp lý liên quan đến giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật Việt Nam, từ đó đưa ra một vài khuyến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khóa:** Bảo mật, thông tin khách hàng, hoạt động ngân hàng

**19. Góp ý dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng**/ Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Đức Hồng Hà// Nghề cứu lập pháp.- 2020 .- Số 6 (406) .- Tr. 26 – 30.

**Nội dung:** Luật xây dựng năm 2014 được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư xây dựng phù hợp với thực tiễn của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng năm 2014 đã xuất hiện một số vướng mắc, hạn chế, bất cập; đồng thời xuất hiện yêu cầu mới đòi hỏi cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật này. Bài viết góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng.

**Từ khóa:** Luật xây dựng, xây dựng, quy hoạch

**20. Góp ý dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng**/ Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Đức Hồng Hà// Nghề cứu lập pháp.- 2020 .- Số 6 (406) .- Tr. 26 – 30.

**Nội dung:** Luật xây dựng năm 2014 được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư xây dựng phù hợp với thực tiễn của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng năm 2014 đã xuất hiện một số vướng mắc, hạn chế, bất cập; đồng thời xuất hiện yêu cầu mới đòi hỏi cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật này. Bài viết góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng.

**Từ khóa:** Luật xây dựng, xây dựng, quy hoạch

**21. Góp ý quy định về thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể trong dự thảo Bộ luật lao động (sửa đổi)**/ Lê Thị Thuý Hương// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 30 – 39.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích một số nội dung quan trọng liên quan đến vấn đề thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương V Dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi), bài viết đề xuất một số góp ý nhằm chỉnh sửa và hoàn thiện các quy định này.

**Từ khóa:** Thương lượng tập thể, thoả ước lao động tập thể, tổ chức đại diện người lao động, đình công

**22. Hiến pháp và bầu cử Ấn Độ: từ văn bản đến thực tiễn**/ Nguyễn Mạnh Cường// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 5 (90) .- Tr. 57 - 66.

**Nội dung:** Sơ lược về hệ thống bầu cử theo Hiến pháp Ấn Độ; Một số đặc điểm của bầu cử tại Ấn Độ; Một số nhận xét về bầu cử Ấn Độ.

**Từ khóa:** Hiến pháp, bầu cử Ấn Độ, dân chủ, đặc điểm

**23. Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội – Trường hợp công ty lợi ích của Hoa Kỳ và kinh nghiệm sửa đổi Luật doanh nghiệp cho Việt Nam**/ Tô Thị Đông Hà// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 47 – 58.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng doanh nghiệp xã hội trong Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn và Luật Công ty cổ phần của các bang ở Hoa Kỳ đã tạo nên một làn sóng các hình thức pháp lý mới cho doanh nghiệp xã hội, trong đó phổ biến nhất là công ty lợi ích. Bài viết phân tích những đặc điểm pháp lý của mô hình kinh doanh này, so với công ty truyền thống; từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp xã hội trong Luật Doanh nghiệp năm 2014.

**Từ khóa:** Công ty lợi ích, doanh nghiệp xã hội, hình thức pháp lý, Luật Doanh nghiệp năm 2014

**24. Hoàn thiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính về lao động**/ Cao Vũ Minh// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 86 – 96.

**Nội dung:** Nhằm bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động thì xử phạt hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu. Bên cạnh việc áp dụng các hình thức xử phạt để răn đe cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính, pháp luật còn áp dụng các biện pháp nhất định nhằm khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra. Bài viết phân tích một số bất cập, hạn chế của biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, đồng thời đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, lao động, bảo hiểm xã hội

**25. Hoàn thiện chế định quản tài viên theo pháp luật về phá sản ở Việt Nam**/ Nguyễn Tuấn Hải// Nghề luật.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 28 – 32.

**Nội dung:** Luật phá sản năm 2014 đã kịp thời hoàn thiện, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của quản tài viên so với Luật phá sản năm 2004. Tuy nhiên, qua quá trình thi hành pháp luật cũng như khi nghiên cứu pháp luật nước ngoài, tác giả nhận thấy rằng, chế định quản tài viên theo pháp luật Việt Nam còn một số điểm chưa thật phù hợp với nhu cầu của thực tiễn đời sống pháp lý. Do đó, thông qua bài viết, tác giả phân tích về các hạn chế của quy định pháp luật Việt Nam về chức năng, nhiệm vụ của quản tài viên, đồng thời so sánh với các quy định của một số quốc gia trên thế giới từ đó đề xuất cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản tài viên, phá sản, tài sản phá sản

**26. Hoàn thiện pháp luật về hội đồng quản trị trong công ty cổ phần ở Việt Nam**/ Phạm Quý Đạt// Nghề luật.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 20 – 27.

**Nội dung:** Hội đồng quản trị luôn có một vị trí, vai trò đặc biệt trong công ty cổ phần và đối với hoạt động quản trị công ty. Luật Doanh nghiệp năm 2014 cùng các văn bản hướng dẫn được ban hành đã tiếp tục củng cố vị trí, vai trò quan trọng này của Hội đồng quản trị đối với từng mô hình quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam. Bài viết trình bày khái quát những quy định của pháp luật Việt Nam về Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần, từ đó đưa ra những đề xuất, khuyến nghị hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản trị công ty ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Hội đồng quản trị, quản trị công ty, công ty cổ phần

**27. Hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật công chức**/ Phan Lê Hoàng Toàn// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 8(129) .- Tr. 18 – 26.

**Nội dung:** Khiếu nại và giải quyết khiếu nại là vấn đề liên quan đến tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở lĩnh vực nào, khiếu nại và giải quyết khiếu nại cũng đều quan trọng và cần phải được thực hiện một cách đúng đắn, nghiêm minh. Bài viết phân tích các quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 về thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật công chức, từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Khiến nại, quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật, công chức

**28. Hoàn thiện quy định của pháp luật về biện pháp khắc phục hậu quả “ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu”**/ Trương Tư Phước// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 17 – 36.

**Nội dung:** “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” là một biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng phổ biến trong xử phạt vi phạm hành chính. Thế nhưng, các quy định pháp luật hiện nay về biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Bài viết phân tích những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, xử phạt vi phạm hành chính

**29. Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ đối với các tội phạm tham nhũng**/ Đỗ Thị Phượng// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 1(131) .- Tr. 53 – 63.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào việc phân tích những quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia và thực trạng thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ đối với người phạm tội. Bên cạnh đó bài viết còn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tương tợ tư pháp hình sự và dẫn độ người phạm tội.

**Từ khóa:** Tội phạm tham nhũng, tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ, hợp tác quốc tế, Bộ luật Tố tụng hình sự

**30. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm con người**/ Nguyễn Thị Thuỷ// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 71 – 81.

**Nội dung:** Mục đích của bảo hiểm con người là bảo vệ quyền lợi tài chính của người được bảo hiểm thông qua hoạt động chuyển giao rủi ro từ người mua bảo hiểm sang doanh nghiệp bảo hiểm. Bài viết phân tích quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm con người và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định này của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010,2019)

**Từ khóa:** Kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm con người, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000

**31. Luật an ninh mạng - sự cần thiết và công tác tuyên truyền tạo đồng thuận xã hội**/ TS. Nguyễn Minh Phong, ThS. Nguyễn Trần Minh Trí// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 2-6.

Nội dung: Trình bày thực tiễn kiểm soát an ninh mạng trên thế giới; Thực tê và Luật An ninh mạng ở Việt Nam.

Từ khoá: Luật An ninh mạng

**32. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14: Kỳ vọng nâng tầm thị trường chứng khoán Việt Nam** /Vụ Pháp Chế (Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước)// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 6 – 10.

**Nội dung:** Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, với nhiều điểm mới mang tính đột phá như: Nâng điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng; nâng cao chất lượng báo cáo tài chính; đổi mới cơ chế đăng ký doanh nghiệp; tăng cường minh bạch thông tin; thống nhất một sở giao dịch chứng khoán; trao thêm quyền cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước; tăng chế tài xử lý vi phạm... Với những sửa đổi, mang tính đột phá trên, Luật Chứng khoán được kỳ vọng sẽ góp phần nâng tầm thị trường chứng khoán Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Luật Chứng khoán năm 2019, thị trường chứng khoán.

**33. Một số bình luận, góp ý về vấn đề làm thêm giờ, tuổi nghỉ hưu, thời hạn cho thuê lại lao động và giấy phép lao động trong dự thảo Bộ luật lao động (sửa đổi)**/ Trần Linh Huân// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 22 – 29.

**Nội dung:** Trải qua hơn 5 năm triển khai thi hành Bộ luật Lao động năm 2012, bên cạnh những kết quả đạt được thì cũng tồn tại không ít những bất cập nhất định, Điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người lao động (NLĐ) và người sử dụng lao động (NSDLĐ) cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu hội nhập quốc tế là điều rất quan trọng và cần thiết. Trên cơ sở đó, bài viết bình luận, góp ý về việc sử đổi, bổ sung một số điều trong dự thảo Bộ luật Lao động và từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Dự thảo Bộ luật Lao động, làm thêm giờ, tuổi nghỉ hưu, cho thuê lại lao động, giấy phép lao động.

**34. Luật Thuế thu nhập cá nhân: Một số bất cập và kiến nghị**/ Nguyễn Vinh Hưng/ Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 4(Tập 62) .- Tr.28-30.

**Nội dung**: Trình bày sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng tại Việt Nam hiện nay đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến Luật Thuế thu nhập cá nhân (TTNCN). Trong đó, quy định về mức giảm trừ gia cảnh của Luật đang tồn tại khá nhiều vấn đề, cần được nghiên cứu, sửa đổi kịp thời nhằm đưa các quy định này phù hợp hơn với hoàn cảnh thực tiễn.

**Từ khóa**: Điều kiện, miễn giảm, pháp luật, thuế thu nhập cá nhân

**35. Một số điểm mới của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**/ Nguyễn Thị Thu Hà// Môi trường .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 13 - 14.

**Nội dung:** Trình bày một số điểm mới của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

**Từ khóa:** Luật Bảo vệ môi trường, nước thải, mức phí bảo vệ môi trường

**36. Một số góp ý về quy định liên quan đến tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo dự thảo Bộ luật lao động (sửa đổi)**/ Đoàn Công Yên// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 40 – 48.

**Nội dung:** Trong Dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi, Chương XIII điều chỉnh tổ chức đại diện của người lao động tại doanh nghiệp. Trong bài viết này, tác giả phân tích một số quy định liên quan đến quyền tự do thành lập, gia nhập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp với mục tiêu đưa ra đề xuất nhằm góp phần bảo đảm thực thi quyền thành lập, gia nhập tổ chức đại diện của người lao động tại doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

**37. Một số vấn đề về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội sản xuất buôn bán hàng giả**/ Hoàng Hải// Nghề luật.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 33 – 38.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích, làm rõ một số vấn đề đặt ra trong truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại phạm tội và kiến nghị giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Buôn bán, đại diện, hàng giả, pháp luật, pháp nhân thương mại, trách nhiệm hình sự

**38. Nguyên tắc bảo mật trong trọng tài đầu tư quốc tế và bình luận về sự bảo mật trong các tranh chấp đầu tư của Việt Nam**/ Lê Thị Ánh Nguyệt// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 85 – 95.

**Nội dung:** Bàn về ưu điểm của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài nói chung và trọng tài đầu tư quốc tế nói riêng so với giải quyết tranh chấp bằng Toà án, các bên liên quan thường chú trọng đến tính chất bảo mật của phương thức này. Sự bảo mật thể hiện rõ nét nhất ở việc không công khai nội dung phán quyết trọng tài, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt nếu các bên tranh chấp đồng ý công khai nội dung phán quyết hoặc theo yêu cầu tố tụng khác đòi hỏi phải công khai phán quyết trọng tài. Bài viết nhằm phân tích tính bảo mật trong các điều ước quốc tế có ghi nhận phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đầu tư, phân tích sự bảo mật trong các tranh chấp đầu tư chống lại Việt Nam và bình luận.

**Từ khóa:** Đầu tư, thương mại, trọng tài đầu tư

**39. Nhận diện nghĩa vụ tài chính của Trường Đại học công lập tự chủ tài chính**/ Phan Thị Thành Dương, Ngô Gia Hoàng// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 59 – 70.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cơ sở hình thành nghĩa vụ tài chính của các trường đại học công lập tự chủ tài chính, từ đó nhận diện các loại nghĩa vụ tài chính mà các đơn vị này phải nộp cho Nhà nước. Bằng việc xác định nghĩa vụ tài chính của trường đại học công lập được tự chủ tài chính, bài viết hướng đến định hình cho việc xác lập giới hạn quyền tự chủ trong hoạt động chi tiêu của chủ thể này sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

**Từ khóa:** Nghĩa vụ tài chính, trường đại học công lập tự chủ tài chính

**40. Những đặc trưng cơ bản của Hiến pháp Ấn Độ**/ Lê Thị Hằng Nga, Hà Lê Huyền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 5 (90) .- Tr. 1 - 10.

**Nội dung:** Phân tích những đặc trưng cơ bản của Hiến pháp Ấn Độ như: chủ quyền cai trị của nhân dân, chính quyền đại nghị, quyền cơ bản và nguyên tắc chỉ đạo, chủ nghĩa thế tục, sự thống nhất và chế độ liên bang, tư pháp độc lập, tính linh hoạt.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Hiến pháp, đặc trưng, hệ thống chính trị

**41. Những khía cạnh pháp lý của quyền hưởng dụng**/ Phùng Trung Tập// Nghề cứu lập pháp.- 2020 .- Số 6 (406) .- Tr. 42 – 52.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá những quy định về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng và việc áp dụng những quy định này vào đời sống thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu của các chủ thể trong sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ có liên quan đến quyền hưởng dụng tài sản của người khác.

**Từ khóa:** Quyền hưởng dụng, vật quyền, di chúc, quan điểm lập pháp

**42. Những thay đổi chính trong hệ thống phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố của Việt Nam**/ Mai Phan// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 12 (549) .- Tr. 28-31.

Nội dung: Bài viết điểm lại một số thay đổi chính trong hệ thống văn bản pháp luật PVRT&TTKB của Việt Nam kể từ sau vòng đánh giá đa phương của Nhóm châu Á - Thái Bình Dương (APG) tháng 11/2008 đến nay.

Từ khoá: Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, bộ luật, Việt Nam

**43. Những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn về bảo hiểm phi nhân thọ**/ Đỗ Văn Đại// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 67 – 82.

**Nội dung:** Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ phổ biến hơn tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Thực tế, khung văn bản quy phạm pháp luật hiện nay về loại hình bảo hiểm phi nhân thọ chưa hoàn thiện. Do đó, bài viết tập trung vào việc phát hiện ra những vấn đề pháp lý được Toà án giải quyết và nên phát triển thành án lệ, đặc biệt những vấn đề liên quan đến xác lập hợp đồng, thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp.

**Từ khóa:** Án lệ, hợp đồng, bảo hiểm

**44. Pháp luật một số quốc gia về người bị buộc tội là người chưa thành niên và bài học đối với Việt Nam**/ Lê Huỳnh Tấn Duy// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 1(131) .- Tr. 30 – 44.

**Nội dung:** Bài viết trình bày và phân tích những quy định nổi bật trong khung pháp lý điều chỉnh về người bị buộc tội là người chưa thành niên của bang Victoria (Úc), New Zealand và Đức. Đó là những quy định nhằm bảo vệ tính bí mật của quá trình tố tụng và về việc áp dụng biện pháp bảo lãnh của bang Victoria; về họp nhóm gia đình của Zew Zealand và hoà giải giữa nạn nhân với người bị buộc tội của Đức. Tác giả sau đó tiến hành so sánh với pháp luật Việt nam, tập trung vào luật tố tụng hình sự, dành cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi.

**Từ khóa:** Tư pháp hành sự người chưa thành niên, người chưa thành niên bị buộc tội, Victoria (Úc), New Zealand, Đức, Việt Nam

**45. Pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều hội viên tại Cộng hòa Pháp**/ Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 3 (234) .- Tr. 35 - 45.

**Nội dung:** Nghiên cứu về loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều hội viên của Pháp, từ đó đề xuất các kiến nghị cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về công ty này ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty trách nhiệm hữu hạn, Cộng hòa Pháp, pháp luật, doanh nghiệp

**46. Pháp luật về kinh doanh vận tải đa phương thức thực trạng và gải pháp hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Thu Hằng// Nghề luật.- 2020 .- Số 6 .- Tr. 12 – 17.

**Nội dung:** Cùng với chủ trương xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh theo hướng phát triển vận tải đa phương thức, tăng cường kết nối giữa các hình thức vận tải, các chủ thể kinh doanh tham gia vào hoạt động vận tải hàng hoá với vai trò người kinh doanh vận tải đa phương thức ở Việt Nam sẽ ngày gia tăng trong thời gian tới. Bài viết tập trung nghiên cứu khái niệm người kinh doanh vận tải đa phương thức và các điều kiện mà các chủ thể kinh doanh phải đáp ứng để trở thành người kinh doanh doanh vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Vận tải đa phương thức, người kinh doanh vận tải đa phương thức, MTO, hợp đồng vận tải đa phương thức, pháp luật

**47. Qui định về quản trị công ty đối với công ty Đại Chúng tại Luật Chứng khoán năm 2019 /** Lê Trung Hải// Tài chính.- 2020 .- Số 724 .- Tr. 19 – 22.

**Nội dung:** Ngày 26/11/2019, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14( Luật Chứng khoán năm 2019). Luật Chứng khoán năm 2019 được ban hành bao gồm 10 chương, 135 Điều với nhiều điểm nổi bật. Đặc biệt, Luật Chứng khoán năm 2019 đã có qui định riêng tại Mục 2, Chương 3 về quản trị công ty đại chúng. Theo đó đã luật hoá các qui định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tạo cơ sở pháp lý cao hơn cho việc thực thi các qui định này, năng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong quản trị công ty của các công ty đại chúng.

**Từ khóa:** Luật Chứng khoán, thị trường chứng khoán.

**48. Quy định về sở hữu trí tuệ trong CPTPP và những tác động đến chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo**/ Phan Quốc Nguyên// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 6(735) .- Tr.14-16.

**Nội dung**: Trình bày quy định về sở hữu trí tuệ (SHTT) trong Hiệp định toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) không chỉ đem đến cơ hội mà còn đặt ra một số thách thức trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển giao công nghệ (CGCN) ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

**Từ khóa**: Sở hữu trí tuệ, CPTPP, đổi mới sáng tạo

**49. Qui định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam /** Trần Thị Xuân Anh, Phạm Tiến Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 28 – 31.

**Nội dung:** Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14( Luật Chứng khoán năm 2019) sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2021 với nhiều quy định mới quan trọng, kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy thị trường Chứng khoán Việt Nam phát triển bền vững trong tương lai. Một trong những điểm mới quan trọng đó là Luật Chứng khoán năm 2019 đã qui định cụ thể, chi tiết về những nội dung liên quan đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Điều này tạo ra khung pháp lý đồng bộ, cởi mở thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, tăng qui mô, thanh khoản cho thị trường chứng khoán, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Từ khóa:** Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, thanh khoản

**50. Quy định về đánh giá tác động môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2014**/ Nguyễn Hữu Phúc// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 25 - 27.

**Nội dung:** Phân tích, chỉ ra những khó khăn, bất cập cụ thể và đề xuất sửa đổi một số nội dung trong Luật Bảo vệ môi trường nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động đánh giá, thẩm định báo cáo tác động môi trường trong các dự án đầu tư trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Môi trường, Luật Bảo vệ môi trường

**51. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động**/ Đinh Thị Chiến// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 49 – 60.

**Nội dung:** Luật lao động truyền thống có xu hướng bảo vệ an ninh công việc cho người lao động nên hạn chế quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động. Ngày nay, sự phát triển của công nghệ và xu thế toàn cầu hoá đã đặt ra nhu cầu xem xét lại vấn đề này để bảo đảm năng lực cạnh tranh của người sử dụng lao động. Trên cơ sở cân nhắc giữa vấn đề an ninh việc làm, thu nhập của người lao động và nhu cầu linh hoạt của người sử dụng lao động, tác giả đưa ra một số ý kiến đối với các quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động trong Dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi)

**Từ khóa:** Hợp đồng lao động, Bộ luật Lao động, Dự thảo Bộ luật Lao động

**52. Quyền sở hữu đối với sáng chế do người lao động tạo ra theo luật sở hữu trí tuệ Việt Nam và kinh nghiệm từ nước ngoài**/ Nguyễn Trọng Luận// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 50 – 57.

**Nội dung:** Phần lớn các sáng chế trong doanh nghiệp được tạo ra bởi người lao động. Câu hỏi được đặt ra là trong trường hợp nào sáng chế được tạo ra bởi người lao động sẽ thuộc về người sử dụng lao động và trường hợp nào sẽ thuộc về người lao động? Quy định của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 về vấn đề này vẫn còn nhiều điểm bất cập cần thiết phải được sửa đổi. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật của một số nước phát triển như Pháp, Đức, Anh và Hoa Kỳ, bài viết đưa ra những kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam để hoàn thiện quy định này.

**Từ khóa:** Sáng chế, người lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ

**53. Quyền tự do lập hội trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những thách thức đặt ra cho Việt Nam**/ Ngô Thị Trang// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 76 – 84.

**Nội dung:** Trong số các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã và đang tham gia, CPTPP và EVFTA là hai hiệp định thương mại tự do “thế hệ mới” và nhiều nội dung cam kết mới về lao động, trong đó có cam kết về quyền tự do lập hội. Bài viết phân tích các quy định về quyền tự do lập hội trong Hiệp định đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và chỉ ra những thách thức cho quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật của Việt Nam nhằm thực thi một cách thiện chí, có hiệu quả các hiệp định này.

**Từ khóa:** FTA thế hệ mới, tự do lập hội, CPTPP, EVFTA, tiêu chuẩn lao động

**54. Tái cơ cấu công ty chứng khoán theo Luật Chứng khoán năm 2019** **/** Lưu Minh Sang, Mai Thị Lệ Thu // Tài chính.- 2020 .- Số 724 .- Tr. 23 – 27.

**Nội dung:** Thời gian qua, mặc dù có sự gia tăng về các chỉ số tài chính nhưng qui mô của các công ty Chứng khoán Việt Nam còn khá khiêm tốn so với quy mô của thị trường. Thống kê cho thấy chỉ có hơn 10% số công ty Chứng khoán hoạt động trên thị trường có vốn điều lệ lớn hơn 500 tỷ đồng. Quy mô và năng lực tài chính hạn chế kéo theo nhiều hệ luỵ cản trở sự phát triển, tính an toàn và khả năng hội nhập của thị trường chứng khoán. Để các công ty chứng khoán đẩy nhanh tái cơ cấu theo Luật Chứng khoán năm 2019, cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp.

**Từ khóa:** Công ty chứng khoán, Luật Chứng khoán, thị trường chứng khoán.

**55. Thoả thuận trọng tài trong trọng tài đầu tư quốc tế: Kinh nghiệm từ vụ RECOFI kiện Việt Nam**/ Lê Thị Ánh Nguyệt// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 1(131) .- Tr. 98 – 108.

**Nội dung:** Để góp phần nhận diện rủi ro, ngăn ngừa tranh chấp và bảo vệ uy tín, tài chính cho các bên tranh chấp, bài viết cung cấp thông tin tổng quan về thoả thuận trọng tài trong trọng tài đầu tư quốc tế và phân tích vụ Recofi kiện Việt Nam để khẳng định tầm quan trọng của thoả thuận trọng tài.

**Từ khóa:** Đầu tư, thoả thuận trọng tài, trọng tài đầu tư quốc tế, toà án đầu tư quốc tế ICS

**56. Thời hạn, thời hiệu trong chế định kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam**/ Lương Minh Sơn// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 7(128) .- Tr. 37 – 50.

**Nội dung:** Thời hạn và thời hiệu kỷ luật lao động (KLLĐ) là những quy định quan trọng của pháp luật lao động Việt Nam nhằm xây dựng mối quan hệ lao động (QHLĐ) hài hoà, ổn định. Bởi lẻ, một mặt, thời hạn và thời hiệu KLLĐ giúp người sử dụng lao động (NSDLĐ) thực hiện quyền quản lý la động, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh kịp thời, chính xác. Mặc khác, thời hạn và thời hiệu KLLĐ giúp điều chỉnh hành vi của người lao động (NLĐ) cho đúng chuẩn mực, đồng thời đó cũng là biện pháp hạn chế lạm dụng của NSDLĐ trong việc áp dụng tránh nhiệm KLLĐ.

**Từ khóa:** Kỷ luật lao động, thời hạn, thời hiệu, thời hiệu xử lý kỷ luật lao động, xoá kỷ luật lao động

**57. Thủ tục xác lập ranh giới ngoài thềm lục địa mở rộng của Việt Nam: Trở ngại và giải pháp từ góc độ pháp lý quốc tế**/ Trần Hữu Duy Minh// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 96 – 107.

**Nội dung:** Theo Quy tắc thủ tục của Uỷ ban Ranh giới thềm lục địa, các đệ trình liên quan đến một tranh chấp chỉ được xem xét khi có sự đồng ý của tất cả các bên tranh chấp. Do Trung Quốc và Philippines – hai bên trong tranh chấp biển Đông – không đồng ý, hai đệ trình của Việt Nam liên quan đến ranh giới ngoài của thềm lục địa mở rộng ở biển Đông đã bị hoãn xem xét. Bài viết phân tích trở ngại thủ tục nêu trên và đề xuất một số giải pháp.

**Từ khóa:** Thềm lục địa mở rộng, thủ tục xác lập ranh giới thềm lục địa mở rộng, tranh chấp biển Đông

**58. Thực trạng pháp luật lao động về giải quyết vấn đề nhân sự khi mua bán, sáp nhập ngân hàng thương mại và một số kiến nghị**/ Hà Thị Hoa Phượng// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 9(130) .- Tr. 105 – 113.

**Nội dung:** Trong bối cảnh hội nhập với các hoạt động mua bán, sáp nhập ngân hàng thương mại diễn ra sôi động thời gian qua, bài viết phân tích những vấn đề nhân sự mà các ngân hàng thương mại phải giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Từ việc đánh giá những mặt đạt được cũng như còn tồn tại trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định của pháp luật lao động và pháp luật liên quan.

**Từ khóa:** Luật lao động, nhân sự, mua bán, sáp nhập, ngân hàng thương mại

**59. Trách nhiệm hành chính: Từ lý luận đến thực tiễn lập pháp ở Việt Nam**/ Nguyễn Cảnh Hợp// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 3(133) .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung:** Việt Nam đang chuẩn bị sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Việc sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đòi hỏi phải có những luận cứ khoa học và thực tiễn toàn diện sâu sắc, trong đó có vấn đề mang tính nền tảng là trách nhiệm hành chính. Bài viết phân tích lý luận và thực tiễn lập pháp ở Việt Nam liên quan đến vấn đề trách nhiệm hành chính, từ đó giúp xác định đúng đắn hơn định hướng sưuar đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

**Từ khóa:** Trách nhiệm hành chính, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012

**60. Trao đổi kinh nghiệm bào chữa cho bị can, bị cáo trong vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt**/ Lê Đăng Doanh // Nghề luật .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 57 – 62.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về một số kinh nghiệm khi bào chữa cho bị can, bị cáo trong vụ xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Cụ thể là nhận thức và tranh luận về trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm trong một số tội xâm phạm sở hữu; tranh luận về tội danh, về thời điểm hoàn thành tội phạm của tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tranh luận và tình tiết hành hung nhưng để tẩu thoát và trường hợp coi là “chuyển hoá” một số tội phạm thành tội cướp tài sản.

**Từ khóa:** Luật sư bào chữa, tội xâm phạm sở hữu, tính chiếm đoạt, hành hung để tẩu thoát, chuyển hoá tội phạm

**61. Tư pháp quốc tế và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp – Thực tiễn ở Mỹ, châu Âu và khả năng khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân sự cố môi trường Formosa ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Trinh// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 109 – 116.

**Nội dung:** Bài viết khảo sát các vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với các công ty mẹ thường trú ở Mỹ và châu Âu để đưa ra những nhận định về khả năng thành công của các đơn kiện này ở cấp độ thẩm quyền của toà án và nội dung luật áp dụng.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vi phạm quyền con người, ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quy phạm xung đột

**62. Tư tưởng công bằng và bình đẳng trong Hiến pháp Ấn Độ - nhìn từ vai trò của Bhimrao Ramji Ambedkar (1891-1956)**/ Nguyễn Tuấn Bình, Trần Xuân Hiệp// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 5 (90) .- Tr. 11 - 18.

**Nội dung:** Tìm hiểu tư tưởng về công bằng, bình đẳng của Bhimrao Ramji Ambedkar (1891-1956) và những đóng góp to lớn của ông trong việc soạn thảo Hiến pháp Ấn ĐộBhimrao Ramji Ambedkar cho rằng nguồn gốc của mọi sự bất công, bất bình đẳng trong xã hội Ấn Độ xuất phát từ sự tồn tại vững chắc và lâu đời của chế độ đẳng cấp Varna của Hindu giáo.

**Từ khóa:** Ambedkar, Ấn Độ, Hiến pháp, công bằng, bình đẳng

**63. Vài ý kiến về vấn đề xây dựng bộ luật vi phạm hành chính của Việt Nam qua so sánh với Bộ luật vi phạm hành chính liên bang Nga**/ Nguyễn Cửu Việt// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2020 .- Số 2(132) .- Tr. 3 – 10.

**Nội dung:** Bài viết trình bày về tính cấp thiết của việc xây dựng Bộ luật Vi phạm hành chính ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở nêu khái quát thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, đặc biệt nhấn mạnh sự vi phạm nghiệm trọng nguyên tắc pháp quyền từ quy trình ban hành quy định liên quan đến quyền con người. Qua đó bài viết đề xuất việc xây dựng Bộ luật Vi phạm hành chính của Việt Nam trên cơ sở tham khảo, tiếp nhận cơ cấu, các loại quy định mang tính nguyên tắc của Bộ luật Vi phạm hành chính Liên bang Nga.

**Từ khóa:** Bộ luật vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

**64. Vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam** /Vụ Phát Triển Thị Trường Chứng Khoán (Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước)// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 11 – 13.

**Nội dung:** Thị trường chứng khoán rất nhạy cảm với thông tin. Để có quyết định đúng đắn nhà đầu tư cần được cung cấp thông tin kịp thời, chính xác có khả năng phân tích thông tin. Sự bất cân sức thông tin không chỉ ảnh hưởng đến nhà đầu tư mà nó còn tạo hệ quả lâu dài về niềm tin đối với thị trường. Do đó, các nhà lập pháp luôn đặt ra những qui định, biện pháp để đảm bảo cân xứng thông tin trên thị trường chứng khoán. Tại Việt Nam, cơ quan quản lý luôn chú trọng sự minh bạch thông tin, hệ thống công bố thông tin ngày được hoàn thiện, tiệm cận gần hơn với thông lệ quốc tế và việc sửa Luật Chứng khoán năm 2019 là minh chứng cho điều này.

**Từ khóa:** Luật Chứng khoán, thị trường chứng khoán

**65. Xây dựng nền tảng hòa giải trực tuyến ở châu Âu và một số đề xuất cho Việt Nam**/ Hà Công Anh Bảo// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 4 (235) .- Tr. 40 - 47.

**Nội dung:** Giới thiệu về hòa giải trực tuyến; Cách xây dựng và triển khai hòa giải trực tuyến của châu Âu; Một số đề xuất cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Hòa giải trực tuyến, châu Âu, thương mại điện tử

**66. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán /** Trần Thị **T**hu Hương// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 14 – 18.

**Nội dung:** Với những nổ lực phát triển bền vững thị trường, đảm bảo công bằng, minh bạch và hiệu quả, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14( Luật Chứng khoán năm 2019 ) tạo ra khung pháp lý mới, phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của Thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Đặc biệt, những qui định mới liên quan đến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán được kỳ vọng sẽ góp phần tăng khả năng phát hiện và xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật chứng khoán, giúp phát triển thị trường bền vững trong tương lai.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, Xử lý vi phạm hành chính**,** Luật Chứng khoán.

**NGÔN NGỮ**

**1.** **Bước đầu tìm hiểu ẩn dụ ngữ âm trong tiếng Hán/** Phan Thị Hà// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 55-58.

**Nội dung:** Giới thiệu và phân tích các hình thức ẩn dụ ngữ âm tiêu biểu và phổ biến nhất trong tiếng Hán để thấy được một đặc trưng quan trọng của tiếng Hán đó là hiện tượng đồng âm. Đây cũng là căn nguyên hình thành ẩn dụ ngữ âm rất phổ biến trong ngôn ngữ này.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ngữ, phân loại, mở rộng nghĩa, ngôn ngữ học tri nhận

**2.** **Chia sẽ kinh nghiệm ứng dụng nghiên cứu một số đặc của não bộ trong việc giảng dạy tiếng Anh kinh doanh/** Phạm Thị Thanh Thùy// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 35-44.

**Nội dung:** Cung cấp một gợi ý hoạt động tổ chức trong lớp học tiếng Anh kinh doanh được rút ra từ kinh nghiệm giảng dạy giáo trình tiếng Anh “Market leaders”. Những gợi ý này sẽ góp phần làm chi quá trình giảng dạy ngoại ngữ đạt hiệu quả cao hơn khi vận dụng được bốn đặc điểm nổi trội này của não bộ.

**Từ khóa:** Thuyết song não, tính mềm dẻo của não bộ, trí tuệ cảm xúc, tiếng Anh kinh doanh

**3.** **Con nguời cá nhân qua tham thoại chứa hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật của Tiểu Thuyết Ma Văn Kháng/** Đặng Thị Thu// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 11-17.

**Nội dung:** Phân tích và chỉ ra ngữ nghĩa con người cá nhân qua tham thoại chứa hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng.

**Từ khóa:** Ngữ nghĩa, ngôn ngữ hội thoại, con người cá nhân, tham thoại, lời thoại

**4.** **Đặc điểm cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê/** Phạm Thị Xuân Nga// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 100-104.

**Nội dung:** Khảo sát tần số xuất hiện và cách sử dụng của cấu trúc so sánh trong bộ luật tục của người Êđê. Qua đó, phần nào nhận diện được cách tư duy văn hóa của người Êđê trong xã hội truyền thống.

**Từ khóa:** Luật tục, luật tục Êđê, so sánh, cấu trúc so sánh

**5.** **Đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu liên tưởng từ vựng tiếng Việt/** Phạm Hiển// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 10-19.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp và cách thức thực hiện, đối tượng nghiệm viên, một số phân tích sơ bộ cho dữ liệu thu thập được. Từ đó, trình bày hướng triển khai thực nghiệm liên tưởng từ vựng quy mô lớn mà tác giả bài báo đang thực hiện. Bài báo cũng thảo luận một số hướng ứng dụng thực tiễn của kết quả nghiên cứu thuộc đề tài.

**Từ khóa:** Liên tưởng từ vựng tiếng Việt, cơ sở dữ liệu lớn, mạng từ liên tưởng từ, từ vựng cốt lõi

**6.** **Khảo sát cách cảm ơn và lời đáp trong hội thoại Tiếng Anh và Tiếng Việt/** Phạm Thị Thủy// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 36-46.

**Nội dung:** So sánh cách cám ơn và lời đáp trong hội thoại tiếng Anh và tiếng Việt hiện đại, dựa trên ngữ liệu thu thập từ sách dạy tiếng Anh và tiếng Việt cho người nước ngoài.

**Từ khóa:** Phép lịch sự, cách cảm ơn, lời đáp, hội thoại tiếng Anh và tiếng Việt

**7.** **Khảo sát xu hướng tạo từ mới trong tiếng Anh/** Lê Thị Chinh// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 79-84.

**Nội dung:** Khảo sát các từ vựng mới xuất hiện trong ngôn ngữ tiếng anh, thuộc danh sách được nhà xuất bản này đề cử là “từ của năm” từ 2012 đến hết 2019. Từ kết quả khảo sát, tác giả chỉ ra các xu hướng nổi bật của các từ mới xuất hiện trong tiếng Anh, liên quan đến ba nội dung: phương thức tạo từ mới, từ loại và chủ đề.

**Từ khóa:** Từ mới, từ của năm, phương thức tạo từ mới, từ loại và chủ đề, xu hướng.

**8.** **Mô hình cấu tạo của thuật ngữ pháp luật về quyền con người là ngữ trong Tiếng Việt/** Trần Thị Dự// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 23-28.

**Nội dung:** Nghiên cứu và đi sâu tìm hiểu về đặc điểm mô hình cấu tạo của thuật ngữ pháp luật về quyền con người. Trong bài viết có sử dụng đơn vị cơ sở để cấu tạo thuật ngữ theo quan niệm của các nhà ngôn ngữ học Nga là yếu tố và ký hiệu là Y.

**Từ khóa:** Thuật ngữ, pháp luật, quyền con người, mô hình cấu tạo, tiếng Việt

**9.** **Một số đặc điểm của đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong tiếng Thái Lan (có liên hệ với tiêng Việt)/** Đào Thị Lan Anh// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 60-72.

**Nội dung:** Tìm hiểu đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong tiếng Thái Lan trên phương diện đặc điểm cấu tạo, ý nghĩa cách sử dụng và chức năng từ loại.

**Từ khóa:** Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, tiếng Thái Lan, tiếng Việt, liên hệ với tiếng Việt

**10.** **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc học tiếng Anh trực tuyến trong giáo dục Đại học/** Phạm Mai Khánh, Đỗ Thanh Loan// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 81-87.

**Nội dung:** Điều tra ý kiến của giáo viên và sinh viên về lợi ích và hạn chế của việc học tiếng Anh trực tuyến trong Học kết hợp tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Từ đó đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của việc dạy và học tiếng Anh trực tuyến ở bậc đại học.

**Từ khóa:** Học kết hợp, học trực tuyến, chất lượng dạy và học

**11.** **Một số hoạt động giúp sinh viên luyện tập câu gián tiếp/** Nguyễn Thị Thu Hằng// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 88-93.

**Nội dung:** Đề xuất một số hoạt động nhằm giúp cho việc dạy và luyện tập câu gián tiếp trên lớp trở nên thú vị và dễ dàng hơn cho sinh viên, với mong muốn góp phần làm cho việc dạy và học câu gián tiếp nói riêng và ngữ pháp tiếng Anh nói chung sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

**Từ khóa:** Câu gián tiếp, câu trực tiếp, hoạt động, tiếng Anh

**12.** **Một vài đặc điểm của thành ngữ tiếng Anh/** Dương Hồng Quân// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 103-108.

**Nội dung:** Trình bày một vài đặc điểm về thành ngữ tiếng Anh để giúp có cái nhìn rõ nét hơn về thành ngữ tiếng Anh và góp phần vào học tiếng Anh, cấu tạo, ý nghĩa, ngữ cảnh

**Từ khóa:** Thành ngữ, thành ngữ tiếng Anh, cấu tạo, ý nghĩa, ngữ cảnh

**13.** **Nghệ thuật sử dụng từ chỉ số của người Việt trong thành ngữ, tục ngữ và ca dao/** Trần Thị Lam Thủy, Lê Thế Hùng// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu và đặt ra vấn đề - con số tham gia cấu trúc nhịp điệu thơ cho thành ngữ, tục ngữ, ca dao sử dụng số như thế nào?. Qua đó chúng ta cũng có thể khẳng định được thành ngữ, tục ngữ, ca dao là những thể loại mang đậm đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc.

**Từ khóa:** Nghệ thuật sử dụng số, sáng tạo ngôn từ, thành ngữ, tục ngữ, ca dao, cấu trúc nhịp điệu

**14.** **Nghiên cứu áp dụng phương dạy học tích cực môn tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại một số trường Đại học ở Việt Nam/** Nguyễn Hạnh Đào, Nguyễn Phương Linh// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 73-80.

**Nội dung:** Phân tích hai nguồn dữ liệu giúp khẳng định nguyên tắc lấy người học làm trung tâm của phương pháp dạy học tích cực với việc tăng cơ hội giao tiếp, tính chủ động và khả năng tự học của người học. Từ đó đề xuất cách nâng cao hiệu quả các hoạt động dạy học theo phương pháp dạy học tích cực.

**Từ khóa:** Phương pháp dạy học tích cực, tính tự chủ của người học, năng lực tự học

**15.** **Ngữ nghĩa và cách sử dụng tổ hợp tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ/** Nguyễn Mai Phương// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 29-34.

**Nội dung:** Phân tích, miêu tả chỉ ra những đặc điểm chủ yếu về ngữ nghĩa và bối cảnh sử dụng loại đơn vị này trong phương ngữ Nam Bộ. Từ đó rút ra một số nét sác thái văn hóa – ngôn ngữ đặc trưng thể hiện qua giao tiếp của người Nam Bộ.

**Từ khóa:** Tiểu từ tình thái, tổ hợp, toàn dân, phương ngữ, ý nghĩa

**16.** **Phân tích lỗi dùng từ gần nghĩa tiếng Trung của sinh viên khoa ngữ văn Trung Quốc, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh/** Trương Gia Quyền, Hoàng Tố Nguyên, Nguyễn Thị Thu Hằng, Huỳnh Nguyễn Quỳnh Trang// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 45-50

**Nội dung:** Nghiên cứu dựa trên khảo sát và phân tích các nhóm từ gần nghĩa mà sinh viên thường mắc lỗi sai trong quá trình học tiếng Trung, phân tích nguyên nhân dẫn đến những lỗi sai đó, tổng kết lại những cách phân biệt từ gần nghĩa đồng thời đưa ra phương pháp giảng dạy hiệu quả.

**Từ khóa:** Từ gần nghĩa, học tiếng Trung, lỗi sai, cách khắc phục

**17.** **Phụ âm xát tiếng Việt và tiếng Anh/** Trần Thanh Dũ// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 65-72.

**Nội dung:** Mô tả đầy đủ bản chất của hệ thống âm xát tiếng Việt và tiếng Anh, để trên cơ sở đó tìm ra sự tương đồng và khác biệt trong hệ thống âm xát giữa hai ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Phụ âm, âm xát, vị trí cấu âm, phương thức cấu âm, thanh tính âm tố.

**18.** **Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói tiếng Anh/** Nguyễn Thị Thanh Huyền// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 54-59.

**Nội dung:** Trình bày những vấn đề cơ bản về các hiện tượng đồng hóa âm, nuốt âm, nối âm trong tiếng Anh, qua đó làm rõ sự biến đổi ngữ âm trong ngôn ngữ này.

**Từ khóa:** Biến đổi, ngữ âm, tiếng Anh, đồng hóa âm, nuốt âm, nối âm

**19.** **Thu thập và nghiên cứu từ nghề nghiệp trong tiếng Việt/** Hoàng Trọng Canh// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 6(299) .- Tr. 03-09.

**Nội dung:** Nêu lên hai vấn đề chính cần tập trung đẩy mạnh là thu thập từ ngữ nghề nghiệp tiến tới xuất bản thành từ điển và nghiên cứu chúng nhiều hơn theo các khía cạnh cấu tạo, định danh và tri thức bách khoa dân gian.

**Từ khóa:** Thu thập, nghiên cứu, từ ngữ nghề nghiệp, định danh

**20.** **Vai trò của tri thức từ vựng với đọc hiểu văn bản văn học/** Đỗ Thị Thu Hương// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 109-116.

**Nội dung:** Tập trung phân tích vai trò quan trọng của các đơn vị từ vựng tiếng Việt đối với việc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học cho sinh viên sư phạm ngữ văn. Cấu tạo từ, nghĩa của từ, trường nghĩa hay các mối quan hệ ngữ nghĩa, các lớp từ vựng … mỗi phương diện của từ đều có mối quan hệ chặt chẽ với đọc hiểu văn bản, chi phối kết quả đọc hiểu văn bản.

**Từ khóa:** Từ vựng, đọc hiểu, văn bản văn học

**21.** **Ý niệm về đời người trong thành ngữ, tục ngữ Tiếng Việt/** Ngô Tuyết Phượng// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 7(300) .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu mô hình ẩn dụ cấu trúc của “ý niệm về đời người trong thành ngữ, tục ngữ Tiếng Việt”, là các suy niệm về cuộc đời và con người dựa trên ý niệm về các quá trình trong một chuyến đi. Từ đó, góp phần lí giải cơ chế tư duy của người Việt về cuộc đời và con người, trong đó bao hàm cả các tri thức về tôn giáo và văn hóa của người Việt.

**Từ khóa:** Ẩn dụ cấu trúc, con người, cuộc đời, thành ngữ, tục ngữ

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Điều kiện nuôi thích hợp cho sinh trưởng của vi khuẩn probiotic Lactobacillus acidophilus VTCC 12257 ở quy mô phòng thí nghiệm và thiết bị lên men 30 I**/ Đào Thị Lương, Hà Thị Hằng, Dương Văn Hợp// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.58-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu chủng VTCC 12257 về động học sinh trưởng cho sản xuất sinh khối cao ở quy mô phòng thí nghiệm và trong thiết bị lên men 30 I. Đây được coi là bước khởi đầu để sản xuất ở quy mô công nghiệp cho vi khuẩn probiotic này.

**Từ khóa**: L. acidophilus VTCC 12257, lợi khuẩn, quy mô phòng thí nghiệm và 30 I probiotic, sinh khối

**2. Khảo sát sự phân hủy toluene và chlorotoluene bởi vi khuẩn *Comamonas testosterone* KT5 cố định trọng alginate**/ Hà Danh Đức// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.1-6.

**Nội dung**: Trình bày khảo sát sự phân hủy toluene và chlorotoluene bởi vi khuẩn *Comamonas testosterone* KT5 cố định trọng alginate. Vi khuẩn *Comamonas testosterone* KT5 là loại vi khuẩn có khả năng làm sạch toluene cũng như chlorotoluene dạng cố định tốc độ cao hơn so với dạng tự do. Ngoài ra, vi khuẩn cố định trong alginate còn có thể phân hủy tốt hơn so với dạng tự do ở độ pH quá thấp hay quá cao.

**Từ khóa**: Alginate, cholorotoluene, *Comamonas testosterone*, kim loại nặng, toluene

**3. Nghiên cứu sự biểu hiện mRNA một số gen liên quan đến con đường JAK/STAT và biểu hiện viêm ở bệnh nhân ung thư hạch**/ Nguyễn Thị Xuân, Trần Thị Phương Thảo, Lê Phương Hà, Hoàng Văn Tổng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 5(Tập 62) .- Tr.1-5.

**Nội dung**: Cho thấy, STAT1, STAT3, STAT5 và LAG-3 có thể là các marker phân tử quan trọng và tiềm năng trong chẩn đoán phát hiện sớm ung thư hạch.

**Từ khóa**: Ung thư hạch, mRNA

**4. So sánh các kỹ thuật định danh vi khuẩn B. pseudomallei trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh Whitmore**/ Hoàng Việt Hà, Bùi Nguyễn Hải Linh, Trần Thị Lệ Quyên, Phạm Thị Huyền, Hoàng Quang Trung, Trần Anh Đào, Nguyễn Vũ Trung, Trịnh Thành Trung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 5(Tập 62) .- Tr.6-12.

**Nội dung**: Cho thấy, phương pháp định danh B. pseudomallei bằng 3 khoang kháng sinh có độ chính xác cao và có thể triển khai tại nhiều phòng xét nghiệm vi sinh ở Việt Nam nhằm hạn chế việc định danh sai vi khuẩn B. pseudomallei và bỏ sót xét nghiệm ca nhiễm melioidosis.

**Từ khóa**: Burkholderia pseudomallei, melioidosis, Whitmore, 3 khoang kháng sinh

**5. So sánh quá trình thu nhận cao chiết rong nâu *Sargassum* bằng các phương pháp chiết khác nhau và đánh giá khả năng kháng oxy hóa bằng phương pháp DPPH**/ Trần Thị Ngọc Mai// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.34-38.

**Nội dung**: Phân tích quá trình thu nhận cao chiết rong nâu *Sargassum* bằng các phương pháp chiết khác nhau và đánh giá khả năng kháng oxy hóa bằng phương pháp DPPH. Nghiên cứu được tiến hành trên hai loại rong nâu Sargassum feldmannii và Sargassum polycystum thu từ vùng biển Khánh Hòa và Ninh Thuận.

**Từ khóa**: Phương pháp DPPH, *Sargassum*, Soxhlet, sóng siêu âm, Viscozyme L

**6. Tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu điện cực dương NaxFe2/3Mn1/3O2 sử dụng cho pin Na-ion**/ Nguyễn Thị Kiều Duyên, Lê Phạm Phương Nam, Châu Hồng Diễm, Huỳnh Lê Thanh Nguyên, Nguyễn Thị Thu Trang, Lê Mỹ Loan Phụng, Trần Văn Mẫn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.34-38.

**Nội dung**: Trình bày tính chất điện hóa của vật liệu điện cực dương NaxFe2/3Mn1/3O2 sử dụng cho pin Na-ion. Trong nghiên cứu này, vật liệu điện cực dương NaxFe2/3Mn1/3O2 (NaFMO) được tổng hợp bằng phương pháp đồng kết tủa trong môi trường khí trơ.

**Từ khóa**: Cấu trúc, NaxFe2/3Mn1/3O2, pin sạc Na-ion, tính chất điện hóa

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Ảnh hưởng của chitosan đến một số tính chất của vi nang chứa Lactobacillus acidophilus**/ Ngô Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Lê Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Toàn, Bùi Thị Kim Lanh, Đàm Thanh Xuân// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 37 - 40, 68.

**Nội dung:** Đánh giá vai trò bảo vệ vi sinh vật của chitosan khi phối hợp với alginat đồng thời đánh giá khả năng bảo toàn tương tác alginat- chitosan khi ủ vi nang trong môi trường mô phỏng dịch dạ dày.

**Từ khóa:** Lactobacillus acidophilus, chitosan, vi nang

**2. Ảnh hưởng của glycyl-funtumin lên mức độ phiên mã gen XIAP trên dòng tế bào BT474**/ Đỗ Thị Thanh Hoa, Đỗ Hồng Quảng// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 6 - 10, 27.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của glycyl-funtumin lên mức độ phiên mã gen XIAP trên dòng tế bào BT474.

**Từ khóa:** Glycyl-funtumin, dòng tế bào BT474, gen XIAP

**3. Bệnh lây truyền từ động vật sang người**/ Nguyễn Mạnh Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.62-63.

**Nội dung**: Trình bày việc lây nhiễm bệnh từ động vật sang người chiếm tỷ lệ cao và nguy hiểm cho cộng động. Ước tính hàng năm có khoảng một tỷ bệnh ca nhiễm gây ra cái chết hàng triệu người trên toàn cầu.

**Từ khóa**: Bệnh lây truyền, truyền nhiễm

**4. Đánh giá tác dụng bảo vệ gan, chống oxy hóa của loài Gynostemma burmanicum King ex Chakrav. var molle C. Y. Wu**/ Thân Thị Kiều My, Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Thị Vân Anh// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 81 - 84.

**Nội dung:** Trình bàyvề tác dụng bảo vệ gan, chống oxy hóa của cao chiết chứa saponin loài Gynostemma burmanicum thu hái ở Bắc Cạn.

**Từ khóa:** Gynostemma burmanicum, gan, dược liệu

**5. Đánh giá tác dụng chống oxi hóa, chống viêm và làm trắng da in vitro của cream BeautyQueen – Học viện Quân y**/ Phạm Văn Hiển, Hồ Bá Ngọc Minh, Đặng Trường Giang, Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Trọng Điệp, Hoàng Xuân Cường, Vũ Bình Dương// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 28 - 33.

**Nội dung:** Đánh giá một số tác dụng sinh học về mỹ phẩm liên quan của chế phẩm cream BeautyQueen như: tác dụng chống oxi hóa thông qua khả năng dọn gốc tự do DPPH, tác dụng chống viêm thông qua ức chế sản sinh NO trên dòng tế bào Raw 264.7, tác dụng làm trắng da thông qua khả năng ức chế sản sinh melanin trên dòng tế bào B16F10.

**Từ khóa:** Cream BeautyQueen, hoạt tính chống viêm, hoạt tính làm trắng da

**6. Đánh giá tác dụng của cấy chỉ trong phục hồi chức năng vận động ở bệnh nhân nhồi máu não sau giai đoạn cấp**/ Lại Thanh Hiền, Trần Thị Hải Vân// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 63 .- Tr. 24 - 34.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp đánh giá tác dụng của cấy chỉ trong phục hồi chức năng vận động ở bệnh nhân nhồi máu não sau giai đoạn cấp.

**Từ khóa:** Nhồi máu não, cấy chỉ, chức năng vận động

**7. Đánh giá tác dụng giảm đau và cải thiện tầm vận động của cao lỏng Ích gối khang trên bệnh nhân thoái hóa khớp gối**/ Nguyễn Thị Bích Hồng, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Trần Giáng Hương// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 63 .- Tr. 13 - 23.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp đánh giá tác dụng giảm đau và cải thiện tầm vận động của cao lỏng Ích gối khang trên bệnh nhân thoái hóa khớp gối.

**Từ khóa:** Cao lỏng Ích gối khang, thoái hóa khớp gối, VAS, tầm vận động

**8. Hiệu quả ức chế virus gây bệnh Gumboro của interferon trên gà thực nghiệm**/ Nguyễn Thị Thanh Giang, Nguyễn Đăng Quân, Hồ Quảng Đồ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 5(Tập 62) .- Tr.48-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu hiệu quả điều trị bệnh Gumboro của interferon gà tái tổ hợp khi sử dụng chỉ mỗi interferon alpha gà hay có sự kết hợp với interferon gamma được thực hiện trên gà 3 tuần tuổi. Nghiên cứu cho thấy việc kết hợp làm tăng hiệu quả điều trị hơn.

**Từ khóa**: Bệnh Gumoro, gà tái tổ hợp, interferon

**9. Mối tương quan giữa các thể lâm sàng chứng vị quản thống và hình ảnh mô bệnh học trên bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng**/ Trần Thị Thu Thủy, Hoàng Bảo Chung, Trịnh Thị Lụa// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 63 .- Tr. 35 - 43.

**Nội dung:** Khảo sát mốitương quan giữa các thể lâm sàng chứng vị quản thống và hình ảnh mô bệnh học trên bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng.

**Từ khóa:** Vị quản thống, viêm loét dạ dày tá tràng, mô bệnh học, thể lâm sàng

**10. Nghiên cứu chiết xuất astilbin và emodin từ bài thuốc GK1 sử dụng trong điều trị suy thận mạn tính**/ Nguyễn Trọng Điệp, Lê Ngọc Tân, Đặng Trường Giang, Ngô Thị Tuyết Mai, Phạm Văn Hiển, Hồ Bá Ngọc Minh, Phạm Xuân Phong, Vũ Bình Dương// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 51 - 54.

**Nội dung:** Xây dựng các thông số quy trình chiết xuấtastilbin và emodin từ bài thuốc GK1 sử dụng trong điều trị suy thận mạn tính.

**Từ khóa:** Astilbin, emodin, suy thận mạn tính, bài thuốc GK1, bài thuốc Bảo thận khang

**11. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học u lympho ác tính không Hodgkin vàng đầu cổ**/ Nguyễn Thanh Bình, Tống Xuân Thắng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 5(Tập 62) .- Tr.13-16.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy: ULAKH vùng đầu cổ hay gặp nhất là ở vòng Waldeyer và amidan với triệu chứng biểu hiện tại chỗ là chủ yếu, giai đoạn II, mô bệnh học chủ yếu là DLBLC.

**Từ khóa**: Bệnh học, u lympho ác tính không Hodgkin, ung thư đầu cổ

**12. Nghiên cứu tác dụng hạ acid uric máu của viên nang cứng Tam diệu gia vị trên lâm sàng**/ Tạ Đăng Quang, Phạm Văn Trịnh, Trần Việt Hùng, Vũ Minh Hoàn, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Minh Vỹ// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 63 .- Tr. 54 - 64.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp nghiên cứu tác dụng hạ acid uric máu của viên nang cứng Tam diệu gia vị trên lâm sàng.

**Từ khóa:** Viên nang cứng Tam diệu gia vị, hạ acid uric máu, lâm sàng

**13. Tác dụng của bài “Tam tý thang” kết hợp với điện xung trên bệnh nhân mắc hội chứng thắt lưng hông do thoái hóa cột sống**/ Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Kim Ngọc// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 63 .- Tr. 44 - 53.

**Nội dung:** Đánh giá tác dụng cải thiện hội chứng rễ và hoạt động sinh hoạt hàng ngày của bài “Tam tý thang” kết hợp với điện xung trên bệnh nhân mắc hội chứng thắt lưng hông do thoái hóa cột sống.

**Từ khóa:** Hội chứng thắt lưng hông, Tam tý thang, điện xung, thoái hóa cột sống

**14. Tổng hợp và thử tác dụng ức chế tế bào ung thư của một số dẫn chất indazol mới**/ Ngô Xuân Hoàng, Hoàng Văn Hải, Trần Phương Thảo// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 14 - 17.

**Nội dung:** Tổng hợp và sàng lọc tác dụng kháng ung thư trên 5 dòng tế bào của một số hợp chất indazol mới.

**Từ khóa:** Tế bào ung thư, indazol

**15. Triển vọng kinh tế Việt Nam 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-2019**/ Nhóm nghiên cứu của VEPR// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.21-24.

**Nội dung**: Trình bày báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam quý I/2020 cho thấy điểm dịch COVID-2019 diễn biến phức tạp trên toàn thế giới và ở Việt Nam, vì vậy nền kinh tế quý I/2020 đã có sự suy giảm đáng kể so với cùng kỳ nhiều năm trước đây. Thông qua Báo cáo, nhóm nghiên cứu của VEPR đã đưa ra 3 kịch bản phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2020 và gợi ý những chính sách phát triển vĩ mô.

**Từ khóa**: Kinh tế Việt Nam, COVID-2019

**16. Vắc xin COVID-19 - Cuộc chạy đua của các công nghệ mới**/ Đỗ Tuấn Đạt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.64-68.

**Nội dung**: Trình bày công nghệ vắc xin vector vi rút, vắc xin sử dụng axít nucleic (DNA và RNA) được cho là giải pháp mới để vượt qua thách thức, sớm đưa vắc xin Covid-19 ra sử dụng đại trà để phòng chống dịch bệnh.

**Từ khóa**: Vắc xin, vi rút, COVID-19

**17. Việt Nam đã ghi tên trên bản đồ kít phát hiện vi rút SARS-CoV-2 của thế giới**/ HG// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 5(734) .- Tr.10-11.

**Nội dung**: Trình bày kết quả của đề tài cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phê duyệt, cấp vốn: “Nghiên cứu chế tạo bộ sinh phẩm RT-PCR phát hiện vi rút Corona chủng mới (nCoV)” do Học viện Quân y chủ trì, phối hợp với Công ty CP công nghệ Việt Á thực hiện.

**Từ khóa**: Vi rút SARS-CoV-2, sinh phẩm RT-PCR, nCoV

**18. Xác định methylendioxymethamphetamin và methylendioxyethylamphetamin trong tóc bằng sắc ký khí khối phổ**/ Phạm Quốc Chinh, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Mai Dung, Vũ Hữu Phước, Vũ Đức Lợi, Nguyễn Tiến Vững// Dược học .- 2020 .- Số 6 (Số 530 năm 60) .- Tr. 63 - 68.

**Nội dung:** Xây dựng quy trình xác định ma túy tổng hợp MDMA và MDEA trong tóc bằng GC-MS phục vụ công tác phòng chống tệ nạn ma túy và giám định pháp y tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Methylendioxymethamphetamin, methylendioxyethylamphetamin, phương pháp sắc ký khí khối phổ, tóc

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG**

**1. Nghiên cứu lựa chọn cảm biến cho hệ thống giám sát nhiên liệu ứng dụng trên tàu thủy**/ TS. Nguyễn Đình Thạch, TS. Nguyễn Văn Tiến, TS. Đinh Gia Huy// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 121-123.

**Nội dung**: Nghiên cứu lựa chọn loại cảm biến đo lưu lượng khối theo nguyên lý Corolios ứng dụng trong hệ thống giám sát nhiên liệu trên tàu thủy. Các thử nghiệm để đánh giá sự chính xác của cảm biến một số thử nghiệm đã được tiến hành và trình bày trong bài báo.

**Từ khóa**: Cảm biến lưu lượng, Coriolis, hệ thống nhiên liệu tàu thủy, PLC, giám sát nhiên liệu

**2. Nghiên cứu, xây dựng thuật toán điều khiển một số hành vi tập thể của bầy robot e-puck**/ TS. Lê Thị Thúy Nga, TS. Trần Ngọc Tú// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 106-109.

**Nội dung**: Thiết kế thuật toán điều khiển một số hành vi tập thể của robot bầy đàn như tụ bầy, tránh vật cản và di chuyển định hướng, đồng thời bài báo cũng đề xuất giải pháp khai thác platform robot e-puck đã có sẵn trên thị trường để thử nghiệm tính đúng đắn của các thuật toán đã thiết kế ở trên.

**Từ khóa**: Robot bầy đàn, e-puck, tụ bầy, tránh vật cản, di chuyển định hướng, hành vi tập thể.

**3. Ứng dụng dữ liệu ảnh viễn thám hồng ngoại nhiệt landsat trong nghiên cứu nhiệt độ bề mặt**/ Phạm Thị Thanh Hòa, Vũ Trần Linh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 43 - 45.

**Nội dung:** Trình bày khả năng ứng dụng viễn thám landsat 8 OLI/TIR trong nghiên cứu nhiệt độ bề mặt tại tỉnh Quảng Ngãi.

**Từ khóa:** Vệ tinh landsat, nhiệt độ bề mặt đất LST, viễn thám nhiệt

**4. Ứng dụng giải pháp dữ liệu lớn trong quản lý dữ liệu vệ tinh Himawari 8/9**/ Vũ Anh Tú// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 11 (337) .- Tr. 38 - 40.

**Nội dung:** Tổng quan về dữ liệu lớn (big data); Đề xuát giải pháp kỹ thuật lưu trữ, quản lý và phân tích Big data đối với dữ liệu vệ tinh Himawari thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn; Kết luận.

**Từ khóa:** Dữ liệu lớn, dữ liệu vệ tinh Himawari 8/9, giải pháp

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của chiều sâu khóa đến khả năng chịu cắt của khóa chống cắt đơn trong cầu dầm hộp lắp ghép phân đoạn/** ThS.NCS. Nguyễn Đắc Đức; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long; GS.TS. Trần Đức Nhiệm// Giao thông vân tải.- 2020 .- Số 7 .- Tr. 34-38.

**Nội dung:** Tập trung đánh giá khả năng chịu cắt của khóa chống cắt đơn trong mối nối khô theo công thức tính của AASHTO1998 và kết quả thí nghiệm, từ đó kiến nghị dạng cấu tạo cũng như chiều sâu của khóa chống cắt phù hợp trong thiết kế cầu dầm hộp lắp ghép phân đoạn.

**Từ khóa:** Khóa chống cắt, đốt đúc, dầm hộp lắp ghép phân đoạn

**2. Ảnh hưởng của độ ẩm nền đất đắp và khoảng cách cốt đến ứng xử của tường chắn có cốt**/ ThS. Trần Thị Bích Thảo, TS. Hoàng Việt Hải, KS. Trần Quang Minh// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của độ ẩm nền đất đắp và khoảng cách cốt đến ứng xử của tường chắn đất MSE.

**Từ khóa**: Tường chắn đất có cốt (MSE), ứng xử của tường chắn đất có cốt

**3. Áp dụng các thuật toán học máy để dự báo giá nhà**/ Phạm Sơn Tùng, Võ Phi Sơn// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 135-140.

**Nội dung**: Thảo luận về việc ứng dụng các thuật toán học máy để dự báo giá nhà ở tương lai dựa trên các dữ liệu hiện tại.

**Từ khóa**: Học máy, dự báo giá nhà, phương pháp cây quyết định, phương pháp rừng ngẫu nhiên, phương pháp tăng độ dốc

**4. Bài toán tối ưu kết cấu dàn phẳng sử dụng phân tích trực tiếp có xét đến điều kiện ràng buộc về tần số dao động riêng**/ Hà Mạnh Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.24-28.

**Nội dung**: Trình bày cách thiết lập và giải quyết bài toán tối ưu dàn thép chịu các tổ hợp tải trọng khác nhau có xét đến điều kiện ràng buộc về tần số dao động riêng. Phân tích trực tiếp được sử dụng để xét đến các ứng xử phi tuyến tính, phi đàn hồi của kết cấu. Hàm mục tiêu của bài toán tối ưu là tổng giá thành của công trình được đơn giản hóa như hàm tổng khối lượng. Các điều kiện ràng buộc của bài toán tối ưu gồm các yêu cầu về cường độ, sử dụng và tần số dao động riêng. Thuật toán tiến hóa vi phân được sử dụng để giải bài toán tối ưu đề ra.

Từ khóa: Dàn thép, phân tích trực tiếp, tiến hóa vi phân, tối ưu

**5. Cải thiện và nâng cao chất lượng công trình cầu bê tông bằng dự ứng lực ngoài**/ PGS. TS. Tống Trần Tùng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 6-11.

**Nội dung**: Những xu hướng của các nước phát triển là ngày càng sử dụng phổ biến bê tông dự ứng lực ngoài trong xây dựng cầu bê tông vượt khẩu độ lớn nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cầu bê tông. Bài viết trình bày một số vấn đề liên quan với mong muốn qua những thông tin và kết quả nghiên cứu của các nước, loại hình kết cấu này sẽ được nghiên cứu ứng dụng rộng rãi hơn trong xây dựng cầu ở nước ta nhằm đem lại hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong xây dựng giao thông.

**Từ khóa**: Cầu bê tông, chất lượng công trình, dự ứng lực ngoài

**6. Đánh giá ảnh hưởng của lún bề mặt khi thi công tàu điện ngầm bằng máy TBM đến công trình hiện hữu**/ TS. Nguyễn Văn Quang, TS. Ngô Thị Thanh Hương// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 33-37.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phần mềm Plaxis 3D được sử dụng để nghiên cứu ảnh hưởng của lún bề mặt đến các công trình có kết cấu móng khác nhau: móng nông, móng dùng cọc ép với chiều dài 6m, móng dùng cọc khoan nhồi với mũi cọc đặt vào lớp cuội sỏi.

**Từ khóa**: Lún bề mặt, loại móng, áp lực gương, cọc, Plaxis 3D

**7. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng chính đến chất lượng khai thác đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai**/ TS. Nguyễn Thị Thu Ngà, ThS, Nguyễn Tuấn Tú// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 40-46.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tiến hành xây dựng câu hỏi khảo sát, thu thập số liệu và kết hợp phần mềm SPSS để xử lý số liệu từ đó tìm giải pháp nâng cao chất lượng quản lý khai thác tuyến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai.

**Từ khóa**: Đường cao tốc, nhân tố ảnh hưởng, AT, ĐK, DV, PH, TT, HL

**8. Đánh giá độ tin cậy cầu dàn thép bằng mô phỏng Monte Carlo**/ Bạch Văn Sỹ, Phạm Xuân Tùng, Trần Quang Huy// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Giới thiệu tổng quan phương pháp phân tích độ tin cậy kết cấu bằng mô phỏng Monte Carlo, đây là phương pháp ở mức độ cao hơn so với phương pháp LRFD vì nó chính xác hơn và có thể đưa ra được xác suất phá hủy của kết cấu dựa trên các yếu tố ngẫu nhiên của lực và khả năng chịu lực của kết cấu. Ngoài ra, bài báo cung cấp một ví dụ cụ thể hướng dẫn cách thức phân tích độ tin cậy cho một kết cấu cầu dàn thép nhịp đơn giản để minh họa cho phương pháp.

**Từ khóa**: Độ tin cậy kết cấu, mô phỏng Monte Carlo, cầu dàn thép, xác suất phá hủy

**9. Đánh giá khả năng chịu tải của cọc micropile cho các ứng dụng móng cầu dân sinh vùng sâu, vùng xa**/ TS. Nguyễn Phương Duy, ThS. Nguyễn Thạch Bích, TS. Nguyễn Ngọc Thanh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 75-79.

**Nội dung**: Trình bày các nghiên cứu về trình tự, biện pháp thi công, vật liệu sử dụng để đánh giá khả năng áp dụng các cọc micropile như kết cấu nền móng cho các cầu dân sinh ở vùng sâu, vùng xa. Với đặc điểm như bề rộng cầu, tải trọng yêu cầu nhỏ, điều kiện thi công, địa chất, địa hình phức tạp, cọc micropile hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu của kết cấu nền móng cho dạng công trình này. Nghiên cứu cũng đề xuất loại cọc và giải pháp bơm vữa phù hợp cho các ứng dụng trong các điều kiện hạn chế.

**Từ khóa**: Micropile, bơm vữa, ma sát vữa/nền đất

**10. Dao động của dầm trên nền đàn nhớt chịu tải trọng xung phương pháp giải tích**/ Nguyễn Ngọc Lâm, Tạ Duy Hiển, Hà Thế Thảo// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 05 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Trình bày lời giải thích chính xác sử dụng chuỗi lượng giác về dao động của dầm trên nền đàn hồi nhớt chịu tải trọng xung. Sử dụng chuỗi lượng giác và tính chất trực giao của dạng dao động, các phản ứng dao động tìm được với từng dạng mode và từ đó thu được lời giải chính xác cho các phản ứng dao động của dầm chịu tải trọng xung. Thực hiện các ví dụ để khảo sát dao động của dầm, từ đó đánh giá ảnh hưởng của các tham số độ cứng, cản nhớt của nền và tần số của tải trọng đến dao động của dầm.

**Từ khóa**: Dầm, tải trọng xung, nền đàn hồi nhớt, lời giải chính xác

**11. Phương pháp tiếp cận trí tuệ nhân tạo để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông bọt**/ TS. Lý Hải Bằng, TS. Nguyễn Thùy Anh// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 05 .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Tập trung vào việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để xây dựng mô hình dự báo cường độ nén của bê tông bọt 28 ngày tuổi. Mô hình được sử dụng là mô hình mạng nơron nhân tạo lan truyền ngược (ANN) với thuật toán Levenberg Marquardt. Kết quả cho thấy mô hình ANN dự báo rất tốt cường độ chịu nén, với độ chính xác cao và sai số thấp.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo (Al), mạng nơron nhân tạo, bê tông bọt, cường độ nén

**12. Định hướng xây dựng phương pháp thiết kế kết cấu mặt đường bê tông nhựa kiểm soát lún vệt bánh xe ở Việt Nam**/ PGS. TS. Trần Thị Kim Đăng, ThS. NCS. Ngô Ngọc Quý// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Phân tích và đề xuất phương pháp luận và cách thức xây dựng phương pháp thiết kế kết cấu mặt đường mềm có lớp mặt là bê tông nhựa có khả năng kiểm soát lún vệt bánh xe từ kinh nghiệm xây dựng và hiệu chuẩn phương trình thiết kế theo cơ học thực nghiệm (phương pháp ME) của một số quốc gia trên thế giới.

**Từ khóa**: Vật liệu bê tông nhựa, lún vệt bánh xe, chiều sâu lún vệt bánh, ứng suất cắt, cường độ kháng cắt

**13. Giải pháp EPS và khả năng ứng dụng trong xây dựng công trình trên đất yếu tại Việt Nam**/ Trương Quốc Bảo, Phạm Hoàng Kiên, Vũ Anh Tuấn/ Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan về vật liệu EPS và đề xuất một số khả năng ứng dụng vật liệu EPS vào xây dựng công trình tại Việt Nam.

**Từ khóa**: EPS Geofoam, nền đất yếu, công trình trên nền đất yếu

**14. Giải pháp thiết kế vị trí quay đầu đảm bảo an toàn giao thông trên đường cao tốc của Việt Nam**/ TS. Bùi Tuấn Anh, ThS. Nguyễn Thanh Hải// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Phân tích tiêu chuẩn thiết kế, hiện trạng thiết kế vị trí quay đầu cho các phương tiện giao thông trên đường cao tốc của Việt Nam và đề xuất một số kiến nghị khi thiết kế các vị trí này.

**Từ khóa**: Quay đầu xe, đường cao tốc, nút giao thông

**15. Khảo sát và đánh giá độ võng của dầm thép khi làm việc ngoài giới hạn đàn hồi bằng thực nghiệm**/ TS. Nguyễn Mạnh Thường, NCS. Đặng Thị Thu Hiền// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 18-20.

**Nội dung**: Trình bày thí nghiệm xác định độ võng của dầm thép chịu uốn dưới tác dụng của tải trọng tập trung khi làm việc ngoài giới hạn đàn hồi. Trên cơ sở đó nhận xét về sự biến thiên độ võng của dầm.

**Từ khóa**: Dầm chịu uốn, chuyển vị, ngoài giới hạn đàn hồi, thực nghiệm

**16. Kiểm soát chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình bằng phương pháp quản lý giá trị thu được**/ Trần Trung Kiên// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 126-128.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp kiểm soát chi phí bằng quản lý giá trị thu được, là công cụ hữu hiệu đối với các nhà quản lý dự án để phân tích, dự báo về chi phí, thời gian, khối lượng thực hiện và khi cần thiết có thể điều chỉnh kịp thời, góp phần đảm bảo hiệu quả đầu tư.

**Từ khóa**: Kiểm soát chi phí, quản lý giá trị thu được, chi phí kế hoạch, chi phí thực tế, quản lý dự án

**17. Mô phỏng ứng xử chịu uốn thuần túy của kết cấu ống thép nhồi bê tông**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh, TS. Thái Minh Quân, PGS. TS. Đào Duy Lâm// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Tóm tắt quá trình xây dựng mô hình mô phỏng ứng xử chịu uốn của kết cấu ống thép nhồi bê tông (CFST), nghiên cứu ảnh hưởng của bê tông đến khả năng chịu uốn của kết cấu CFST bằng phương pháp phần tử hữu hạn thông quan phần mềm Abaqus. Mô hình tính toán này được thiết lập từ mô hình cơ học phá hoại dẻo Druker-Prager đối với bê tông và mô hình đàn hồi dẻo đối với thép.

**Từ khóa**: Ống thép nhồi bê tông, thí nghiệm uốn ba điểm, phần mềm Abaqus, phương pháp phần tử hữu hạn

**18. Một số dạng hư hỏng bề mặt đường bê tông xi măng sân bay và yêu cầu đặt ra đối với vật liệu sử dụng trong sửa chữa trám vá**/ TS. Nguyễn Trọng Hiệp, ThS. NCS. Sackda Sourisack// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 67-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá biện pháp sữa chữa một số dạng hư hỏng bề mặt đường bê tông xi măng, phân tích đưa ra các yêu cầu đối với vật liệu, đồng thời giới thiệu một số kết quả nghiên cứu ban đầu về bê tông polymer và khả năng ứng dụng trong sữa chữa mặt đường sân bay tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông polymer, hư hỏng mặt đường bê tông xi măng sân bay, sữa chữa mặt đường bê tông xi măng sân bay.

**19. Một số kết quả về cải tiến kết cấu và tính toán trong nghiên cứu hạ thấp chiều cao dầm bê tông cốt thép dự ứng lực định hình chữ I**/ TS. Đặng Việt Đức, TS. Phùng Bá Thắng, PGS. TS. Đặng Gia Hải// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Phân tích tình hình thiết kế chế tạo các loại dầm cầu bê tông cốt thép dự ứng lực. Phân tích các đặc điểm kỹ thuật mang tính hạn chế của loại dầm bê tông cốt thép dự ứng lực định hình chữ I. Nghiên cứu hạ thấp chiều cao dầm định hình chữ I, tính toán thiết kế các phương án kết cấu đề xuất.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép dự ứng lực định hình chữ I, chiều cao dầm, kỹ thuật xây dựng

**20. Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đặc trưng bề mặt lưu vực tới lưu lượng tính toán công trình thoát nước trên đường**/ TS. Nguyễn Anh Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố đặc trưng bề mặt lưu vực, như độ dốc sườn lưu vực và long suối (Jsd, Jis), đặc trưng nhám sườn dốc lưu vực và long suối (msd, mis), tính thấm I của mật đệm lưu vực tới lưu lượng tính toán công trình thoát nước nhỏ của đường.

**Từ khóa**: Lưu vực, mặt đệm, công trình thoát nước, đường giao thông

**21. Nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống làm lạnh đến nhiệt thủy hóa trong bê tông khối lớn**/ TS. Võ Duy Hùng, KS. Võ Văn Việt// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của hệ thống làm lạnh đến nhiệt thủy hóa trong bê tông. Phân tích cho các trường hợp 01, 02, 04 hệ thống làm lạnh. Kết quả cho thấy hệ thống làm lạnh giảm đáng kể ảnh hưởng của nhiệt thủy hóa.

**Từ khóa**: Nhiệt thủy hóa, hệ thống làm lạnh, ứng suất, nhiệt độ, chuyển vị

**22. Nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê đánh giá mức độ biến động khi thi công lớp cấp phối đá dăm ở Việt Nam**/ TS. Bùi Tuấn Anh, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu xác định độ lệch chuẩn của các chỉ tiêu cơ bản như thành phần cấp phối, độ hao mòn, chỉ số CBR, giới hạn chảy, chỉ số dẻo, hàm lượng hạt thoi dẹt, độ chặt đầm nén, tích số dẻo khi thi công các lớp cấp phối đá dăm ở Việt Nam gần đây.

**Từ khóa**: Độ lệch chuẩn, thành phần cấp phối, chỉ số CBR, cấp phối đá dăm

**23. Nghiên cứu các tham số đặc trưng của vải địa kỹ thuật ảnh hưởng đến sự làm việc của nền đường đắp**/ TS. Phạm Đức Tiệp, PGS. TS. Nguyễn Tương Lai, ThS. Nguyễn Thanh Sang, ThS. Cao Văn Hòa// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 38-43.

**Nội dung**: Xuất phát từ mối tương quan thực nghiệm của lực kéo vải địa kỹ thuật và độ giãn dài, bài báo trình bày cách xác định các tham số đặc trưng của vải địa kỹ thuật gia cường cho nền đường đắp như lực kéo cốt tính toán và độ cứng dọc trục. Ứng dụng chương trình Plaxis 2D để mô hình hóa nền đường đắp có cốt và khảo sát sự phụ thuộc của trạng thái ứng suất, biến dạng mức độ ổn định cục bộ và ổn định tổng thể của nền đường vào các tham biến đặc trưng của vải địa kỹ thuật gia cường.

**Từ khóa**: Nền đường, vải địa kỹ thuật, trạng thái ứng suất, lực dính biểu kiến, phương pháp suy giảm cường độ, lực kéo cốt tính toán, độ cứng dọc trục

**24. Nghiên cứu co ngót của bê tông geopolymer tro bay sử /** ThS.NCS. Nguyễn Đắc Đức; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long; GS.TS. Trần Đức Nhiệm// Giao thông vân tải.- 2020 .- Số 7 .- Tr. 34-38.

**Nội dung:** Tập trung đánh giá khả năng chịu cắt của khóa chống cắt đơn trong mối nối khô theo công thức tính của AASHTO1998 và kết quả thí nghiệm, từ đó kiến nghị dạng cấu tạo cũng như chiều sâu của khóa chống cắt phù hợp trong thiết kế cầu dầm hộp lắp ghép phân đoạn.

**Từ khóa:** Khóa chống cắt, đốt đúc, dầm hộp lắp ghép phân đoạn

**25. Nghiên cứu đánh giá chỉ số kháng nứt Cracking Tolerance Index (CTIndex) của hỗn hợp Stone Mastic Asphalt (SMA) thi công theo công nghệ ấm**/ ThS. Lê Thanh Hải, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long, TS. Nguyễn Ngọc Lân// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 53-58.

**Nội dung**: Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo, phương pháp thí nghiệm kéo gián tiếp đã được sử dụng để xác định chỉ số kháng nứt – Cracking Tolerance Index (CTIndex) của hỗn hợp SMA và bê tông asphalt chặt (BTAC) chế tạo theo công nghệ nóng thông thường. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy, hỗn hợp SMA ấm và BTA ấm có khả năng kháng nứt tốt hơn so với hỗn hợp SMA và BTAC thi công theo công nghệ nóng.

**Từ khóa**: Hỗn hợp SMA, hỗn hợp bê tông asphalt ấm, chỉ số nứt cho phép, thí nghiệm nứt kéo gián tiếp

**26. Nghiên cứu đánh giá khả năng kháng nứt của bê tông nhựa sử dụng nano carbon làm phụ gia**/ PGS. TS. Lê Văn Bách, TS. Lê Văn Phúc, KS. Nguyễn Viết Nhượng, TS. Lương Xuân Chiểu// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Trên cơ sở kết quả thí nghiệm khả năng kháng nứt của hỗn hợp bê tông nhựa có và không có sử dụng nano carbon (CNTs) làm phụ gia được thí nghiệm theo mô hình uốn ba điểm mẫu hình bán nguyệt với các chiều sâu tạo nứt trước 25mm, 32mm và 38mm, bài báo trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng nano carbon làm phụ gia nhằm cải thiện khả năng kháng nứt cho bê tông nhựa.

**Từ khóa**: Nano carbon, bê tông nhựa, phụ gia, khả năng kháng nứt

**27. Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh**/ ThS. Lê Hoài Linh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 132-135.

**Nội dung**: Đề xuất giải pháp thúc đẩy các dự án đầu tư chống ngập trong giai đoạn hiện nay bằng việc sử dụng hợp đồng dựa trên chất lượng thực hiện trong hoạt động bảo trì kênh rạch. Với đề xuất thay đổi này, người viết cho rằng có thể khắc phục được một số bất cập trong công tác quản lý hiện nay, đồng thời nâng cao được hiệu quả của các giải pháp chống ngập.

**Từ khóa**: Ngập lụt, hoạt động bảo trì kênh rạch, hợp đồng dựa trên chất lượng thực hiện

**28. Nghiên cứu giải pháp mố đất có cốt (MSE) trong xây dựng công trình**/ PGS. TS. Hoàng Quốc Long, ThS. Lê Thời Hữu, ThS. Phạm Đức Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Các kết cấu đất có cốt được nghiên cứu ở Mỹ từ những năm 1971, ban đầu chủ yếu được dùng cho tường chắn đất, sau đó đã được áp dụng rất tốt cho nhiều kết cấu chịu tải trọng tập trung lớn và trong ngành đường sắt, các công trình công nghiệp và cầu đường bộ. Sự áp dụng thành công đặt nền móng cho một hệ kết cấu mới có tính cạnh tranh. Bài báo giới thiệu về giải pháp này và khả năng áp dụng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Đất có cốt, mố đất có cốt, đất được gia cường, neo thép mạ kẽm, cốt không giãn

**29. Nghiên cứu khả năng thu nước của ống lọc và bê tông rỗng dùng trong giếng khai thác nước ngầm bằng mô hình thí nghiệm vật lý**/ Vũ Bá Thao, Nguyễn Thành Công, Nguyễn Huy Vượng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 6(Tập 62) .- Tr.29-33.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thí nghiệm mô hình vật lý về khả năng thu nước của ống lọc và bê tông rỗng dùng trong giếng tia và giếng đào thu nước thành bên để khai thác nước ngầm. Thí nghiệm mô hình nhằm xác định các tương quan giữa thành phần cấp phối, hệ số thấm, cột nước, độ chặt, độ dốc đặt ống với khả năng thu nước của các loại kết cấu ống lọc khác nhau.

**Từ khóa**: Cồn cát, kết cấu thu nước, tầng chứa nước, thu nước nằm ngang

**30. Nghiên cứu lựa chọn hợp lý kết cấu áo đường cao tốc bằng phương pháp cơ học thực nghiệm**/ TS. Nguyễn Văn Du// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Trên cơ sở các thông số về vật liệu, vận tốc khác nhau trong cùng điều kiện khí hậu TP. Hồ Chí Minh, với việc sử dụng phương pháp cơ học - thực nghiệm, bài báo đã phân tích và đánh giá tuổi thọ một số kết cấu áo đường mềm cho đường cao tốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó lựa chọn kết cấu áo đường hợp lý cho đường cao tốc.

**Từ khóa**: Lựa chọn, áo đường mềm, cao tốc, phương pháp cơ học thực nghiệm

**31. Nghiên cứu một số đặc tính của bê tông sử dụng cát nghiền từ phế thải xây dựng**/ TS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Hoàng Việt Hải// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng cát nghiền từ phế thải xây dựng đến tính năng cơ học của bê tông. Hai loại cát tái chế được sử dụng với các hàm lượng thay thế theo khối lượng là 25%, 50%, 75% và 100%. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, cát tái chế ảnh hưởng rất lớn đến tính năng công tác và cường độ chịu nén của bê tông khi sử dụng với hàm lượng thay thế lớn (50-100%). Nghiên cứu cũng cho thấy nguồn gốc của cát tái chế ảnh hưởng không nhỏ đến cường độ chịu nén của bê tông.

**Từ khóa**: Cốt liệu tái chế, cát nghiền, cái tái chế, bê tông tái chế, phế thải xây dựng

**32. Nghiên cứu sử dụng bê tông lưu huỳnh trong xây dựng công trình giao thông**/ TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 05 .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Nghiên cứu lưu huỳnh làm chất kết dính, làm phụ gia cho bê tông astphalt trong xây dựng công trình giao thông, từ đó đưa ra những khuyến nghị về thiết kế hỗn hợp vật liệu và các lưu ý trong quy trình sản xuất.

**Từ khóa**: Lưu huỳnh, bê tông lưu huỳnh, bê tông astphalt, hỗn hợp vật liệu

**33. Nghiên cứu sử dụng bê tông nhựa epoxy trong xây dựng mặt đường ô tô**/ NCS. Trần Thị Cẩm Hà, GS. TS. Bùi Xuân Cậy// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Trên cơ sở nghiên cứu các tính chất cơ lý bê tông nhựa epoxy và kinh nghiệm các nước, các tác giả đề xuất sử dụng loại bê tông nhựa này trong một số trường hợp đặc biệt, bài báo còn rút ra một số kết luận và định hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa opoxy, mặt đường ô tô, sân bay

**34. Nghiên cứu sử dụng công nghệ đúc chuyển keo trong tăng cường kết cấu bê tông bằng tấm bản thép**/ TS. Nguyễn Văn Hậu, ThS. Nguyễn Khánh Đức, Phạm Nguyên Bảo// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu về công nghệ đức chuyển keo được ứng dụng trong giải pháp dán tấm thép để tăng cường dầm bê tông cốt thép. Cơ sở lý thuyết về sự lan truyền chất lỏng keo khi bơm vào khoảng trống giữa tấm thép và bê tông được xây dựng dựa trên việc thiết lập và giải phương trình động lượng chất lỏng Naiver-Stokes kết hợp với phương trình bảo toàn khối lượng.

**Từ khóa**: Tăng cường cầu bê tông, công nghệ đúc chuyển keo, gia cường bằng tấm thép, keo epoxy, dòng chảy Navier-Stokes.

**35. Nghiên cứu sử dụng nano carbon làm phụ gia để cải thiện lún vệt bánh xe cho mặt đường bê tông nhựa**/ PGS. TS. Lê Văn Bách, TS. Lê Văn Phúc, KS. Nguyễn Hà Trung// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Lún vệt bánh xe là một trong những phá hoại chính của mặt đường bê tông nhựa dưới tác dụng của nhiệt độ cao và tải trọng. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến xuất hiện hằn lún vệt bánh xe trong lớp bê tông nhựa là việc lựa chọn loại nhựa cũng như các loại phụ gia kháng lún chưa phù hợp với điều kiện như khai thác. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng nano carbon làm phụ gia nhằm cải thiện vệt hằn bánh x echo bê tông nhựa.

**Từ khóa**: Nano carbon, bê tông nhựa, phụ gia, lún vệt hằn bánh xe

**36. Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm trong quá trình nghiền đá xây dựng để chế tạo bê tông rỗng có khả năng thoát nước/** TS. Nguyễn Đăng Hanh; PGS.TS. Nguyễn Thanh Sang, PGS.TS Trần Việt Hùng; TS. Thái Minh Quân// Giao thông vân tải.- 2020 .- Số 7 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm trong quá trình nghiền đá xây dựng để chế tạo bê tông rỗng có khả năng thoát nước. Trong nghiên cứu này, bê tông rỗng được chế tạo từ các loại cốt liệu có cỡ nhỏ nhằm hướng đến việc tận dụng nguồn trữ lượng lớn của đá nghiền cỡ nhỏ tại các mỏ đá và đảm bảo tính thẩm mỹ cũng như độ tiện nghi của mặt đường sử dụng loại bê tông rỗng này.

**Từ khóa:** Bê tông thoát nước, cốt liệu nhỏ, hệ số thấm, độ rỗng mở

**37. Nghiên cứu tác động tương hỗ của các dạng móng nông trên mặt đất đến lún bề mặt do thi công hầm metro bằng TBM**/ ThS. Nguyễn Thạch Bích, TS. Nguyễn Phương Duy, ThS. Lê Thành Lê// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 78-82.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu bằng phương pháp phần tữ hữu hạn ảnh hưởng tác động tương hỗ của các dạng kết cấu móng nông điển hình của các tòa nhà đến hiện tượng lún không đều gây ra do quá trình đào hầm bằng TBM trong khu vực thành phố.

**Từ khóa**: Tương tác nền đất công trình, TBM, lún bề mặt

**38. Nghiên cứu ứng dụng kết cấu trụ liền cọc cho công trình cầu đô thị ở Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh, PGS. TS. Trần Việt Hùng, ThS. Trần Minh Long// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Tóm tắt nghiên cứu cấu tạo, đặc điểm làm việc của kết cấu trụ liền cọc sử dụng kết cấu ống thép nhồi bê tông, các số liệu tổng hợp, số liệu tính toán kiểm chứng và so sánh, từ đó đề xuất những vấn đề cần phải nghiên cứu khi áp dụng kết cấu trụ liền cọc ống thép nhồi bê tông cho cầu trong đô thị.

**Từ khóa**: Cầu đô thị, kết cấu trụ liền cọc, móng cọc ống thép

**39. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Al) xây dựng mô hình dự báo chuyển vị theo phương đứng cầu dây văng**/ ThS. Nguyễn Thùy Linh, PGS. TS. Hồ Thị Lan Hương, PGS. TS. Nguyễn Hữu Hưng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 72-77.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – Al), trong đó có sử dụng phương pháp mạng thần kinh nhân tạo (Artificial Neuron network – ANN) để xây dựng mô hình dự báo chuyển vị theo phương đứng của điểm giữa nhịp chính cầu dây văng dựa trên các yếu tố ảnh hưởng là vận tốc gió, nhiệt độ môi trường. Để đánh giá khả năng dự báo, độ chính xác của phương pháp ANN được so sánh với phương pháp hồi quy tuyến tính. Qua kết quả tính toán thực nghiệm cho thấy, mô hình dự báo chuyển vị theo phương đứng của điểm giữa nhịp chính cầu dây văng bằng phương pháp ANN chính xác và tin cậy hơn phương pháp hồi quy tuyến tính.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo (Al), mạng thần kinh nhân tạo (ANN), GPS – RTK, quan trắc chuyển vị, cầu dây văng

**40. Nghiên cứu xác định các thông số nổ mìn bầu hợp lý để thi công nền đường thuộc dự án thành phần đường tuần tra biên giới từ đồn 709, tỉnh Kon Tum**/ ThS. Đồng Văn Thảo, TS. Vũ Đức Sỹ// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định các thông số nổ mìn bầu hợp ký để áp dụng trong thi công nền đường thuộc Dự án thành phần Đường tuần tra biên giới từ Đồn 707 đến Đồn 709, tỉnh Kon Tum và những nơi có điều kiện địa hình, địa chất tương tự.

**Từ khóa**: Tính toán các thông số khoan nổ mìn, các phương pháp nổ phá

**41. Nghiên cứu xác định hệ số hiệu quả của xỉ lò cao trong thiết kế thành phần bê tông cát**/ ThS. Nguyễn Tấn Khoa, PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 45-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định hệ số kXLC trong thiết kế thành phần bê tông cát, kết quả nghiên cứu là cần thiết giúp định lượng sơ bộ được lượng vật liệu sử dụng để thõa mãn cường độ yêu cầu của loại bê tông này.

**Từ khóa**: Bê tông cát, hệ số hiệu quả, xỉ lò cao, cường độ chịu nén

**42. Nghiên cứu, đánh giá các giải pháp cách âm giảm ồn trong công trình xây dựng**/ KS. Nguyễn Thị Tuyết Hương, TS. Trần Vũ Tự// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 55-62.

**Nội dung**: Đánh giá các giải pháp cách âm giảm ồn trong công trình xây dựng thông qua so sánh độ giảm mức âm của các loại kết cấu và vật liệu cách âm. Bằng cách tiến hành thực nghiệm tạo ra 10 hộp mẫu thí nghiệm của các loại kết cấu và vật liệu cách âm, nghiên cứu tiến hành đo mức âm để phân tích, đánh giá, so sánh mức độ âm của các loại vật liệu và kết cấu này.

**Từ khóa**: Tiếng ồn, mức âm, giảm ồn, giải pháp cách âm.

**43. Nguyên nhân hư hỏng và các giải pháp sữa chữa gối cầu đối với cầu có bản liên tục nhiệt**/ TS. Lê Bá Anh, TS. Ngô Văn Minh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Nêu nguyên nhân điển hình dẫn đến các dạng hư hỏng gối cầu bản liên tục nhiệt, qua đó đề xuất các giải pháp dự đoán hư hỏng, biện pháp sữa chữa thay thế.

**Từ khóa**: Hư hỏng gối cầu, bản liên tục nhiệt

**44. Nhận dạng rủi ro kỹ thuật công trình cầu trên đường cao tốc tại Việt Nam**/ ThS. Lê Đức Anh, PGS. TS. Đào Duy Lâm, TS. Nguyễn Trọng Đồng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 40-44.

**Nội dung**: Nhận dạng các nhân tố rủi ro công trình cầu trên đường cao tốc, trong đó tập trung phân tích các rủi ro kỹ thuật trong giai đoạn thi công và khai thác công trình cầu.

**Từ khóa**: Nhận dạng rủi ro, nhân tố rủi ro, cầu đường cao tốc

**45. Phân tích – so sánh định tính các phương pháp thiết kế mặt đường nửa cứng và đề xuất ở Việt Nam**/ ThS. Hoàng Thanh Thủy// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 25-30.

**Nội dung**: Tác giả bài báo đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn để rõ định nghĩa về mặt đường nửa cứng, tổng hợp, phân tích và so sánh một cách định tính các phương pháp thiết kế mặt đường nửa cứng ở Việt Nam và một số nước tiên tiến trên thế giới. Từ nghiên cứu ban đầu này, tác giả có thể đề xuất điều chỉnh phương pháp thiết kế mặt đường nửa cứng ở Việt Nam để đạt được độ chính xác cao hơn.

**Từ khóa**: Mặt đường nữa cứng, thiết kế, phương pháp

**46. Phân tích ảnh hưởng của nhiệt thủy hóa đến bê tông khối lớn trong bệ trụ cầu**/ TS. Võ Duy Hùng, KS. Võ Văn Việt// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng xử và các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thủy hóa trong thi công bê tông khối lớn là rất cấp thiết. Phân tích đặc điểm ứng suất, nhiệt độ của bê tông khối lớn là có cơ sở và thiết thực.

**Từ khóa**: Nhiệt thủy hóa, bê tông khối lớn, ứng suất kéo, chuyển vị, tỷ số nứt

**47. Phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và khả năng áp dụng dầm liên hợp bán lắp ghép VFT cho chiều dài nhịp vừa và nhỏ ở Việt Nam**/ TS. Ngô Văn Minh, KS. Phạm Thanh Tùng// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật khi áp dụng dầm liên hợp bán lắp ghép VFT cho những cầu có chiều dài nhịp trung bình và ngắn trên các tiêu chí về hệ số an toàn trong các kiểm toán quan trọng, khối lượng các vật liệu chính, chi phí sản xuất thi công lắp đặt kết cấu nhịp; so sánh với các phương án dầm phổ biến tại Việt Nam như dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực, dầm Super T, dầm bản và đưa ra một số mẫu thiết kế định hình.

**Từ khóa**: Dầm liên hợp bán lắp ghép VFT, dầm bản, dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực, dầm Super T.

**48. Phân tích một số sơ đồ mẫu theo mô hình Strut and Tie (mô hình giàn ảo) trong tính toán kết cấu bê tông cốt thép theo Tiêu chuẩn 22TCN-272-05, TCVN11823:2017**/ TS. Nguyễn Lộc Kha// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 124-128.

**Nội dung**: Phân tích một số sơ đồ mẫu theo mô hình Strut and Tie (mô hình giàn ảo) để sử dụng tính toán kết cấu bê tông cốt thép cho các vùng kết cấu có trường ứng suất và biến dạng nhiễu loạn lớn. Đó là các vùng có sự tập trung tải trọng, các vùng có sự thay đổi tiết diện, các vùng có cấu trúc thiết kế phức tạp không liên tục về tĩnh học nhằm đảm bảo bố trí đủ hàm lượng cốt thép cho kết cấu.

**Từ khóa**: Mô hình Strut and Tie, tính toán kết cấu bê tông cốt thép

**49. Phân tích nguyên nhân của vết nứt xà mũ trụ cầu hai Quán Toan (QL10, Hải Phòng) và đánh giá hiệu quả của giải pháp sữa chữa thử nghiệm**/ ThS. Trần Trung Dũng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 05 .- Tr. 11-16.

**Nội dung**: Phân tích nguyên nhân gây nứt các xà mũ trụ cầu Quán Toan 1 và Quán Toan 2 trên QL 10 và đánh giá các giải pháp sữa chữa vết nứt đã được Tổng cục ĐBVN thực hiện thí điểm. Các giải pháp sữa chữa thí điểm bao gồm giải pháp bơm keo vết nứt và tăng cường bằng dán vật liệu FRP cho 04 trụ bị hư hỏng nặng nhất T1, T2, T14 và T18 của cầu Quán Toan 2 thực hiện năm 2015 và giải pháp tăng cường bằng dự ứng lực ngoài cho 05 xà mũ của hai cầu Quán Toan 1 và 2 thực hiện năm 2017…

**Từ khóa**: Kỹ thuật xây dựng cầu, vết nứt xà mũ, sữa chữa, cầu Quán Toan

**50. Phân tích sự làm việc của lớp phủ mỏng Microsurfacing trong kết cấu mặt đường ô tô**/ TS. Nguyễn Quang Tuấn, ThS. NCS. Bùi Viết Cường, PGS. TS. Trần Thị Kim Đăng// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Phân tích sự phân bố ứng suất, biến dạng trong phạm vi lớp phủ mỏng Microsurfacing và phân tích các điều kiện làm việc của lớp phủ mỏng mặt đường để đánh giá yêu cầu kỹ thuật vật liệu chế tạo lớp phủ. Trong đó, các yếu tố nhiệt độ, vận tốc xe chạy, loại kết cấu và tính chất vật liệu sẽ được đưa vào để phân tích và đánh giá.

**Từ khóa**: Lớp phủ mỏng, kết cấu áo đường, Microsurfacing, ứng suất, biến dạng

**51. Phân tích, đánh giá khả năng chịu lực của dầm liên hợp bán lắp ghép VFT theo lý thuyết phi tuyến**/ TS. Ngô Văn Minh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Tiến hành phân tích sự làm việc của dầm liên hợp bán lắp ghép VFT bằng phương pháp phần tử hữu hạn sử dụng phần tử khối và mô hình phi tuyến cho vật liệu bê tông và thép, từ đó xác định khả năng làm việc của dầm và hệ số kết cấu của tính toán dầm theo lý thuyết dầm tuyến tính.

**Từ khóa**: Dầm liên hợp bán lắp ghép VFT, phân tích phi tuyến, hệ số kết cấu

**52. Phân tích, so sánh các phương pháp dự tính sức kháng cắt của dầm bê tông cốt sợi thép cường độ cao theo một số tiêu chuẩn hiện hành trên thế giới**/ ThS. NCS. Trần Thị Lý, ThS. Đào Quang Huy, TS. Đào Văn Dinh, PGS. TS. Phạm Duy Anh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Công bố kết quả nghiên cứu sức kháng cắt của dầm tiết diện chữ nhật, bê tông cấp 70MPa có sử dụng cốt đai kết hợp với cốt sợi thép Dramix dạng uốn móc hai đầu. Hai mô hình tính toán trong tiêu chuẩn hiện hành ACI 544.4R-88 và RILEM TC 162 TDF được sử dụng để tính toán sức kháng cắt cho dầm bê tông cường độ cao cốt sợi thép. Kết quả được phân tích, so sánh để đánh giá mối tương quan giữa sức kháng cắt và hàm lượng sợi, cũng như sự liên quan giữa khoảng cách cốt đai và sức kháng cắt của dầm bê tông cường độ cao cốt sợi thép.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi thép, bê tông cường độ cao cốt sợi thép, sức kháng cắt, dầm bê tông cốt sợi thép

**53. Tính toán tấm composite có liên kết đàn hồi ở cạnh biên bằng phần tử tứ giác bốn nút**/ ThS. Giáp Văn Tấn, TS. Tạ Duy Hiển// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 89-91.

**Nội dung**: Trình bày tính toán tấm composite tính theo lý thuyết Mindlin có các liên kết gối đàn hồi ở cạnh tấm bằng phương pháp phần tử hữu hạn. Các công thức phần tử hữu hạn được thiết lập sử dụng phần tử tứ giác 4 nút cho tấm composite. Trên cơ sở các công thức đó lập trình chương trình phần tử hữu hạn bằng phần mềm Matlab. Sử dụng chương trình tính này thực hiện các ví dụ tính toán.

**Từ khóa**: Tấm composite, phần tử hữu hạn, liên kết đàn hồi, phần tử 4 nút, tấm Mindlin

**54. Tối ưu hóa sức chịu tải cọc từ kết quả nén tĩnh hiện trường sử dụng giải thuật di truyền và mạng nơ-ron nhân tạo**/ Trần Văn Tiếng, Trần Quang Vinh// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 129-135.

**Nội dung**: Để tăng độ chính xác khi ngoại suy sức chịu tải giới hạn cọc từ dữ liệu nén tĩnh, bài báo này đề xuất giải pháp Chin-kondner-GA nhằm tối ưu hóa phương pháp Chin-kondner bằng cách sử dụng giải thuật gen di truyền. Bên cạnh đó, mạng nơ-ron nhân tạo còn được ứng dụng để huấn luyện phương pháp Chin-Kondner-GA nhằm đạt được kết quả tối ưu nhất có thể .

**Từ khóa**: Thí nghiệm nén tĩnh, sức chịu tải giới hạn, phương pháp Chin-Kondner, phương pháp Chin-Kondner-GA, phương pháp Chin-Kondner-GA-ANN, ngoại suy, giải thuật gen di truyền, mạng nơ-ron nhân tạo

**55. Tổng quan nghiên cứu co ngót của bê tông sử dụng cát nghiền và cát mịn phối trộn đá xay (đá mi) ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long**/ ThS. Nguyễn Đức Dũng, PGS. TS. Nguyễn Duy Tiến, TS. Thái Khắc Chiến// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 84-88.

**Nội dung**: Biến dạng co ngót là một đặc tính không thể tách rời của bê tông, nó là một trong những nguyên nhân gây nứt kết cấu. Bài báo này sẽ tổng hợp các kết quả nghiên cứu đặc trưng co ngót của bê tông sử dụng cát nghiền và cát hỗn hợp.

**Từ khóa**: Cát mịn, đá xay, cát nghiền, co ngót, đá mi

**56. Tổng quan sử dụng phương pháp phần tử rời rạc để mô phỏng ứng suất có hiệu trong đất chưa bão hòa**/ ThS. NCS. Lương Nguyễn Hoàng Phương, TS. Tống Anh Tuấn// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Xem xét sự phát triển của phương pháp phần tử rời rạc và ứng dụng của nó trong nghiên cứu đất chưa bão hòa. Bên cạnh đó, nó cũng đưa ra một số vấn đề có thể gặp trong thực tế và một số phương pháp hợp lý để giải quyết những vấn đề này. Cuối cùng, bài báo tập trung vào nguyên lý ứng suất có hiệu, thông thường được áp dụng trong đất chưa bão hào và được xem xét cho các mục đích thiết lập mô hình.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử rời rạc, đất không bão hòa, ứng suất có hiệu

**57. Ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh và học máy, phát hiện và định vị vết nứt mặt đường**/ ThS. Lê Nhật Tùng, ThS. Nguyễn Lê Minh, ThS. Cao Phương Thảo, ThS. Nguyễn Thị Hồng Hoa// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 83-87.

**Nội dung**: Trình bày một giải pháp nhận dạng, định vị vết nứt mặt đường sử dụng thiết bị bay không người lái (UAV). Các hình ảnh chụp từ thiết bị UAV đồng bộ trực tiếp trên thiết bị di động sẽ được nhận dạng tính toán vết nứt dựa trên mô hình học sâu đã được huấn luyện từ trước. Thực nghiệm cho thấy giải pháp đề xuất phần nào đáp ứng được việc xác định vết nứt mặt đường, từ đó có thể cảnh báo sớm cho các cơ quan quản lý hoặc người tham gia giao thông có biện pháp phòng ngừa hoặc sữa chữa.

**Từ khóa**: Vết nứt mặt đường, nhận dạng, định vị, học sâu, Android, UAV

**58. Ứng dụng lực mao dẫn trong việc tách nước ra khỏi đất cho các công trình**/ TS. Nguyễn Quốc Văn, Dr. Trịnh Trung Tiến// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 04 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Công tác tách nước ra khỏi đất mà vẫn giữ nguyên pha rắn là vấn đề vô cùng quan trọng và đã được quan tâm rất nhiều trên thế giới. Tách nước mà không mang theo hạt đất thì nước sẽ trong, hệ thống thoát nước sẽ không bị tắc trong quá trình sử dụng. Bài báo trình bày một ứng dụng rất độc đáo của lực mao dẫn trong việc tách nước ra khỏi đất có thể áp dụng cho các công trình cầu đường, hầm, sân bóng, sân golf.

**Từ khóa**: Tách nước ra khỏi đất, lực mao dẫn, công trình xây dựng

**59. Ứng dụng quy hoạch thực nghiệm Taguchi trong nghiên cứu ảnh hưởng tổ hợp chất kết dính xi măng, tro bay và xỉ lò cao đến tính năng của bê tông cát**/ ThS. Nguyễn Tấn Khoa, PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 44-49.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng quy hoạch thực nghiệm Taguchi để khảo sát sự ảnh hưởng của yếu tố lượng nước, lượng chất kết dính, tỷ lệ xỉ lò cao và lượng tro bay đến các tính chất cường độ chịu nén và độ thấm ion clo của bê tông cát, từ đó thiết lập mối quan hệ giữa cường độ chịu nén và độ thấm ion clo với các yếu tố đầu vào phục vụ cho việc thiết kế thành phần bê tông cát có xét đến độ bền.

**Từ khóa**: Bê tông cát, quy hoạch thực nghiệm, xỉ lò cao nghiền mịn, độ thấm ion clo, tro bay

**60. Ứng xử bê tông của đường hầm ở Việt Nam dưới tác nhân hỏa hoạn**/ TS. Lê Bá Anh, TS. Hồ Xuân Nam, ThS. Trần Ngọc Duy// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Phân tích các trạng thái ứng suất, biến dạng thực tế trong bê tông của đường hầm ở điều kiện nhiệt độ cao thông qua các mô hình phân tích lý thuyết và phương pháp phần tử hữu hạn. Thông qua kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất vật liệu bê tông hợp lý cho đường hầm và các giải pháp trong thiết kế nhằm phòng tránh hiệu quả của cháy nổ trong đường hầm.

**Từ khóa**: Ứng xử bê tông, công trình hầm, nhiệt độ cao

**61. Xác định khả năng kháng uốn và chiều dày tấm mặt đường bê tông xi măng hai lớp liền khối**/ TS. Dương Tất Sinh, KS. Dương Tất Tuấn Anh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xác định khả năng kháng uốn và chiều dày của tấm mặt đường bê tông xi măng hai lớp liền khối.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông xi măng, tấm hai lớp, tấm liền khối, chiều dày mặt đường bê tông xi măng.

**62. Xác định thời gian hành trình của dòng giao thông hỗn hợp bằng thiết bị dò tìm wi-fi**/ Mai Văn Hiếu// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Tiến hành thực nghiệm việc sử dụng thiết bị dò tìm wifi để xác định thời gian di chuyển trong điều kiện dòng giao thông hỗn hợp ở Hà Nội, đồng thời nghiên cứu kiểm tra độ chính xác của phương pháp.

**Từ khóa**: Thời gian hành trình, dòng giao thông hỗn hợp, MAC address, thiết bị dò tìm wifi

**63. Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (KPIs) cho các đơn vị cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại TP. Hồ Chí Minh**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Bích Hằng// Giao thông Vận tải .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 82-86.

**Nội dung**: Căn cứ trên các mục tiêu phát triển và mức độ đầu tư phù hợp cho hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới để lựa chọn các chỉ số phù hợp; xây dựng các thang đo có định lượng cụ thể, rõ ràng; đề xuất phương pháp đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá trong quản lý hợp đồng vận hành với các doanh nghiệp vận tải xe buýt.

**Từ khóa**: Chỉ số đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, nhà vận hành cung ứng dịch vụ vận tải, thang đo định lượng

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Áp dụng giá trị hợp lý trong lập và trình bày báo cáo tài chính Việt Nam**/ Nguyễn Thị Vân, Đoàn Vân Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở áp dụng giá trị hợp lý trong lập và trình bày báo cáo tài chính của quốc tế; thực trạng khuôn mẫu pháp lý cho việc áp dụng giá trị hợp lý trong lập và trình bày báo cáo tài chính Việt Nam; những tồn tại về khuôn mẫu pháp lý cho việc áp dụng giá trị hợp lý trong lập và trình bày báo cáo tài chính Việt Nam; nguyên nhân của tồn tại và kiến nghị.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính

**2. Áp lực thể chế với thực hiện kế toán quản trị môi trường và hình ảnh thương hiệu xanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hằng Nga// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 69-78.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của các áp lực thể chế đến thực hiện kế toán quản trị môi trường và liệu việc thực hiện đó có làm gia tăng hình ảnh thương hiệu xanh của doanh nghiệp ở Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát 235 doanh nghiệp thông qua bảng câu hỏi và sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính. Kết quả cho thấy ảnh hưởng của áp lực cưỡng ép, áp lực quy chuẩn và áp lực mô phỏng đến thực hiện kế toán quản trị môi trường là có nghĩa thống kê. Ngoài ra, thực hiện kế toán quản trị môi trường có tác động tích cực đến hình ảnh thương hiệu xanh của các doanh nghiệp. Kết quả này hàm ý, động lực thúc đẩy thực hiện kế toán quản trị môi trường là áp lực cưỡng ép, áp lực quy chuẩn và áp lực mô phỏng. Đồng thời, thực hiện kế toán quản trị môi trường sẽ góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu xanh cho các doanh nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Áp lực cưỡng ép, Áp lực mô phỏng, Áp lực quy chuẩn, Hình ảnh thương hiệu xanh, Kế toán quản trị môi trường, Lý thuyết thể chế

**3. Bảo quản lưu trữ tài liệu kế toán tại các đơn vị kế toán theo luật kế toán/** Trần Thị Ngọc Thuý// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 121– 123.

**Nội dung**: Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán tại các đơn vị kế toán là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các đơn vị kế toán. Đây cũng là yêu cầu bắt buộc đối với các đơn vị kế toán và được qui định tại Luật Kế toán của Quốc hội và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Trong thời gian qua, khuôn khổ pháp lý liên quan đến lĩnh vực kế toán, công tác bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán tại các đơn vị kế toán đã được quan tâm và thực hiện tốt hơn nhằm phục vụ công tác quyết toán, cung cấp thông tin cho các đơn vị kế toán.

**Từ khóa:** Luật kế toán, tài liệu kế toán, qui trình, lưu trữ tài liệu.

**4. Các lợi ích kế toán trong môi trường ERP tại các doanh nghiệp Việt Nam: khuôn mẫu đề xuấ**t/ Đào Nhật Minh// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) xuất hiện lần đầu tiên vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Các hệ thống ERP tích hợp các quy trình kinh daonh bao gồm sản xuất, phân phối, kế toán, tài chính, quản lý nhân sự, quản lý dự án, quản lý hàng tồn kho, dịch vụ, bảo trì và cung cấp khả năng tiếp cận, khả năng hiển thị và nhất quán trong toàn doanh nghiệp. Khi thực hiện hệ thống ERP, các doanh nghiệp mong đợi hệ thống này sẽ đem lại cho mình nhiều lợi ích, trong đó có các lợi ích kế toán. Qua đó, giúp các doanh nghiệp nhận diện được các lợi ích kế toán mà hệ thống ERP đem lại cho doanh nghiệp, so sánh với chi phí bỏ ra, từ đó ra quyết định có nên thực hiện hệ thống ERP tại doanh nghiệp mình hay không?

**Từ khoá**: Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, ERP, Doanh nghiệp, Lợi ích kế toán

**5. Các nhân tố ảnh hưởng đến minh bạch thông tin kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập**/ Đào Thị Thu, Trần Thị Thùy Trang, Trần Nhân Nghĩa, Bùi Thị Hoàng Yến, Lương Thị Thu Thùy// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến minh bạch thông tin kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao minh bạch thông tin kế toán của các đơn vị sự nghiệp công lập.

**Từ khoá**: Thông tin kế toán, kế toán khu vực công, minh bạch thông tin tài chính

**6. Các nhân tố thuộc hành vi và tổ chức ảnh hưởng đến triển khai thành công phương pháp chi phí dựa trên hoạt động (ABC) tại các doanh nghiệp sản xuất vừa và lớn thành phố Hồ Chí Minh**/ Võ Tấn Liêm// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 67-72.

**Nội dung**: Do khả năng cung cấp thông tin chi phí chính xác hơn cho các quyết định chiến lược vì đo lường chi phí rất chính xác, phương pháp chi phí dựa trên hoạt động (ABC) đã thu hút được sự chú ý của doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu. Trong môi trường cạnh tranh, các công ty sản xuất tại Việt Nam được khuyến khích áp dụng ABC trong việc theo dõi chi phí sản xuất chung. Dựa trên mô hình tổng quát của Shields (1995), nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của các nhân tố thuộc hành vi và tổ chức tác động đến triển khai thành công ABC tại các doanh nghiệp sản xuất có quy mô vừa và lớn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, việc triển khai thành công phương pháp ABC bị tác động mạnh mẽ bởi các nhân tố: hỗ trợ của nhà quản trị cấp cao, đào tạo và huấn luyện, sử dụng ABC bởi các phòng ban khác ngoài kế toán; nguồn lực doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Phương pháp chi phú dựa trên hoạt động, ABC, Hành vi, Tổ chức, Doanh nghiệp vừa và lớn

**7.** **Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa/** Vũ Thị Thuỷ, Vũ Thị Minh// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 104– 106.

**Nội dung**: Chuẩn mực kế toán là tập hợp các nguyên tắc, các yêu cầu cơ bản để hướng dẫn người làm kế toán nhận thức, ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chuẩn mực kế toán tạo ra một hệ thống các quan điểm hành xử thống nhất cho tất cả kế toán viên trước các sự kiện thuộc đối tượng của kế toán. Từ năm 2001 đến nay, Bộ Tài Chính đã công bố 26 chuẩn mực của kế toán đóng vai trò quan trọng trong công tác kế toán và hoạt động quản lý của doanh nghiệp, tuy nhiên, việc áp dụng chuẩn mực kế toán vào công tác kế toán ở doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp nhiều khó khăn do các yếu tố chủ quan và khách quan.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán, áp dụng chuẩn mực kế toán.

**8. Chất lượng lợi nhuận kế toán trong các nghiên cứu thực chứng**/ Nguyễn Thị Diệu Thúy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Bài viết trình bày các quan điểm chất lượng lợi nhuận kế toán của các nhà nghiên cứu trên thế giới và các tiêu chí đánh giá chất lượng lợi nhuận kế toán, xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng lợi nhuận kế toán. Bên cạnh đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng lợi nhuận kế toán của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Chất lượng, Lợi nhuận, Kế toán, Doanh nghiệp

**9. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trong trường đại học công lập: Một số vấn đề thảo luận trong quá trình vận dụng**/ Nguyễn Thị Đào// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Thực hiện cơ chế tự chủ đại học, nhà nước đã ban hành các văn bản quy định khác nhau, trong đó có Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp công lập nói chung và cơ sở giáo dục đại học công lập nói riêng phân định khá rõ ràng các nguồn thu, khoản chi và tách biệt được hệ thống báo cáo kế toán theo mục tiêu sử dụng thông tin. Trên cơ sở nhận diện và thảo luận một số vấn đề liên quan đến hạch toán theo chế độ kế toán mới chưa được quy định hoặc chưa quy định chi tiết, bài viết đưa ra một số đề xuất mang tính gợi ý như là giải pháp nhằm thống nhất trong cách hạch toán để đảm bảo đúng chế độ quy định, phù hợp với chủ trương và chính sách về tự chủ đại học của Đảng và nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế tại các trường đại học công lập.

**Từ khoá**: Chế độ kế toán, Hành chính sự nghiệp, Tự chủ đại học, Đại học công lập

**10. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa so sánh và đánh giá khả năng áp dụng ở Việt Nam**/ Hồ Xuân Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Giới thiệu IFRS for SMEs, so sánh sự khác biệt cơ bản của IFRS for SMEs với Chuẩn mực Kế toán VN (VAS) đang áp dụng cho SMEs, từ đó đánh giá khả năng cũng như định hướng áp dụng IFRS for SMEs ở VN nhừm thúc đẩy SMEs hội tụ với kế toán quốc tế.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

**11. Chương trình thực tập tốt nghiệp của sinh viên kế toán: thực trạng và giải pháp**/ Lương Thị Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr.78-82.

**Nội dung**: Hiện nay, khi các đơn vị, doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự nói chung và nhân viên kế toán nói riêng, đều có những yêu cầu ngày càng cao hơn về năng lực chuyên môn. Thể hiện rõ nhất là phần lớn các nhà tuyển dụng đều đòi hỏi ứng viên kế toán phải có kinh nghiệm làm việc. Đối với các sinh viên kế toán mới ra trường thì đáp ứng yêu cầu này không phải là dễ.

**Từ khoá**: Thực tập tốt nghiệp, Đào tạo kế toán, Thực hành nghề

**12. Cơ sở kế toán áp dụng trong kế toán công một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Mai Thị Hoàng Minh, Trương Thị Anh Đào, Lê Thị Cẩm Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 15-19.

**Nội dung**: Giới thiệu cơ sở kế toán áp dụng trong kế toán công một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán công

**13. Dự báo những xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán/** Đỗ Tất Cường// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.21 – 24.

**Nội dung:** Dưới ảnh hưởng của Cách mạng công nghệ 4.0 và nhu cầu mới từ các doanh nghiệp, lĩnh vực kế toán, kiểm toán đang dần chuyển đổi sang dựa trên sự ứng dụng khoa học công nghệ mới và đổi mới sáng tạo. Điều đó làm thay đổi diện mạo, mô hình tổ chức doanh nghiệp và đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng đối với kế toán, kiểm toán viên. Trên cơ sở phân tích các xu hướng thay đổi trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán trên thế giới, bài viết này đưa ra một số nhận định về vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán, kế toán viên, kiểm toán, Cách mạng công nghệ 4.0.

**14. Định giá thương hiệu bằng phương pháp phí bản quyền : nhìn từ công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa**/ Trần Minh Tâm, Trần Thị Kim Oanh, Lê Nguyễn Minh Thúy// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 56-60.

**Nội dung**: Đưa ra một số đánh giá về phương pháp phí bản quyền - phương pháp được sử dụng phổ biến trên thế giới trong việc định giá thương hiệu này. Thông qua việc phân tích về cơ sở lý thuyết của phương pháp phí bản quyền; đồng thời, sử dụng thương hiệu Vinacafe Biên Hòa để làm ví dụ minh họa cho việc áp dụng phương pháp phí bản quyền vào định giá một thương hiệu tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Định giá thương hiệu, tài sản vô hình, phương pháp phí bản quyền, Vinacafe

**15. Đo lường mức độ minh bạch thông tin kế toán: kinh nghiệm quốc tế**/ Nguyễn Thị Khánh Phương, Dương Vân Nga// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Minh bạch thông tin là mối quan tấm hàng đầu của các nhà đầu tư. Họ luôn mong muốn đồng vốn họ đem đi đầu tư được an toàn và có khả năng sinh lời. Vì thế, các nhà đầu tư luôn phải quan tâm đến thông tin kế toán cung cấp, căn cứ vào đó để phân tích và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Do đó, điều mà họ mong muốn nhất chính là thông tin kế toán cung cấp đó phải đảm bảo được tính trung thực, phản ánh được chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu về minh bạch thông tin. Chính vì vậy, đo lường mức độ minh bạch của thông tin kế toán là một vấn đề cần thiết.

**Từ khoá**: Minh bạch thông tin, Thông tin kế toán, Doanh nghiệp niêm yết

**16. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Tăng Thị Thanh Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 48-51.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ

**17. Hệ thống thông tin kế toán quản trị - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mai Lê// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr.61-62.

**Nội dung**: Hệ thống thông tin kế toán quản trị - MAIS (Management accounting information system - MAIS) là một bộ phận trong hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp, là một bộ phận thông tin không thể thiếu trong doanh nghiệp giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định trong đầu tư, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển của chính doanh nghiệp. MAIS đã được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia phát triển. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu quá trình ứng dụng MAIS trong các doanh nghiệp của các quốc gia này để rút ra các bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin kế toán quản trị, MAIS, Kế toán doanh nghiệp

**18. Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Thành Hưng// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 33-38.

**Nội dung**: Đề cập đến ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 trong tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán quản trị chi phí được cung cấp.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí, kế toán quản trị , doanh nghiệp viễn thông, Cách mạng công nghiệp 4.0

**19. Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Lan Phương**/ Phạm Thị Lan Oanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 82-83.

**Nội dung**: Thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Lan Phương; các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

**Từ khoá**: Kế toán bán hàng, kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

**20. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang**/ Trần Kim Tuyến// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng ứng dụng hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty về môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin - truyền thông và giám sát, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện các vấn đề phát hiện được.

**Từ khoá**: Hệ thống kiểm soát nội bộ, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản, An Giang

**21. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định hữu hình tại các doanh nghiệp sản xuất giày trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**/ Lý Thị Thu Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 56-59.

**Nội dung**: Trình bày cách giải quyết những bất cập trong việc quản lý và sử dụng tài sản cố định hữu hình sao cho hiệu quả, đảm bảo năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

**Từ khoá**: Kế toán tài sản cố định hữu hình, doanh nghiệp sản xuất giày, Đồng Nai

**22. Kế toán hoạt động chăn nuôi theo chuẩn mực kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam**/ Phùng Thị Thu Hương// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Tổng hợp các hướng dẫn kế toán hoạt động chăn nuôi theo chuẩn mực kế toán quốc tế về nông nghiệp và kế toán Việt Nam, và nhấn mạnh một số điểm khác biệt giữa kế toán VN và quốc tế.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế về VN, IAS 41, Kế toán hoạt động chăn nuôi

**23. Kế toán quản trị môi trường - con đường phát triển bền vững cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Bến// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 28-32,72.

**Nội dung**: Giới thiệu chung về sự phát triển của kế toán môi trường trên thế giới; lợi ích của Kế toán quản trị môi trường với phát triển bền vững; thực trạng về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh tại Việt Nam và giải pháp quản lý cho các DN Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán môi trường, phát triển bền vững, doanh nghiệp

**24. Kế toán tài sản cố định trong đơn vị hành chính sự nghiệp: từ lý luận đến thực tiễn**/ Nguyễn Thị Thúy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Chỉ rõ những vướng mắc, bất cập giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời phân tích các quan điểm của chuẩn mực kế toán công quốc tế, các nhà nghiên cứu kế toán công trên thế giới để đưa ra định hướng cách giải quyết những vấn đề này.

**Từ khoá**: Kế toán tài sản cố định, đơn vị hành chính sự nghiệp

**25. Kế toán thuế tài sản, chuyển đổi từ IAS 17 sang IFRS 16 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính/** Vũ Quang Trọng// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr.84-87.

**Nội dung**: Trình bày tóm lược sự thay đổi cơ bản về kế toán thuê tài sản đối với bên thuê trong chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 16 được ban hành thay thế cho chuẩn mực kế toán quốc tế số 17. Đồng thời chỉ ra sự ảnh hưởng đáng kể của việc áp dụng chuẩn mực mới về thuê tài sản đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của bên thuê, đặc biệt đối với các chỉ tiêu trong báo cáo lãi, lỗ và báo cáo tình hình tài chính.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính, thuê tài sản, IFRS 16, IAS 17

**26. Khả năng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15 vào các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Xuân// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 39-42,87.

**Nội dung**: Trình bày khả năng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15 vào các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, lợi ích, khó khăn khi áp dụng chuẩn mực IFRS 15. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường khả năng áp dụng chuẩn mực IFRS 15 vào các DN Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, doanh nghiệp Việt Nam

**27. Kiểm toán công nghệ thông tin trong kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt - thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thị Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6.- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Với tác động của xu hướng công nghệ trong ngành bảo hiểm, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ ngày càng nhận thức rõ tầm quan trong của công nghệ thông tin trong hoạt động của mình và tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin theo các xu hướng này. Thách thức này đòi hỏi bộ phận kiểm toán nội bộ phải có sự am hiểu nhất định về công nghệ thông tin và sự ứng dụng công nghệ thông tin vào các sản phẩm bảo hiểm tại doanh nghiệp của mình. Theo xu hướng này, nội dung của kiểm toán nội bộ dưới sự tác động của công nghệ thông tin sẽ mở rộng sang loại hình mới, đó là kiểm toán công nghệ thông tin. Tập đoàn Bảo Việt cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, Công nghệ thôn tin, Doanh nghiệp

**28. Kinh nghiệp quốc tế về quản lý rủi ro trong quản lý thuế và bài học cho** **Việt Nam/** Bùi Khánh Toàn// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr. 37 – 40.

**Nội dung:** Thuế là nền tảng vững chắc của nguồn thu ngân sách nhà nước. Để nguồn thu được đảm bảo nhằm phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thì cơ quan thuế phải bảo vệ cơ sở thuế nhằm đảm bảo nguồn thu luôn bền vững. Đồng thời cơ quan thuế cũng phải nổ lực ngăn chặn và giảm thiểu hành vi không tuân thủ của người nộp thuế. Để đạt được mục tiêu này, hầu hết các cơ quan thuế trên thế giới đều áp dụng các mô hình quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Bài viết phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trong công tác quản lý rủi ro trong lĩnh vực thuế. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản lý thuế, quản lý rủi ro, phát triển, ngân sách nhà nước, tuân thủ.

**29. Mô hình khuôn khổ chi tiêu trung hạn và mối quan hệ với dự toán ngân sách trong kế toán công/** Trần Mai Đông, Phạm Quang Huy// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.51– 54.

**Nội dung:** Khi vận hành ngân sách cho các hoạt động chính phủ và các đơn vị công, việc lập dự toán, thực hiện và quyết toán là một qui trình quan trọng, bởi nó tạo sự an toàn và nâng cao tính kỷ luật trong ngân sách quốc gia. Các quốc gia trên thế giới đều quan tâm đến việc làm sao có thể hạn chế khoảng cách khác biệt giữa các số liệu dự toán và báo cáo quyết toán cuối năm tài chính và có thể thấy được dòng tiền chi tiêu trong tương lai gần để có những hoạch định phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn khác nhau. Bài viết giới thiệu về khái niệm và đặc điểm của một mô hình hiện đại là khuôn khổ chi tiêu trung hạn. Thông qua việc so sánh giữa dự toán truyền thống với dự toán trung hạn, bài viết còn làm rõ mối quan hệ giữa mô hình này với kế toán công.

**Từ khóa:** Khuôn khổ chi tiêu trung hạn, mô hình MTEF, kế toán công, dự toán ngân sách

**30. Mô hình kế toán trách nhiệm kết hợp thẻ điểm cân bằng trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam**/ Trần Trung Tuấn// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 86-92.

**Nội dung**: Doanh nghiệp cần phải đánh giá được thành quả của các nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp. Các mô hình đo lường thành quả khác nhau hiện nay đều có những ưu điểm và nhược điểm. Do đó, việc xây dựng được một mô hình kết hợp đo lường thành quả có ý nghĩa trong cả lý luận và thực tiễn. Bài viết nghiên cứu và xây dựng mô hình kế toán trách nhiệm kết hợp thẻ điểm cân bằng trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam bằng cách sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để đánh giá mô hình kết hợp này. Nghiên cứu thu thập dữ liệu và sử dụng mềm SPSS 22.0 để phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng mô hình kế toán trách nhiệm kết hợp thẻ điểm cân bằng trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam ở mức thấp. Từ đó các khuyến nghị cũng được đề xuất nhằm nâng cao mức độ áp dụng mô hình kế toán trách nhiệm kết hợp thẻ điểm cân bằng trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thẻ điểm cân bằng, thành quả, kế toán trách nhiệm

**31. Một số vấn đề về quản lý thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế/** Trần Thị Vân Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 186– 189.

**Nội dung:** Hội nhập kinh tế quốc tế là khâu trong quá trình phát triển và là tiền đề cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn hiện nay. Xu hướng này mang lại lợi ích mà còn đặt nền kinh tế các quốc gia phải đối mặt với những thách thức, do những biến động tiêu cực của thị trường, tài chính và kinh tế toàn cầu. Bài viết phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới hệ thống thuế các quốc gia nói chung, trong đó chú trọng tới những thách thức mà hệ thống thuế Việt Nam đang gặp phải nhằm rút ra một số giải pháp hỗ trợ cho công tác quản lý thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**.**

**Từ khóa:** Quản lý thuế, hội nhập kinh tế quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

**32. Một số vấn đề về hệ thống tài khoản hàng tồn kho trong đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Lê Thanh Bằng// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 43-44.

**Nội dung**: Đề cập đến một số bất cập đối với quy định về hệ thống tài khoản hàng tồn kho hiện hành. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị nhằm hoàn thiện hơn hệ thống tài khoản hàng tồn kho trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

**Từ khoá**: Hàng tồn kho, tài khoản, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

**33. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực kế toán tại Trường Đại học Công Đoàn**/ Vũ Bích Thủy// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Đào tạo kế toán, nguồn nhân lực, đội ngũ kế toán

**34. Nâng cao hiệu quả ứng dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nga// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Vai trò của Kế toán quản trị trong doanh nghiệp; thực trạng ứng dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp Việt Nam; giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp, thông tin kế toán, bộ máy kế toán

**35. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong môi trường ERP tại các doanh nghiệp logistics thành phố Hồ Chí Minh**/ Tạ Duy Khánh// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 82-87.

**Nội dung**: ERP (Enterprise Resource Planning) - hệ thống hoạch định nguồn nhân lực là một giải pháp quản trị hiện đại. ERP rất sớm đã trở thành biểu tượng của một thay đổi mang tính cách mạng trong phương thức vận hành của công ty. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trên môi trường ERP là một chìa khóa quan trọng để đảm bảo khả năng tồn tại và cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp, trong giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Việc triển khai hệ thống ERP là một hoạt động không thể thiếu trong cuộc đua logistics Việt nam trên thương trường quốc tế. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng, nghiên cứu này xác định mức độ tác động của các nhân tố đến việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong môi trường ERP của các doanh nghiệp logistics tại thành phố Hồ Chí Minh, nhằm tím ra câu trả lời cho những thách thức của môi trường thay đổi liên tục, đồng thời cũng đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm có thể tổ chức hiệu quả hệ thống thông tin kế toán trong môi trường ERP của các doanh nghiệp logistics tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực, ERP, Hệ thống thông tin kế toán, Logistics

**36.** **Nghiên cứu áp dụng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam/** Trương Văn Tú// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.17 – 20.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua tìm hiểu các yếu tố cấu thành. Dữ liệu được thu thập trong năm 2019. Nghiên cứu sử dụng cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính để đạt được mục tiêu nghiên cứu. Kết quả cho thấy, hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu ảnh hưởng lớn nhất từ nhân tố con người, phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Từ đó tác giả đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng khả năng cạnh tranh cho công ty trong điều kiện hội nhập hiện nay.

**Từ khóa:** Hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kiểm soát nội bộ

**37. Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng ERP và sự tác động tới kế toán quản trị trong doanh nghiệp: khảo sát trên địa bàn Thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Thị Thanh Phương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 20-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và tác động của nó đến kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Số liệu nghiên cứu thu thập từ 265 kế toán viên hiện đang công tác tại các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng trong nghiên cứu. Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và thực hiện nghiên cứu định lượng, kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy: (1) Môi trường doanh nghiệp, (2) Đặc điểm doanh nghiệp, (3) Đặc điểm của người sử dụng, (4) Sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo công ty, (5) Chất lượng nhà tư vấn triển khai hệ thống ERP đều có mối quan hệ thuận chiều đến việc áp dụng ERP tại cá doanh nghiệp. Đồng thời việc áp dụng ERP có tác động tích cực đến hoạt động kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Kết quả của nghiên cứu này là cơ sở khoa học để cho các nhà quản lý tại các doanh nghiệp đưa ra những quyết định phù hợp nhằm cải thiện hoạt động kế toán quản trị trong thời gian tới.

**Từ khoá**: ERP, Kế toán quản trị, TP Hà Nội, SEM

**38. Nguyên tắc thận trọng trong kế toán từ các góc nhìn**/ Nguyễn Thị Bích Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Nguyên tắc thận trọng là một trong những nguyên tắc cơ bản và lâu đời nhất trong hoạt động kế toán tài chính. Tầm quan trọng của việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán một lần nữa được khẳng định thông qua việc Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) đã yêu cầu đưa lại khái niệm thận trọng vào khuôn mẫu khái niệm (Conceptual Framework) vừa được ban hành vào tháng 3/2018 sau một thời gian loại bỏ khỏi khuôn mẫu khái niệm từ năm 2010.

**Từ khoá**: Kế toán, Nguyên tắc thận trọng, Chuẩn mực kế toán quốc tế, Kế toán một lần

**39. Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận trong các doanh nghiệp thương mại/** Nguyễn Thị Mai Trâm// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 130– 133.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (thường được gọi tắt là phân tích CVP) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các doanh nghiệp. Mục đích của phân tích chi phí- khối lượng-lợi nhuận chính là phân tích cơ cấu chi phí hay nói cách khác là nhằm phân tích rủi ro từ cơ cấu chi phí này. Dựa trên những dự báo về khối lượng hoạt động, doanh nghiệp đưa ra cơ cấu chi phí phù hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất.

**Từ khóa:** Phân tích, quan hệ, chi phí, khối lượng, lợi nhuận

**40. Phương hướng vận dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp chế biến gỗ**/ Nguyễn Thị Quỳnh Trang// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng vận dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp chế biến gỗ ở nước ta và đưa ra một số phương pháp vận dụng nghiệp vụ này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, doanh nghiệp, doanh nghiệp chế biến gỗ

**41. Phát triển thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán: những vấn đề đặt ra/** Mai Ngọc Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.14 – 16.

**Nội dung:** Thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam được hình thành từ những năm đầu của thập kỷ 1990 với sự ra đời của công ty kiểm toán độc lập đầu tiên. Sau gần 3 thập kỷ phát triển, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam đã đạt những thành tựu quan trọng cả về qui mô và chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đạt được, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập, cần khắc phục. Bài viết này tập trung vào phân tích thực trạng đối với thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam và khuyến nghị các giải pháp để phát triển thị trường này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kế toán, kiểm toán, dịch vụ, thị trường dịch vụ, doanh nghiệp

**42.** **Quản lý thuế đối với kinh tế tư nhân: những vấn đề đặt ra ở Việt Nam/** Vương Thị Thu Hiền, Vũ Duy Nguyên// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.33 – 36.

**Nội dung:** Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Từ nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách thúc đẩy phát triểnkinh tế tư nhân. Kết quả mang lại là kinh tế tư nhân đã khẳng định vai trò, vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân bằng sự phát triển mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Song hành cùng sự phát triển đó, cũng đặt ra những vấn đề về công tác quản lý thuế đối với khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt trong môi trường hội nhập, ứng dụng khoa học công nghệ như hiện nay ...

**Từ khóa:** Kinh tế tư nhân, quản lý thuế, phát triển, kinh tế thị trường

**43.** **Qui trình lập báo cáo kế toán quản trị tại doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi/** Hoàng Thị Mai Lan // Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 116– 120.

**Nội dung**: Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp các thông tin kế toán cho các nhà quản lý doanh nghiệp lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định kinh tế. Bài viết tìm hiểu qui trình lập báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thuỷ lợi Việt Nam thông qua hình thức phỏng vấn bán cấu trúc các kế toán trưởng và khảo sát hồ sơ kế toán. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện qui trình lập báo cáo kế toán quản trị, từ đó nâng cao chất lượng báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp này.

**Từ khóa:** Báo cáo kế toán quản trị, qui trình, công trình thuỷ lợi

**44. Thực trạng phân loại chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên**/ Ma Thị Hường, Đỗ Thị Thu Hằng// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Trong doanh nghiệp, việc quản lý chi phí sao cho hiệu quả nhất luôn là vấn đề mà các nhà quản trị trong doanh nghiệp quan tâm hàng đầu. Muốn quản lý tốt thì các nhà quản lý phải nhận biết được chi phí một cách đầy đủ và đúng đắn. Bài viết phản ánh thực trạng phân loại chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện phân loại chi phí tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Phân loại chi phí, Kế toán quản trị, Doanh nghiệp sản xuất cơ khí

**45.** **Tiêu chuẩn, điều kiện** **đối với kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng/** Nguyễn Thị Thanh Hoài// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 127– 129.

**Nội dung**: Đơn vị có lợi ích công chúng là doanh nghiệp, tổ chức mà tính chất và quy mô hoạt động có liên quan nhiều đến lợi ích của công chúng. Trên thị trường tài chính, việc kiểm toán đối với các đơn vị có lợi ích công chúng có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng cũng rất cao và được luật hoá. Bài viết trao đổi về những vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

**Từ khóa:** Kiểm toán độc lập, đơn vị có lợi ích công chúng, kiểm toán viên, báo cáo tài chính

**46.** **Trao đổi về công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp/** Lê Thị Oanh// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 107– 109.

**Nội dung**: Kế toán tài chính là một bộ phận của công tác doanh nghiệp. Phạm vi của kế toán tài chính là phản ánh các loại tài sản, nguồn hình thành tài sản, hoạt động kinh tế tài chính và quan hệ kinh tế pháp lý phát sinh trong doanh nghiệp. Trong thực tế, hầu hết doanh nghiệp đều cần báo cáo tình hình tài chính của mình, nên việc cung cấp các thông tin là công việc của kế toán tài chính. Bài viết trao đổi một số nội dung liên quan đến công tác tài chính trong doanh nghiệp, nhằm làm rõ các vấn đề liên quan đến công tác này.

**Từ khóa:** Luật kế toán, kế toán tài chính, báo cáo tài chính

**47.** **Triển khai chiến lược kế toán, kiểm toán Việt Nam: Kết quả và định hướng đến năm 2030/** Vũ Đức Chính// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.6 – 9.

**Nội dung:** Sau 25 năm đổi mới và cải cách, Kế toán Việt Nam có nhiều thay đổi sâu sắcvà có những bước phát triển quan trọng, đóng góp hiệu quả vào thành công chung của nền kinh tế đất nước. Với việc chiến lược phát triển kế toán, kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (ban hành tại Quyết định số 480/QĐ-TTg ngày 18/3/2013 của Thủ tướng Chính Phủ) được triển khai mạnh mẽ và quyết liệt, hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nền kinh tế trong và ngoài nước còn diễn biến khó lường, trong giai đoạn tới, Việt Nam cần thiết phải tính tới những giải pháp cụ thể về phát triển kế toán, kiểm toán để đảm bảo tính hiệu quả và khả thi cho cả giai đoạn 2030.

**Từ khóa:** Kế toán, kiểm toán, Chiến lược phát triển kế toán, kiểm toán

**48. Ứng dụng kế toán quản trị chiến lược trong các quyết định về giá bán sản phẩm**/ Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Các nguyên tắc thực hiện kế toán quản trị chiến lược; ứng dụng kế toán quản trị chiến lược về giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp, chiến lược, giá sản phẩm

**49. Ứng dụng mô hình SEM trong nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán**/ Nguyễn Thị Khánh Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 45-47.

**Nội dung**: Tập trung xây dựng mô hình lý thuyết nghiên cứu tác động của cạnh tranh lên chất lượng kiểm toán VN thông qua tính độc lập của kiểm toán viên. Đồng thời, nghiên cứu dự định sử dụng mô hình phương trình cấu trúc SEM để điều tra ảnh hưởng của cạnh tranh thị trường kiểm toán đến chất lượng kiểm toán VN thông qua tính độc lập của kiểm toán viên.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, mô hình SEM, chất lượng dịch vụ kiểm toán

**50. Vai trò của kiểm toán độc lập đối với tính thanh khoản chứng khoán tại các công ty niêm yết Việt Nam**/ Mã Phượng Quyên, Nguyễn Thị Hoàng Yến, Lê Đoàn Minh Đức// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr.26-28, 38.

**Nội dung**: Tính thanh khoản của chứng khoán giúp tăng cường giá trị của các công ty niêm yết và thu hút nhà đầu tư tài chính quan niềm tin về cơ hội thu lợi nhuận. Kiểm toán độc lập là một trong các nhân tố góp phần tăng sự tin cậy thông tin tài chính nói chung và tính thanh khoản chứng khoán nói riêng. Bài viết xem xét vai trò của kiểm toán độc lập với tính thanh khoản chứng khoán thông qua mẫu nghiên cứu định lượng 100 công ty niêm yết trên sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Kết quả cho thấy, chứng khoán tại các công ty niêm yết Việt Nam có tính thanh khoản cao hơn khi có sự đóng góp đáng kể của các nhân tố: tính độc lập của kiểm toán viên, sự thay đổi công ty kiểm toán, năng lực của công ty kiểm toán và ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Từ đó, bài viết hàm ý những chính sách để nâng cao việc đánh giá, lựa chọn, giám sát công ty kiểm toán độc lập, góp phần thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Tính thanh khoản, Kiểm toán độc lập, Chứng khoán, Công ty niêm yết

**51. Vai trò, trách nhiệm của kế toán, kiểm toán trong lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia/** Đặng Văn Thanh// Tài chính.- 2020 .- Số 726.- Tr.10 – 13.

**Nội dung:** Cùng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của đất nước kế toán, kiểm toán Việt Nam đã và đang tiếp cận với nguyên tắc, chuẩn mực và thông lệ quốc tế và tham gia tích cực vào việc phát triển nghề nghiệp kế toán trong khu vực và thế giới. Trong nền kinh tế thị trường, đa thành phần, đa sở hữu, nền kinh tế mở và hội nhập kế toán, kiểm toán Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng, đặc biệt là sự đổi mới về trách nhiệm, nghĩa vụ của kế toán, kiểm toán, của nghề nghiệp và người làm kế toán với sự lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia và chất lượng quản trị đất nước.

**Từ khóa:** Kế toán, kiểm toán, tài chính nhà nước, nền kinh tế thị trường

**52. Vấn đề cần quan tâm khi xử lý, kê khai thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp/** Chu Thị Bích Hạnh, Trần Thị Ngọc Thương// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 57– 59.

**Nội dung:** Kế toán thuế giá trị gia tăng vừa phải tuân thủ theo qui định kế toán, vừa phải tuân thủ theo Luật Thuế giá trị gia tăng và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Do vậy, việc kê khai thuế giá trị gia tăng đòi hỏi phải giảm thiểu những sai xót, làm ảnh hưởng đến trách nhiệm, quyền lợi của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Bài viết đề cập tới một số vấn đề cần lưu ý khi kê khai thuế giá trị gia tăng nhằm giúp các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, chính xác và hiệu quả.

**Từ khóa:**Thuế giá trị gia tăng, kê khai thuế, doanh nghiệp

**53.** **Vấn đề thuê dịch vụ làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán tại doanh nghiệp/** Trần Thị Mây, Vũ Thị Phượng// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 101– 103.

**Nội dung**: Thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán là hoạt động bình thường tại doanh nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu, quy mô, và sức khoẻ tài chính của mỗi doanh nghiệp. Hiện nay, xu hướng thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng ngày càng phổ biến hơn và hoạt động này được quy định rõ tại các văn bản pháp luật. Bài viết trao đổi, hệ thống hoá lại một số qui định liên quan đến hoạt động thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán để cộng đồng doanh nghiệp nắm rõ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Thuê làm dịch vụ kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán

**54. Vận dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 để hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần Tân Vĩnh Cửu**/ Lý Thị Thu Hiền, Nguyễn Đức Huy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Hàng tồn kho là một bộ phận rất quan trọng trong tài sản lưu động, chiếm tỷ trọng lớn và nằm ở nhiều khâu trong quá trình cung ứng sản xuất, dự trữ và lưu thông của nhiều doanh nghiệp. Việc xác định chính xác các chỉ tiêu số lượng và giá trị nhập - xuất - tồn của hàng tồn kho, không chỉ giúp cho doanh nghiệp chỉ đạo và điều chỉnh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế diễn ra hàng ngày, mà còn giúp cho doanh nghiệp có một lượng vật tư, hàng hóa dự trữ trong định mức, không dự trữ quá nhiều gây ứ đọng vốn cũng như không quá ít để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành liên tục và không bị gián đoạn.

**Từ khoá**: Kế toán, Hàng tồn kho, Chuẩn mực kế toán, Doanh nghiệp

**55. Về đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Hải Vân// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 124 – 126.

**Nội dung**: Nghề kế toán có đặc điểm khá đặc biệt, đó là cung cấp dịch vụ có thu phí từ khách hàng nhưng để bảo vệ lợi ích của công chúng. Do vậy, trách nhiệm của kiểm toán viên hành nghề không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng đơn lẻ hoặc doanh nghiệp, nơi kiểm toán viên hành nghề cung cấp dịch vụ mà còn phải nắm được và tuân thủ các qui định của chuẩn mực đạo đức vì lợi ích của công chúng. Dựa trên các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp đối với kiểm toán viên và những kết quả triển khai trong thời gian qua, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên trong thời gian tới.

**Từ khóa:** kiểm toán viên, đạo đức nghề nghiệp, kiểm toán độc lập.

**56. Xu hướng hội tụ giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị và giải pháp cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Bích TUyền, Lê Như Hoa// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 126-129.

**Nội dung**: Tổng quan về tiến trình hội tụ kế toán; nghiên cứu quốc tế về hội tụ giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị; một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán Việt Nam, kế toán tài chính, kế toán quản trị

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. 37 chỉ số đo lường hiệu suất hoạt động marketing số**/ Trần Thị Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Thống kê qua các năm, chi phí cho marketing truyền thống đã bị cắt giảm đi 160%, trong khi đó chi phí marketing số lại tăng lên 14% chứng tỏ các doanh nghiệp đang tăng dần ngân sách của mình cho marketing số nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng biết cách đo lường hiệu suất của hoạt động này. Trong khuôn khổ của bài viết, tác giả sẽ tổng hợp và phân loại các chỉ tiêu đo lường hiệu suất của hoạt động marketing số thành các nhóm chỉ số, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lựa chọn chỉ số đánh giá cũng như phân tích hiệu quả của hoạt động marketing số.

**Từ khoá:** Kinh tế, Marketing số, Chỉ số, Đo lường, Hiệu suất

**2. Ảnh hưởng của các yếu tố hỗ trợ và trở ngại cá nhân tới ý định hành vi khởi sự kinh doanh: nhận thức của nữ sinh viên một số trường đại học tại Hà Nội**/ Trần Văn Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 63-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đề cập tới ảnh hưởng của các hỗ trợ từ bên ngoài, các trở ngại bản thân tới ý định hành vi khởi sự kinh doanh của nữ sinh viên. Nghiên cứu thực hiện khảo sát đối với 826 nữ sinh viên tại 4 trường đại học ở Hà Nội và sử dụng phân tích cấu trúc tuyến tính để kiểm định các giả thuyết. Kết quả chỉ ra là sự hỗ trợ từ gia đình và người thân là yếu tố quan trọng nhất định hình ý định hành vi khởi sự kinh doanh của nữ sinh viên. Nhận thức về sự hỗ trợ từ chính phủ (thể chế) có tác động tích cực, trong khi các trở ngại cá nhân có ảnh hưởng tiêu cực tới ý định hành vi khởi sự kinh doanh của nữ sinh viên. Đối với các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của trường đại học, ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới ý định hành vi tới từ các khóa đào tạo trực tiếp về khởi nghiệp. Từ các kết quả này, các thảo luận và khuyến nghị chính sách đã được trình bày trong bài báo nhằm thúc đẩy lựa chọn hành vi khởi sự kinh doanh của nữ sinh viên.

**Từ khoá**: Ý định hành vi khởi sự kinh doanh, hỗ trợ, trở ngại bản thân, sinh viên nữ

**3. Ảnh hưởng của sự hài lòng tới quyết định mua lại của người học trên nền tảng trực tuyến: Nghiên cứu tình huống Topica Native**/ Phạm Hồng Chương, Hoàng Ngọc Anh, Phạm Thị Huyền// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 39-47.

**Nội dung:** Bài viết này tìm hiểu ảnh hưởng của sự hài lòng tới hành vi mua lại các khóa học tiếng Anh trực tuyến của người đi làm tại Việt Nam. Qua cuộc khảo sát trực tiếp với hơn 200 người đang theo học các khóa học Topica Native, nghiên cứu đã xác định, khi người học hài lòng ở mức điểm HL = 5 thì xác suất (p) để người dùng đó tiếp tục mua các khóa học trực tuyến lên tới 77.5%. Mô hình nghiên cứu với các yếu tố cấu thành nên chất lượng dịch vụ như giảng viên, phương tiện và dịch vụ hỗ trợ, giá trị khóa học và giá cả được kiểm định và khẳng định, 3 yếu tố phương tiện và dịch vụ hỗ trợ, học phí và giá trị khóa học có ảnh hưởng tích cực tới sự hài lòng của người học với mức độ tác động giảm dần. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề những giải pháp phù hợp nhằm tăng khả năng mua lại của người học trên nền tảng trực tuyến của Topica Native, đặc biệt là làm sao để cải thiện phương tiện và dịch vụ hỗ trợ của người học trực tuyến.

**Từ khoá**: Khóa học trực tuyến, sự hài lòng, quyết định mua lại

**4. Ảnh hưởng của thanh khoản cổ phiếu lên hành vi quản trị thiển cận**/ Đặng Tùng Lâm// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của thanh khoản cổ phiếu lên hành vi quản trị thiển cận. Sử dụng dữ liệu của các doanh nghiệp niêm yết trên hai Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2017, kết quả từ nghiên cứu cho thấy thanh khoản cổ phiếu có quan hệ thuận chiều với hành vi quản trị thiển cận. Kết quả này ủng hộ cho tác động chi phối của quan điểm thiển cận rằng thanh khoản cổ phiếu có thể tạo ra áp lực ngắn hạn và thúc đẩy hành vi quản trị thiển cận ở những người điều hành doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thanh khoản cổ phiếu, hành vi quản trị thiển cận, quản trị lợi nhuận, nhà đầu tư ngắn hạn

**5. Ảnh hưởng của thực hành tuyển dụng và tuyển chọn nhân sự và các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông tới chia sẻ tri thức của giảng viên trong các trường Đại học**/ Đỗ Văn Sang, Lê Văn Năm, Đoàn Quang Minh, Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Trung Tuấn// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 104-114.

**Nội dung**: Bài viết này là xác định và khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chia sẻ tri thức của giảng viên trong trường đại học công lập ở Việt Nam. Thông qua việc tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp, xây dựng nên mô hình lý thuyết xác định các nhân tố ảnh hưởng. Phương pháp nghiên cứu định lượng được áp dụng, kết quả cho thấy các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông, thực hành tuyển dụng, tuyển chọn nhân sự có ảnh hưởng đến chia sẻ tri thức. Ngoài ra một số nhân tố liên quan đến nhân khẩu học như độ tuổi, giới tính, chuyên môn cũng phát hiện là có ảnh hưởng tới chia sẻ tri thức. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất cho các trường đại học công lập ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chia sẻ tri thức, quản trị tri thức, các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông, tuyển dụng & tuyển chọn

**6. Ảnh hưởng của tiếp cận tài chính đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa**/ Hoàng Trần Hậu, Bùi Xuân Biên, Nguyễn Thị Thúy Nga// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 115-124.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tiến hành một cuộc điều tra thực nghiệm về tác động của việc tiếp cận tài chính đối với hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tư nhân tại Việt Nam. Vận dụng mô hình ước lượng GMM động đối với bộ dữ liệu cấp doanh nghiệp nhỏ và vừa tư nhân 2009-2015, nghiên cứu chỉ ra rằng, trong khi tiếp cận tài chính chính thức có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, có một mối quan hệ không ý nghĩa thống kê giữa tiếp cận tài chính phi chính thức và hiệu quả doanh nghiệp. Những kết quả này hàm ý các doanh nghiệp tư nhân muốn phát triển phải vượt qua các hạn chế tín dụng.

**Từ khoá**: Tiếp cận tài chính, hiệu quả tài chính, SMEs

**7. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào phát triển du lịch tỉnh Nghệ An**/ Nguyễn Văn Thành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, tỉnh Nghệ An đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nhằm giúp các nhà đầu tư khi đầu tư vào tỉnh Nghệ An được thuận lợi, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch. Các dự án đầu tư vào du lịch Nghệ An tiếp tục được đăng ký và triển khai thực hiện ngày càng tăng. Nhiều dự án kinh doanh du lịch được đưa vào hoạt động có hiệu quả kinh tế rõ rệt, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Nghệ An.

**Từ khoá**: Kinh tế, Du lịch, Đầu tư, Thu hút, Doanh nghiệp

**8. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam - trường hợp các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Cửu Đình, Phan Nguyệt Vi// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế tại VN. Kết quả đã xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS: hội nhập kinh tế, trình độ chuyên môn người làm kế toán, hỗ trợ của nhà quản trị, môi trường văn hóa, hệ thống pháp luật. Đồng thời đã xây dựng phương trình hồi quy để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc qpas ụng IFRS tịa VN.

**Từ khoá**: IFRS, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân viên khu vực tư nhân tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Ngọc Hạnh, Hồ Thị Thảo Nguyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 187 tháng 4 .- Tr. 73-78,81.

**Nội dung**: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân viên khu vực tư nhân tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nghiên cứu, tác giả tìm ra được có 5 yếu tố tác động đó là sự hài lòng trong công việc, nhóm yếu tố cam kết tổ chức bao gồm cam kết tính toán, cam kết quy phạm, cam kết tình cảm và căng thẳng trong công việc. Trong đó tác động mạnh nhất là căng thẳng trong công việc và yếu nhất là cam kết quy phạm. Từ đó đề xuất ra 3 nhóm giải pháp.

**Từ khoá**: Ý định nghỉ việc, chuyển đổi công việc, kinh tế tư nhân

**10. Các nhân tố ảnh hưởng tới tâm lý tích cực và hiệu suất làm việc của những người tham gia lập dự toán: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Phượng, Nguyễn Phúc Quỳnh Như, Huỳnh Thị Trúc Thanh// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 113-122.

**Nội dung**: Nguồn lực tâm lý tích cực là một yếu tố mới nổi và được biết đến với vai trò trung gian làm tăng hiệu suất công việc. Dù vậy, các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng vai trò cầu nối của nguồn lực tâm lý tích cực lên mối quan hệ giữa tham gia lập dự toán và hiệu suất lao động vẫn chưa được khám phá ở các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam. Áp dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất bán phần với phần mềm SmartPLS 3.2.8 trên một mẫu khảo sát gồm 156 nhà quản lý cấp trung nhằm kiểm định các giả thuyết. Kết quả cho thấy việc tham gia lập dự toán có tác động tích cực và thuận chiều đến nguồn lực tâm lý tích cực. Nói cách khác, nguồn lực tâm lý tích cực càng cao thì hiệu suất công việc của những người tham gia lập dự toán càng cao.

**Từ khoá**: Dự toán, nguồn lực tâm lý tích cực, hiệu suất lao động

**11. Các nhân tố tác động tới ý định đầu tư chứng khoán phái sinh của nhà đầu tư cá nhân: trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam**/ Phan Trần Trung Dũng// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 11-19.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu PLS-SEM được sử dụng để đánh giá mối quan hệ giữa các biến ban đầu của Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) là Thái độ, Chuẩn xã hội, Nhận thức kiểm soát hành vi, cùng với các biến được mở rộng là Kinh nghiệm quá khứ, Nhận thức rủi ro và Thông hiểu tài chính để giải thích ý định hành vi đầu tư chứng khoán phái sinh tại Việt Nam. Bài viết cũng sử dụng phương pháp PLS-MGA để đánh giá tác động của yếu tố nhân khẩu học Thu nhập tới sự khác biệt trong mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các biến trừ Chuẩn xã hội đều có tác động có ý nghĩa thống kê tới ý định hành vi và phân tích MGA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong tác động của thông hiểu tài chính giữa nhóm thu nhập cao và thu nhập thấp.

**Từ khoá**: Hành vi, PLS-SEM, TPB, PLS-MGA, Phái sinh

**12. Các rào cản phát triển các mô hình thương mại điện tử Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0**/ Nguyễn Thị Thanh Thư// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 540 tháng 5 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Cách mạng công nghệ 4.0 với việc áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế đem lại những lợi ích to lớn. Trong đó, thương mại điện tử là lĩnh vực có được nhiều lợi ích rõ ràng nhất như chia sẻ tài nguyên vốn hữu hạn thông qua các dịch vụ chia sẻ của uber, grab, hay cá nhân hóa dịch vụ giao vận như các dịch vụ của Delivery Now, Giaohangtietkiem... Không chỉ vậy, thương mại điện tử cung cấp thông tin phong phú, giúp giảm chi phí sản xuất, giảm phí bán hàng và tiếp thị, giảm phí giao dịch,.. Tuy nhiên, quá trình phát triển các mô hình thương mại điện tử Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn và trở ngại khi thực hiện tại Việt Nam. Chính vì vậy, bài báo sẽ đánh giá thực trạng thương mại điện tử ở Việt Nam để nhận diện và phân tích những khó khăn khi phát triển các mô hình thương mại điện tử Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0.

**Từ khoá**: Kinh tế, Thương mại, Điện tử, Cách mạng 4.0, Công nghệ, Rào cản

**13. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ: Trường hợp hệ thống chiếu sáng thông minh**/ Trần Mai Đông, Ngô Quỳnh Phương, Nguyễn Phong Nguyên// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Hệ thống chiếu sáng thông minh là một đổi mới công nghệ và thay thế hữu hiệu cho việc tiêu thụ các sản phẩm đèn sợi đốt và đèn huỳnh quang. Nhiều nghiên cứu đã đánh giá mức độ hữu ích của việc sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh nhưng lại ít có nghiên cứu thực nghiệm về ý định sử dụng loại hình sản phẩm này. Đây là khoảng trống nghiên cứu quan trọng cần được giải quyết. Nghiên cứu này kiểm định tác động của các yếu tố trong mô hình chấp nhận và sử dụng công nghệ hợp nhất đến ý định sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh. Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát từ 226 người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh bằng phần mềm SPSS 23 cho thấy các biến hiệu quả mong đợi, nỗ lực mong đợi, ảnh hưởng xã hội, các điều kiện thuận lợi, động lực hưởng thụ, giá trị tương xứng với giá cả và sự trải nghiệm đều có tác động tích cực đến ý định sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh.

**Từ khoá**: Hệ thống chiếu sáng thông minh, Mô hình chấp nhận và sử dụng công nghệ hợp nhất, Sự đổi mới công nghệ, Ý định sử dụng

**14. Cải cách công tác quản lý thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ Hoàng Việt Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 540 tháng 5 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi công tác quản lý thị trường phải thay đổi cả tầm tư duy, công cụ cũng như phương cách tác động vào nền kinh tế. Bài viết này trao đổi về những tác động của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đến công tác quản lý thị trường; cũng như cải cách và đổi mới cần thiết trong công tác này để thích ứng với tiến trình hội nhập.

**Từ khoá**: Kinh tế, Quốc tế, Quản lý, Thị trường, Hội nhập

**15. Chính sách cổ tức nhằm thu hút nhà đầu tư đối với các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2019**/ Nguyễn Thị Thùy Dung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Nhóm ngành doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông (XD CTGT) là một nhóm ngành có tính đặc thù cao nên rất cần có các chính sách cổ tức phù hợp để thu hút đầu tư. Bài báo sẽ phân tích về những đặc thù của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế năm 2019 và đi sâu vào khảo sát kỳ vọng của các nhà đầu tư trên thị trường Việt Nam trong bối cảnh này về chính sách cổ tức của các doanh nghiệp XD CTGT để từ đó đưa ra chính sách cổ tức thu hút đầu tư phù hợp.

**Từ khoá**: Kinh tế, Chính sách, Cổ tức, Đầu tư, Công trình, Giao thông

**16. Chống trốn và tránh thuế thu nhập doanh nghiệp: Nên sửa Nghị định 20/2017/NĐ-CP như thế nào?/** Phạm Thế Anh, Nguyễn Hoàng Oanh, Nguyễn Đức Hùng// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Thời gian gần đây nhiều doanh nghiệp thông qua các kênh khác nhau kiến nghị Chính phủ (thông qua Bộ Tài chính) sửa đổi Nghị định 20/2017/NĐ-CP liên quan đến quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, cụ thể là Khoản 3 Điều 8 liên quan đến việc khống chế trần chi phí lãi vay được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp. Có nên sửa Nghị Định 20 hay không, và nếu sửa thì theo cách nào để chống được hành vi chuyển nợ tránh thuế nhưng đồng thời có thể đảm bảo được mục tiêu công bằng thuế và sự phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia trong dài hạn. Phân tích của chúng tôi chỉ ra rằng trần lãi vay được khấu trừ thuế nên được duy trì ở mức hiện tại, và thậm chí nên giảm dần trong tương lai. Tuy nhiên, một số điểm liên quan đến quy định này nên có những sửa đổi thích hợp để đảm bảo sự thuận lợi và công bằng cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ.

**Từ khoá**: Trốn và tránh thuế, lãi vay, khấu trừ thuế

**17. Công viên khoa học như là trung tâm của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: góc nhìn hệ thống và những hàm ý cho thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Hồng Liên// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 55-62.

**Nội dung**: Một công viên khoa học, nơi diễn ra sự tương tác mạnh mẽ giữa các trường đại học, cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khác dưới sự bảo trợ của chính quyền trung ương và địa phương, hoàn toàn phù hợp với bản chất của một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh nền kinh tế khởi nghiệp đang bùng nổ và trở thành mong ước của tất cả các quốc gia, việc thúc đẩy phát triển công viên khoa học là một hướng đi đúng đắn. Con đường phát triển công viên khoa học rất đa dạng và khác biệt giữa các quốc gia, những kinh nghiệm từ Amsterdam (Hà Lan) và Suzhou (tức Tô Châu, Trung Quốc) đem đến cho Thành phố Hồ Chí Minh nhiều gợi ý hành động, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp spin-off.

**Từ khoá**: Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công viên khoa học, hệ thống đổi mới quốc gia

**18. Đặc trưng các hoạt động cơ bản của kinh doanh đa cấp**/ Nguyễn Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 65-66.

**Nội dung**: Sự ra đời của ngành Marketing đa cấp (MLM - Multi-Level Marketing) gắn liền với tên tuổi của nhà hóa học người Mỹ Carl Renborg (1887-1973). Ông là người đầu tiên đã ứng dụng được ý tưởng MLM vào trong cuộc sống, tạo ra một hệ thống kinh tế, một ngành kinh doanh được gọi là có triển vọng nhất trong thế kỉ 21. Phương pháp phân phối hàng của Renborg chính là khởi điểm của ngành MLM, ở đây ông chỉ mới áp dụng 1 tầng, và trong nhiều tài liệu thì năm 1940 là năm khởi đầu của MLM và Renborg được coi là ông tổ của ngành kinh doanh này.

**Từ khoá**: Kinh doanh, Đa cấp, Marketing, Bán hàng, Đặc trưng

**19. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường**/ Phạm Xuân Thành, Trần Việt Hùng, Trần Thị Cẩm Hồng, Vũ Thị Thùy, Phạm Thị Bích Hằng// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 84-87.

**Nội dung**: Đề cập về Đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp ; trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; một số thách thức, faof cản đặt ra; nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

**Từ khoá**: Đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp, môi trường thiên nhiên

**20. Điều chỉnh tăng giá điện năm 2019: đảm bảo an ninh trong cung cấp và hướng tới sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng**/ Bùi Xuân Hồi// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 3(490) .- Tr. 50-55.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra những phân tích các vấn đề xung quanh quyết định tăng giá của Chính phủ thêm 8,36% trên cơ sở đánh giá những hiện trạng về cung cầu trong ngành điện, các đặc trưng kinh tế kỹ thuật, sự khác biệt trong sản xuất kinh doanh điện năng để từ đó có những khuyến nghị hợp lý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và người tiêu dùng trong mục tiêu đảm bảo an ninh trong cung cấp điện năng và sử dụng hiệu quả tiết kiệm năng lượng.

**Từ khoá**: Giá điện, Chính sách giá năng lượng, Hiệu quả năng lượng, Quản lý kinh tế

**21. Đóng góp của các nhân tố vào tăng trưởng đầu ra và phân rã đóng góp của TFP ngành sản xuất chế biến thực phẩm và ngành sản xuất đồ uống Việt Nam**/ Cao Hoàng Long, Hoàng Yến// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Bài viết này áp dụng mô hình sản xuất biên ngẫu nhiên để ước lượng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và ước lượng đóng góp của các nhân tố sản xuất vào tăng trưởng đầu ra của ngành sản xuất chế biến thực phẩm và ngành sản xuất đồ uống Việt Nam giai đoạn 2011-2017, sau đó phân rã đóng góp của TFP vào tăng trưởng đầu ra thành tiến bộ kỹ thuật, thay đổi hiệu quả kỹ thuật, thay đổi hiệu quả do quy mô và thay đổi hiệu quả do phân bổ. Kết quả ước lượng dựa trên dữ liệu cấp doanh nghiệp từ 2011-2017 cho thấy đóng góp của TFP và Vốn đến tăng trưởng đầu ra là tích cực (1,74% và 12,54%). Chúng tôi nhận thấy rằng đóng góp của TFP đến tăng trưởng đầu ra chủ yếu do tiến bộ kỹ thuật, đóng góp của thay đổi hiệu quả kỹ thuật âm và thay đổi hiệu quả do quy mô và do phân bổ có tác động không đáng kể. Bài viết cũng cho thấy đóng góp của thay đổi hiệu quả do phân bổ lao động là tiêu cực đối với cả hai ngành nghiên cứu và đóng góp của thay đổi hiệu quả do phân bổ vốn là dương đối với ngành sản xuất chế biến thực phẩm và âm đối với ngành sản xuất đồ uống.

**Từ khoá**: Năng suất lao động, TFP, chế biến thực phẩm, ngành sản xuất đồ uống

**22. Duy trì nhân viên có trình độ sau đại học làm việc trong khu vực công: Nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Hồ Hải, Nguyễn Viết Bằng// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 93-103.

**Nội dung**: Bài viết này xác định và đo lường các yếu tố tác động đến việc duy trì nhân viên có trình độ sau đại học đang làm việc trong khu vực công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết sử nghiên cứu định tính kết hợp định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn 15 chuyên gia và thảo luận nhóm cùng 10 đối tượng khảo sát. Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua phỏng vấn 278 đáp viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy: các yếu tố đào tạo, phát triển nghề nghiệp, lương và phúc lợi, và môi trường làm việc có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của nhân viên, và việc duy trì nhân viên chịu sự tác động của cả năm yếu tố này. Bài viết đã đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm duy trì nguồn lao động có trình độ sau đại học trong khu vực công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Duy trì nhân viên; sự hài lòng của nhân viên; khu vực công; Thành phố Hồ Chí Minh

**23. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương: vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với Việt Nam**/ Đặng Viết Tiến, Lê Danh Lượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 540 tháng 5 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức được ký kết tại Chile. Trong hiệp định này vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT) là điều đáng lo ngại nhất đối với Việt Nam. Ở Việt Nam, tình tạng xâm phạm SHTT hiện khá phổ biến và ngày càng phức tạp. Trong CPTPP với 10 điều (trong 20 điều) liên quan đến SHTT được các quốc gia đưa vào thỏa thuận. Bài viết này tập trung vào các cam kết liên quan đến việc thực thi các quyền SHTT trong chương 18 của CPTPP.

**Từ khoá**: Kinh tế, Hiệp định, Đối tác, Sở hữu, Trí tuệ, Thực thi, Quyền

**24. Khai phá trí tuệ Marketing trong thời đại dữ liệu lớn**/ Đàm Nguyễn Anh Khoa, Nguyễn Văn Kỳ Long// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 58-66.

**Nội dung:** Để sinh tồn và phát triển trong thời đại công nghệ ngày nay, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của mọi doanh nghiệp. Trong tiến trình này, xu thế khai thác trí tuệ marketing từ dữ liệu lớn là chìa khoá sống còn của doanh nghiệp. Việc ứng dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu để chuyển đổi dữ liệu lớn thành trí tuệ marketing giúp doanh nghiệp nâng cao hiểu biết về thị trường, khách hàng, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây còn bỏ ngỏ vấn đề này, đặc biệt là việc ứng dụng các mô hình và kỹ thuật khai phá dữ liệu. Do đó, nghiên cứu này trình bày tổng quan các nghiên cứu về trí tuệ marketing trong thời đại dữ liệu lớn thông qua việc ứng dụng các mô hình và công cụ khai phá dữ liệu. Kết quả nghiên cứu đề xuất các mô hình, kỹ thuật khai phá dữ liệu cho từng thành phần của trí tuệ marketing. Bài viết này cũng đề xuất các hướng nghiên cứu khả thi trong tương lai.

**Từ khoá**: Trí tuệ marketing; Khai phá dữ liệu; Dữ liệu lớn; Tổng quan nghiên cứu

**25. Kinh nghiệm phát triển nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế ở một số nước và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Chính// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Quỹ bảo hiểm y tế (BHYT) là nguồn tài chính quan trọng của mỗi quốc gia nhằm chi trả chi phí khám chữa bệnh cho nhân dân khi họ bị ốm đau bệnh tật, từ đó đảm bảo an sinh xã hội bền vững. Vậy làm thế nào để có nguồn quỹ BHYT đủ để chi trả, vấn đề nguồn thu quỹ BHYT đảm bảo chi và cân đối quỹ BHYT luôn được quan tâm hàng đầu. Bài viết nghiên cứu việc phát triển nguồn thu quỹ BHYT ở một số nước như: Đức, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Y tế, Bảo hiểm, BHYT, Dịch vụ, Nguồn quỹ

**26. Lựa chọn mô hình dự báo mức độ lao động của thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Ngọc Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Nghiên cứu của tác giả tập trung tìm kiếm mô hình định lượng phù hợp nhất để đo lường và dự báo mức độ dao động của thị trường chứng khoán, một trong những chỉ số quan trọng của thị trường tài chính. Tác giả thấy rằng mô hình EGAPCH(1,1) là mô hình phù hợp để dự báo độ dao động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế, Chứng khoán, Thị trường, Tài chính, Dao động, Dự báo

**27. Mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo và công tác quản lý nhân lực: hàm ý cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Đào Thị Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Đổi mới sáng tạo có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, là động lực cho những tiến bộ kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đổi mới sáng tạo gắn chặt với hoạt động của người lao động. Điều này đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo và công tác quản lý nhân lực. Bằng hoạt động quản lý tích cực, phù hợp, các cá nhân trong doanh nghiệp mới có đủ điểu kiện để tăng cường những đóng góp có hiệu quả và tạo ra đổi mới sáng tạo. Từ đó, có thể rút ra kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam trong công tác quản lý nhân lực nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo kịp yêu cầu mới của nền kinh tế.

**Từ khoá**: Kinh tế, Đổi mới, Sáng tạo, Quản lý, Nhân lực

**28. Mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động giai đoạn hiện nay**/ Đoàn Thị Phương Diệp, Hồ Đức Hiệp// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 116-118.

**Nội dung**: Thực trạng áp dụng pháp luật trong quan hệ lao động và hoàn thiện pháp lý về quan hệ lao động thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá**: Quan hệ lao động, người lao động, người sử dụng lao động

**29. Mối quan hệ giữa sự trải nghiệm và lòng trung thành khách hàng - Vai trò điều tiết của động cơ nhận thức: Trường hợp ngành kinh doanh dịch vụ**/ Vũ Thị Mai Chi, Bùi Thành Khoa, Trần Hà Minh Quân// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 103-112.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu sự tác động của các thành phần trong khái niệm sự trải nghiệm khách hàng tới lòng trung thành khách hàng, và đánh giá vai trò điều tiết của động cơ nhận thức tới các mối quan hệ này trong bối cảnh ngành dịch vụ Việt Nam. Kết quả kiểm định cho thấy cả bốn thành phần trong sự trải nghiệm đều tác động tới lòng trung thành, và động cơ nhận thức không có vai trò điều tiết đối với mối quan hệ giữa tập trung kết quả và lòng trung thành nhưng đóng vai trò điều tiết đối với ba mối quan hệ còn lại. Do đó, nghiên cứu có những đóng góp đáng kể về mặt học thuật và đưa ra một số hàm ý quản trị.

**Từ khoá**: Dịch vụ thẩm mĩ; trải nhiệm khách hàng; động cơ nhận thức; lòng trung thành

**30. Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho học viên trong nhà trường quân đội hiện nay**/ Phạm Tuấn Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Giáo dục trong các nhà trường quân đội hiện nay không chỉ có nhiệm vụ trang bị tri thức khoa học, kỹ năng nghề nghiệp mà còn phải rèn luyện ý thức tôn trọng cộng đồng, ý thức kỷ luật, pháp luật cho học viên. Điều đó có nghĩa là, đi đôi với việc trang bị kiến thức khoa học, chuyên ngành, các nhà trường quân đội phải đặc biệt coi trọng giáo dục pháp luật cho học viên nhằm xây dựng niềm tin, ý thức tôn trọng và chấp hành kỷ luật, pháp luật cho học viên, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

**Từ khoá**: Giáo dục, Pháp luật, Học viên, Quân đội, Kỷ luật

**31. Một số giải pháp nâng cao sự thỏa mãn công việc của nhân viên y tế: tại bệnh viện đa khoa Đồng Nai**/ Trần Mai Đông, Trần Huỳnh Ngân// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 9-54.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm đóng góp một số giải pháp nâng cao sự thỏa mãn trong công việc của cán bộ y tế, góp phần giữ chân nhân viên có chuyên môn và làm tăng sự gắn kết của họ. Qua việc biện dẫn các lý thuyết có liên quan, nghiên cứu đề xuất mô hình lý thuyết gồm 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn trong công việc của nhân viên: (1) Lương và phúc lợi, (2) Đào tạo - thăng tiến, (3) Cấp trên, (4) Đồng nghiệp, (5) Điều kiện làm việc và (6) An toàn công việc. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn tay đôi với 5 nhân viên y tế (là bác sỹ, dược sỹ và điều dưỡng có kinh nghiệm làm việc trên 4 năm) nhằm tìm hiểu sâu những nguyên nhân dẫn đến sự chưa thoả mãn trong công việc của nhân viên; đồng thời, hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện thang đo cho bảng khảo sát chính thức. Kết quả khảo sát 223 nhân viên y tế đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai cho thấy, đồng nghiệp và điều kiện làm việc là hai yếu tố mà nhân viên cảm thấy hài lòng hơn những yếu tố còn lại. Trong khi đó, an toàn công việc là yếu tố nhận được sự hài lòng ít nhất từ người lao động.

**Từ khoá**: Sự thỏa mãn trong công việc, nhân viên y tế, bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

**32. Nâng cao hiệu quả tự học trong quá trình đào tạo theo tín chỉ ở Trường Đại học Giao thông Vận tải**/ Hoàng Hải Yến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Bài viết tập trung đề cập những vấn đề liên quan đến khái niệm tự học, sự cần thiết phải nâng cao năng lực tự học của sinh viên, đặc biệt là quan tâm đến các giải pháp nhằm nâng cao phương pháp tự học cho sinh viên trường Đại học Giao thông Vận tải. Từ đó thúc đẩy quá trình rèn luyện kĩ năng tự học cho sinh viên, góp phần vào công cuộc đổi mới phương pháp dạy học, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

**Từ khoá**: Giáo dục, Tự học, Đào tạo, Tín chỉ, Đại học

**33. Nghiên cứu áp dụng APA trong chống chuyển giá của doanh nghiệp FDI Trung Quốc**/ Đỗ Thị Lan Anh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 5(492) .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Việc gia tăng số lượng doanh nghiệp FDI đầu tư vào Trung Quốc đã khiến tình hình chuyển giá ở nước này trở nên rất phức tạp. Đã có rất nhiều biện pháp cứng rắn và quyết liệt nhằm chống chuyển giá của doanh nghiệp FDI đã được Trung Quốc thực hiện, trong đó việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đã và đang đem đến những hiệu quả cao, đặc biệt là đối với trường hợp mà cách thức quản lý thuế truyền thống bằng thanh tra, kiểm tra khó áp dụng.

**Từ khoá**: Chuyển giá, Phương pháp xác định giá tính thuế, APA, Chống chuyển giá

**34. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hoạt động quảng cáo sáng tạo của các doanh nghiệp/** Đặng Văn Ơn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Hiện nay, sự xâm nhập ngày càng mạnh mẽ với tiềm lực lớn mạnh của các doanh nghiệp nước ngoài và hiệu quả của quảng cáo sáng tạo mà họ đang áp dụng thì các doanh nghiệp trong nước sẽ ngày càng bị lép vế, và có thể họ sẽ bị thua ngay trên chính sân nhà của mình. Bài báo này nghiên cứu, phân tích nguyên nhân và tìm ra giải pháp để nâng cao hoạt động quảng cáo sáng tạo của các doanh nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh doanh, Doanh nghiệp, Quảng cáo, Sáng tạo, Dịch vụ

**35. Nghiên cứu sự gắn kết của nhân viên đối với tổ chức trường hợp khách sạn 3 sao tại Đà Nẵng**/ Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Thị Như Hiếu, Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hoàng Anh Viện// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm khám phá và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức tại các khách sạn 3 sao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Số liệu được thu thập từ 244 nhân viên từ các khách sạn 3 sao trên địa bản thành phố Đà Nẵng thông qua bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Kết quả cho thấy 7 yếu tố: quản lý trực tiếp, sự hỗ trợ của tổ chức, cơ hội phát triển nghề nghiệp, đào tạo và phát triển, sự trao quyền, lương thưởng và phúc lợi, đặc điểm công việc có tác động tích cực đến sự gắn kết của nhân viên. Nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi ý chính sách cho các nhà quản lý khách sạn 3 sao cải thiện công tác quản trị nguồn nhân lực để nâng cao sự gắn kết của nhân viên với khách sạn.

**Từ khoá**: Du lịch, Đà Nẵng, sự gắn kết, tính cách, trao quyền

**36. Nhận thức cá nhân, các giá trị văn hoá và hành vi khởi nghiệp**/ Trần Văn Trang// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 60-68.

**Nội dung**: Nghiên cứu này kiểm định mối liên hệ giữa các yếu tố nhận thức và hành vi khởi nghiệp. Dựa trên dữ liệu khảo sát từ 2000 người Việt Nam trưởng thành, nghiên cứu tìm thấy là các yếu tố nhận thức cá nhân bao gồm hình mẫu kinh doanh, khả năng khởi sự kinh doanh và cơ hội kinh doanh có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới hành vi khởi nghiệp. Nhận thức về các giá trị văn hoá khởi nghiệp bao gồm nhìn nhận khởi sự như lựa chọn nghề nghiệp đáng mơ ước, doanh nhân thành công có vị trí xã hội cao, truyền thông tích cực về kinh doanh không có ảnh hưởng riêng rẽ đến hành vi. Tuy nhiên, các yếu tố này khi được phối hợp trong một chỉ số tổng hợp – hàm ý các cá nhân nhận thức được đầy đủ các giá trị này, thì có tác động có ý nghĩa thống kê tới hành vi. Từ các kết quả này, bài báo đưa ra một số thảo luận và khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Nhận thức cá nhân, giá trị văn hoá, hành vi khởi nghiệp, Việt Nam

**37. Nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu**/ Nguyễn Thị Minh Thư// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các DNNVV; dựa trên phương pháp thống kê mô tả vfa so sánh để xác định ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của DNNVV Việt Nam.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi giá trị toàn cầu

**38. Phân tích tác động của hải quan đến cải thiện chỉ số năng lực quốc gia về logistics: Nghiên cứu đối với các quốc gia thành viên ASEAN**/ Vũ Duy Nguyên// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 276 .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích tác động của hải quan đến cải thiện chỉ số năng lực quốc gia về Logistics (LPI) trên phạm vi 10 quốc gia thành viên ASEAN. Nghiên cứu phát hiện 6 hoạt động quan trọng của hải quan: (i) Cơ chế một cửa ASEAN (ASW), một cửa quốc gia (NSW); (ii) Cải cách hành chính trong lĩnh vực hải quan; (iii) Quản lý chuyên ngành; (iv) Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ; (v) Phát triển đại lý làm thủ tục hải quan; (vi) Đối tác hải quan - doanh nghiệp có tác động đồng biến đến hai tiêu chí thông quan và chất lượng dịch vụ logistics trong cải thiện chỉ số LPI. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp đối với các nước thành viên ASEAN.

**Từ khoá**: Chỉ số năng lực quốc gia về logistics; đại lý làm thủ tục hải quan; hải quan; một cửa ASEAN

**39. Phân tích tăng trưởng vô cơ, tăng trưởng hữu cơ và chi phí công suất trong lập kế hoạch ngân sách doanh nghiệp**/ Đặng Thị Huyền Hương, Phạm Thị Ngọc Thu// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến chi phí công suất và tăng trưởng hữu cơ, tăng trưởng vô cơ và khuyến nghị phân tích nội dung này trong quá trình lập ngân sách của doanh nghiệp. Việc phân biệt chi phí công suất và lãng phí do sản xuất dưới mức công suất tối ưu giúp doanh nghiệp đánh giá một cách chính xác các biến động ngân sách vào cuối kỳ và cung cấp các thông tin đầy đủ cho nhà quản lý.

**Từ khoá**: Tăng trưởng hữu cơ, Tăng trưởng vô cơ, Chi phí công suất, Ngân sách, Doanh nghiệp

**40. Phong cách lãnh đạo toàn diện và năng lực động: vai trò trung gian của hệ thống quản lý nhân sự**/ Nguyễn Đăng Hạ Huyên, Ngô Quang Huân, Trần Đăng Khoa// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 63-80.

**Nội dung**: Căn cứ vào lý thuyết năng lực động, bài báo này đề xuất rằng phong cách lãnh đạo toàn diện tác động dương đến các thành phần của năng lực động đó là sự thấu hiểu và sự tái cấu trúc một cách trực tiếp cũng như gián tiếp thông qua tác động đến hệ thống quản lý nhân sự cụ thể là hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào kỹ năng và hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào chức năng. Nghiên cứu này khảo sát dữ liệu từ 263 giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng và phó phòng đang công tác tại các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin. Kết quả cho thấy phong cách lãnh đạo toàn diện ảnh hưởng dương đến sự thấu hiểu, sự tái cấu trúc, hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào kỹ năng và hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào chức năng. Hơn nữa, hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào kỹ năng là trung gian một phần liên kết phong cách lãnh đạo toàn diện và sự thấu hiểu. Tương tự, hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào chức năng là trung gian một phần liên kết phong cách lãnh đạo toàn diện và sự tái cấu trúc.

**Từ khoá**: Hệ thống quản lý nhân sự; năng lực động; phong cách lãnh đạo toàn diện

**41. Quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro trong quản lý thuế**/ Tô Văn Tuấn// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Phân tích những khía cạnh lý thuyết của quản lý thuế tuân thủ và quản lý rủi ro cũng như thực trạng áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế ở Việt Nam từ đó gợi mở những giải pháp nhằm áp dụng cơ chế quản lý tuân thủ trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý thuế, tuân thủ thuế, quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ

**42. Sở hữu nước ngoài và quản trị lợi nhuận: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam**/ Phan Thị Đỗ Quyên, Nguyễn Hoàng Thảo Uyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 189 tháng 6 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đến quản trị lợi nhuận. Sử dụng dữ liệu của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, trong khoảng thời gian 2008-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sở hữu nước ngoài có quan hệ ngược chiều với quản trị lợi nhuận. Kết quả này phù hợp với lập luận rằng nhà đầu tư nước ngoài thường có lợi thế trong việc quản trị công ty, góp phần hạn chế quản trị lợi nhuận. Do vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài cao sẽ làm giảm mức độ quản trị lợi nhuận của công ty.

**Từ khoá**: Quản trị lợi nhuận, Sở hữu nước ngoài, Minh bạch thông tin

**43. Tác động của chính sách giảm nghèo đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa**/ Hồ Văn Mừng, Phạm Hồng Mạnh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 5(492) .- Tr. 85-86.

**Nội** **dung**: Nghiên cứu đánh giá tác động của các chính sách giảm nghèo đang được thực hiện tại địa phương đối với các hộ gia đình đồng bào dân tộc nghèo tại khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định Chi - Square thông qua dữ liệu điều tra đối với các hộ đồng bào dân tộc nghèo tại khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa để nhận diện mức độ tác động của các chính sách từ khía cạnh đánh giá của hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy có cả 6 nhóm chính sách đều có mức độ tác động khác nhau đến việc giảm nghèo của hộ gia đình tại khu vực này, từ đó đề xuất các khuyến nghị để việc thực hiện và triển khai các chính sách giảm nghèo đối với các hộ đồng bào dân tộc miền núi tỉnh Khánh Hòa đạt được hiệu quả thiết thực trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Dân tộc thiểu số, Giảm nghèo, Miền núi

**44. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới việc phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Chăm Pa Sắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**/ Somsack Sengackda// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Chính quyền tỉnh Chăm Pa Sắc đã thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại, trong đó có việc thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với nhận thức về tầm quan trọng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh tỉnh Chăm Pa Sắc rất cần nhiều vốn đầu tư và phát huy được hiệu quả sử dụng vốn đó nhằm đạt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

**Từ khoá**: Kinh tế, Hội nhập, Đầu tư, Nước ngoài, Quốc tế

**45. Tác động của dòng tiền đến hiệu quả kinh doanh của các Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Hữu Ánh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 48-57.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của các dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra cho từng hoạt động trong doanh nghiệp tới hiệu quả kinh doanh của 287 công ty phi tài chính niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2018. Bài viết đã áp dụng phương pháp hồi quy mô hình ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM), mô hình ảnh hưởng cố định (FEM), và cuối cùng mô hình hiệu chỉnh (AM) được sử dụng để thảo luận kết quả thực nghiệm. Nghiên cứu chỉ ra rằng: lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, tiền thu vào và tiền chi cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính có ảnh hưởng cùng chiều với tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA), tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE). Ngoài ra, đòn bẩy tài chính có ảnh hưởng ngược chiều tới ROA, ROE và lãi trên cổ phiếu (EPS) trong khi quy mô công ty không có ảnh hưởng tới ROA, ROE nhưng có ảnh hưởng cùng chiều với EPS.

**Từ khoá**: Dòng tiền, hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, sinh lợi

**46. Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế và đầu tư tư nhân của thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Thạc Hoát, Nguyễn Thị Đông// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Sau 30 năm thu hút và quản lý các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) Việt Nam nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng đã đạt được những thành tựu to lớn. Đặc biệt từ ngày sáp nhập Hà Tây vào Hà Nội đến nay, hoạt động thu hút và quản lý nhà nước đối với FDI không ngừng được đổi mới và hoàn thiện đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên tác động FDI tới GDP nhỏ hơn so với đầu tư tư nhân và đâu tư công tác. Tác động của GDP tới tăng trưởng kinh tế chỉ tăng ở năm thứ nhất và bắt đầu giảm ở các năm sau đó. Do đó cần phải có chính sách quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng vộn FDI và xem xét chính sách ưu đãi đối với FDI phù hợp hơn.

**Từ khoá**: Kinh tế, Nguồn vốn, FDI, Đầu tư, Tư nhân, Tăng trưởng

**47. Tác động của truyền miệng điện tử đến ý định mua hàng của người tiêu dùng trên nền tảng thương mại trực tuyến tại thị trường Việt Nam**/ Phạm Văn Tuấn// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 141 .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu những tác động của truyền miệng điện tử đến ý định mua hàng của người tiêu dùng trên nền tảng thương mại trực tuyến. Trong đó, nghiên cứu kiểm định tác động trực tiếp từ sự chấp nhận eWOM, thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đến ý định mua. Ngoài ra, ý định mua còn chịu tác động gián tiếp của sự chấp nhận eWOM thông qua thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi; ảnh hưởng của sự tin cậy eWOM, chất lượng eWOM thông qua sự chấp nhận eWOM. Bài báo sẽ trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm định lượng từ 09/01/2020 đến 01/03/2020 nhằm kiểm định mô hình lý thuyết cũng như các giả thuyết nghiên cứu mà nhóm đề xuất. Kết quả cuộc nghiên cứu chỉ ra rằng sự tin cậy eWOM có ảnh hưởng gián tiếp tới ý định mua hàng thông qua yếu tố sự chấp nhận eWOM, ý định mua chịu sự tác động tích cực trực tiếp từ sự chấp nhận eWOM, chuẩn chủ quan cùng với nhận thức kiểm soát hành vi và sự chấp nhận eWOM có ảnh hưởng tích cực một cách gián tiếp tới ý định mua thông qua các yếu tố thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, chất lượng eWOM không gây ra tác động gián tiếp và thái độ không gây ra tác động trực tiếp tới ý định mua hàng của người tiêu dùng trên nền tảng thương mại mua sắm trực tuyến.

**Từ khoá**: Truyền miệng điện tử, thương mại trực truyến, thuyết hành vi theo kế hoạch, ý định mua

**48. Tái cơ cấu đầu tư công ở Việt Nam: tiến trình và những bài học**/ Nguyễn Chiến Thắng, Phạm Sỹ An// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 3(490) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Đánh giá tiến trình đầu tư công của Việt Nam trong giai đoạn 2005-2017, trong đó khái quát lại các chính sách thúc đẩy tái cơ cấu đầu tư công, phân tích đánh giá thực trạng tái cơ cấu đầu tư công giai đoạn vừa qua theo các lát cắt về thành phần sở hữu, lĩnh vực đầu tư, nguồn vốn cũng như hiệu quả đầu tư công (ICOR) từ nguồn số liệu về đầu tư công của Tổng cục Thống kê. Các nguyên nhân của các bất cập được phân tích, từ đó rút ra các bài học để nâng cao hiệu quả đầu tư công, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Đầu tư công, Tái đầu tư công, Mô hình tăng trưởng

**49. Thu hút vốn đầu tư trong nước cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang**/ Trần Huy Hoàng, Trần Minh NHựt// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 93-96.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng khả năng thu hút vốn đầu tư trong nước cho phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh, tìm ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường các giải pháp thu hút vốn đầu tư trong nước cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.

**Từ khoá**: Đầu tư, kinh tế, vốn đầu tư, An Giang

**50. Thúc đẩy quản trị doanh nghiệp theo định hướng trọng dịch vụ: Vai trò của văn hóa đổi mới**/ Nguyễn Văn Tuấn, Lê Nguyễn Hậu// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 45-62.

**Nội dung**: Nguyên lý quản trị doanh nghiệp theo Định hướng trọng dịch vụ (service dominant orientation) là sự triển khai của lý thuyết quản trị marketing mới SDL (Service-Dominant logic) vào thực tiễn quản trị. Nghiên cứu thực nghiệm gần đây cho thấy DN nào triển khai quản trị theo SDO sẽ có thành quả kinh doanh tốt hơn. Tuy nhiên, yếu tố nào có vai trò thúc đẩy DN triển khai quản trị theo SDO vẫn chưa được khám phá. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu vai trò của văn hóa đổi mới, một dạng văn hóa tổ chức của DN, đối với mức độ Định hướng trọng dịch vụ SDO của DN. Mẫu nghiên cứu được thu thập từ 379 doanh nghiệp. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), khẳng định (CFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả thực nghiệm cho thấy 1) văn hóa đổi mới là một tiền tố quan trọng có ảnh hưởng mạnh đến mức độ SDO của DN; 2) DN có văn hóa đổi mới mạnh, cùng lúc được quản trị theo SDO sẽ đạt được thành quả kinh doanh tích cực, không phân biệt DN sản xuất hay DN dịch vụ. Theo đó, các hàm ý lý thuyết và quản trị được đề xuất. Qua đó chỉ ra rằng muốn triển khai thành công SDO, nhà quản trị cần quan tâm xây dựng và củng cố văn hóa đổi mới.

**Từ khoá**: Quan điểm trọng dịch vụ, Định hướng trọng dịch vụ, Văn hóa đổi mới, Thành quả kinh doanh, Việt Nam

**51. Tiềm năng tài nguyên biển Việt Nam**/ Bùi Hoàng Trung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 67-69.

**Nội dung**: Biển và đại dương được xem là giàu tài nguyên thiên nhiên, là không gian sinh tồn của loài người. Tổng giá trị của nguồn vốn tự nhiên của biển ước tính đạt ít nhất 24.000 tỷ USD và tổng sản lượng biển hàng năm (GMP) - tương đương với tổng sản lượng quốc nội của quốc gia (GDP) - tối thiểu là 2,5 nghìn tỷ USD. Trên toàn thế giới, khoảng 3 tỷ người có nguồn sinh kế phụ thuộc vào biển và các nguồn lợi từ biển đóng góp 5% GDP toàn cầu. Rõ ràng, tương lai của loài người phụ thuộc rất lớn vào biển, nhất là khi dân số đã vượt mức 7 tỷ người và các nguồn lực trên đất liền dần cạn kiệt hoặc bị ô nhiễm.

**Từ khoá**: Tài nguyên, Thiên nhiên, Biển, Tiềm năng, Khai thác

**52. Tiêu dùng thực phẩm hữu cơ: Nghiên cứu từ thái độ đến hành vi mua thịt hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 275 tháng 5 .- Tr. 67-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân và các yếu tố bối cảnh (thực hành marketing xanh và rào cản về giá) đến thái độ và hành vi mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam. Mô hình nghiên cứu được kiểm định với 819 người tiêu dùng thịt hữu cơ tại 2 thành phố lớn Hà Nội và Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy thái độ không dẫn đến hành vi mua thịt hữu cơ trên thực tế. Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định lại quan tâm về môi trường, quan tâm về an toàn thực phẩm, ý thức về sức khỏe và kiến thức về thịt hữu cơ đều có ảnh hưởng tích cực đến thái độ; trong khi rào cản về giá có ảnh hưởng ngược chiều tới hành vi mua của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: Hành vi mua; Marketing xanh; Người tiêu dùng Việt Nam; Thái độ; Thực phẩm hữu cơ

**53. Tự chủ mới chương trình đào tạo tại các trường đại học công lập: thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thị Hương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 3(490) .- Tr. 20-30.

**Nội dung**: Bài viết bàn về vấn đề mà theo các học giả thì tự chủ trường đại học là xu thế tất yếu ngày nay và là một trong những điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Sau khi phân tích thực trạng mới mở mã ngành, chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập (cơ sở pháp lý, kết quả mở mới chương trình tại các cơ sở giáo dục đào tạo đại học; thảo luận, đánh giá thành tựu, hạn chế của hoạt động mở mới mã ngành đối với các đơn vị công tự chủ) tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp cho tự chủ trường đại học ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tự chủ, Giáo dục đại học, Chương trình học, Mã ngành

**54. Từ quan niệm công bằng của Mác nhìn nhận bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Phương Sang// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 3(490) .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Bất bình đẳng về thu nhập quá cao giữa các nhóm hộ gia đình, giữa các vùng miền có thể gây ra những tác động tiêu cực tới phát triển kinh tế, nghiêm trọng hơn có thể dẫn tới khủng hoảng và bất ổn xã hội. Chính vì vậy, tăng trưởng kinh tế và công bằng thu nhập luôn là mục tiêu hàng đầu mà các quốc gia mong muốn đạt được trong dài hạn. Trên thế giới, có rất nhiều nghiên cứu liên quan tới chủ đề bất bình đẳng về thu nhập cả ở khía cạnh lý thuyết và thực tế. Bài viết xuất phát từ quan niệm công bằng của Mác, trên cơ sở đó phân tích thực trạng tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng về thu nhập được kiểm soát khá tốt, tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách giữa các nhóm thu nhập, đặc biệt là ở những vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là do sự khác biệt về vị trí địa lý, về cơ hội tiếp cận các dịch vụ công và tiếp cận thị trường.

**Từ khoá**: Công bằng, Bất bình đẳng, Thu nhập

**55. Ứng dụng kỹ thuật logic mờ trong xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp/**Nguyễn Thị Mai Trâm// Tài chính.- 2020 .- Số 724.- Tr. 130 – 133.

**Nội dung**: Xếp hạng tín nhiệm là một hoạt động đánh giá rủi ro tín dụng trong tương lai, rất quan trọng đối với các ngân hàng, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và Chính phủ. Mỗi tổ chức áp dụng phương thức đánh giá và thang đo riêng của mình. Hầu hết các đơn vị đều xếp hạng tín nhiệm dựa trên các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính chiếm hơn 65% tỷ trọng, làm cho kết quả xếp hạng mang tính chủ quan. Nghiên cứu này ứng dụng kỹ thuật logic mờ để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp với các chỉ tiêu tài chính chiếm 100% tỷ trọng nhằm khắc phục nhượt điểm về tính chủ quan.

**Từ khóa**: Xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, kỹ thuật logic mờ, xếp hạng tín nhiệm, thang đo xếp hạng

**56. Văn hóa và vai trò của văn hóa đối với tổ chức**/ Phan Thị Thanh Hoa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp muốn phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường, nâng tầm thương hiệu, không còn cách nào khác là phải chú trọng tới văn hóa tổ chức. Trong bài viết này, tác giả đã tổng hợp lại một số khái niệm cơ bản về văn hóa tổ chức, đưa ra một số mô hình đo lường văn hóa tổ chức tiêu biểu, qua đó nhấn mạnh vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Văn hóa, Tổ chức, Phong tục, Tập quán, Truyền thống

**57. Xây dựng mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới quyết định đầu tư của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Nguyễn Mạnh Cường// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 5(492) .- Tr. 56-65.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu mô hình diễn tả ảnh hưởng của môi trường đầu tư đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từ mô hình lý thuyết dự kiến, phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để kiểm nghiệm và hoàn thiện các thang đo với mẫu gồm giám đốc và các chuyên gia. Bằng việc thực hiện kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá trên mẫu doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, mô hình thu được có sự khác biệt đáng chú ý, đó là sự xuất hiện của nhân tố mới là hiệu quả quản trị hành chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy quyết định đầu tư của doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể được giải thích bởi môi trường đầu tư qua các yếu tố thành phần gồm: chính trị, pháp luật; hiệu quả quản trị hành chính; cơ sở hạ tầng; chi phí; thị trường và văn hóa xã hội.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Môi trường đầu tư, Quyết định đầu tư

**58. Yêu cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại các cơ quan hành chính hiện nay**/ Nguyễn Tuấn Anh, Tô Hiến Thà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 543 tháng 6 .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Quản lý tài chính là quá trình tác động của nhà nước đến các nguồn tài chính nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước một cách hiệu quả nhất. Việc quản lý sử dụng nguồn tài chính tại các cơ quan hành chính liên quan trực tiếp đến hiệu quả của tài chính nhà nước, do đó đòi hỏi phải có sự quản lý nhằm cho bộ máy quản lý hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các tổ chức và công dân. Công tác quản lý tài chính tại các cơ quan hành chính Nhà nước cần đáp ứng một số yêu cầu và thường xuyên chịu sự tác động của các nhân tối sau.

**Từ khoá**: Quản lý, Tài chính, Hành chính, Nhà nước, Cơ quan

**59. Yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu niêm yết nhìn từ mô hình 5 nhan tố Fama French**/ Trịnh Minh Quang, Hồ Công Minh, Lương Thị Bảo Linh, Nguyễn Hoài Thiêm, Lê Thị Tuyết// Tài chính .- 2019 .- Số 715 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của các nhân tố thị trường, quy mô, giá trị, lợi nhuận và đầu tư đến tỷ suất sinh lợi của các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Từ đó, đưa ra khuyến nghị nhằm giúp các nhà đầu tư lựa chọn, quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, giúp các nhà quản lý tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp của họ trên sàn chứng khoán.

**Từ khoá**: Nhân tố Fama French, nhà đầu tư, tỷ suất sinh lợi, cổ phiếu niêm yết

**KIẾN TRÚC**

**1. Các xu hướng thiết kế sản phẩm hiện nay và những yếu tố mới trong việc đánh giá thẩm mỹ**/ Ngô Thị Thu Trang// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 145-151.

**Nội dung**: Giới thiệu các quan điểm lý luận mới về thẩm mỹ trong thiết kế sản phẩm kèm theo một loạt các dẫn chứng thực tế từ các xu hướng thiết kế hiện nay như Thiết kế sinh thái, Thiết kế bền vững, Thiết kế cho cảm xúc, Thiết kế trải nghiệm người dùng, Thiết kế tương tác...Từ sự tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng trong tiêu chí đánh giá thẩm mỹ sản phẩm, bài viết cũng đề xuất quy trình đánh giá thẩm mỹ nên bao gồm hai bước: Bước phân loại dựa trên ba yếu tố tổng quan (thời gian, không gian, mục tiêu thiết kế); và bước phân tích sâu về hiệu quả thị giác trong thiết kế, sự độc đáo và đặc trưng, sự hiệu quả cho công năng và ý nghĩa của sản phẩm, các đặc điểm và tính cách riêng của sản phẩm, và các yếu tố điều tiết khác như văn hóa, đạo đức xã hội...Quy trình này có thể được áp dụng trong việc đánh giá các đồ án thiết kế của sinh viên hiện nay.

**Từ khóa**: Thẩm mỹ, thiết kế sản phẩm, đánh giá thẩm mỹ, xu hướng thiết kế, Thiết kế sinh thái, Thiết kế bền vững, Thiết kế cho cảm xúc, Thiết kế trải nghiệm người dùng, Thiết kế tương tác.

**2. Nghiên cứu tổng hợp hạt nano TiO2 biến tính Mangan trên nền Bentonit bằng phương pháp sol-gel để xử lý nước rỉ rác**/ Đặng Xuân Hiển, Trần Thị Phương// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 331-335.

**Nội dung**: Tổng hợp hạt nano TiO2 biến tính mangan trên nền bentonit (Ben- TiO2- Mn) bằng phương pháp sol- gel, ứng dụng kỹ thuật oxy hóa sử dụng xúc tác quan trong xử lý nước rỉ rác.

**Từ khóa**: Nano TiO2 biến tính Mn, nano tổ hợp (B-Mn- TiO2), xử lý nước rỉ rác.

**3. Thực tế ảo trong thiết kế kiến trúc**/ Trương Ngọc Quỳnh Châu// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 238-244.

**Nội dung**: Tổng quan về thực tế ảo và thực tế ảo trong thiết kế kiến trúc tại Việt Nam. Cơ sở khoa học ứng dụng thực tế ảo trong thiết kế kiến trúc. Đề xuất vận dụng thực tế ảo trong thiết kế kiến trúc ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Thực tế ảo (VR), Mô hình thông tin xây dựng (BIM), Mô hình xây dựng tham số (BPM).

**4. Ứng dụng phương pháp liên ngành tiếp cận các kỹ năng thế kỷ 21 trong đào tạo thiết kế**/ Ngô Thị Thu Trang// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 188-191.

**Nội dung**: Mô tả kết quả thực nghiệm từ việc ứng dụng phương pháp liên ngành nhằm tiếp cận và truyền tải các kỹ năng được đề cập trong thuyết Các Kỹ Năng Thế kỷ 21 vào chương trình đào tạo.

**Từ khóa**: Các Kỹ Năng Thế kỷ 21, phương pháp tiếp cận liên ngành, thiết kế công nghiệp, chương trình đào tạo, công nghệ.

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam trong thế kỷ XX từ góc nhìn văn học sử/** Ngô Viết Hoàn// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 67-76.

**Nội dung:** Bàn luận về sự ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam trong thế kỷ XX từ góc nhìn của văn học sử, qua đó khái quát tiến trình phát triển của lý luận, phê bình văn học Việt Nam trong thế kỷ có nhiều biến động này.

**Từ khóa:** Lý luận văn học, phê bình văn học, văn học phương Tây

**2.** **Đấu tranh tư tưởng và thay đổi hệ hình văn nghệ (tranh luận về tân văn hóa ở Việt Nam, 1945-1946)/** Phạm Xuân Thạch// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 6(580) .- Tr. 12-25.

**Nội dung:** Nhìn lại cuộc đấu tranh về tân văn hóa theo đường lối Mác xít ở Việt Nam những năm sau Cách mạng tháng tám từ lý thuyết trường văn học. Quan niệm về tân văn nghệ của Trương Tửu không hề khác với quan niệm của đề cương văn hóa Việt Nam về nội dung, mà ở phương thức quan hệ.

**Từ khóa:** Trường Chinh, Trương Tửu, trường văn học, tân văn nghệ

**3.** **Dẫn nhập phê bình hiện tượng luận G.Bachelard/** Nguyễn Đình Minh Khuê// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 8(582) .- Tr. 40-54.

**Nội dung:** Nghiên cứu và lý giải những nguyên nhân chính yếu dẫn đến bước chuyển trong sự nghiệp phê bình Bachelard, từ đó giới thiệu những phương diện quan trọng của lối phê bình hiện tượng luận mà ông đã khai triển trong các trước tác hậu kỳ.

**Từ khóa:** G.Bachelard, hiện tượng luận, phê bình hiện tượng luận, mơ mộng thi ca

**4.** **Hiện thực tưởng tượng trong tập thơ dưới trăng và một bậc cửa của Nguyễn Quang Thiều/** Ngô Bích Thu// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 8(582) .- Tr. 81-88.

**Nội dung:** Phân tích hiệu quả nghệ thuật của một số thủ pháp như phép ẩn dụ, so sánh liên tưởng, nhân hóa, nghệ thuật láy, độc thoại và đối thoại được tác giả vận dụng để bộc lộ tư tưởng của tác giả trong tập thơ.

**Từ khóa:** Nguyễn Quang Thiều, hiện thực, tưởng tượng, thi pháp thơ, thủ pháp nghệ thuật

**5.** **Hình tượng thiên chúa và thánh nữ maria (Qua đại từ, câu đối Hán Nôm nhà thơ Công giáo /** Lưu Khánh Thơ// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 7(581) .- Tr. 13-23.

**Nội dung:** Đề cập đến hiện tượng Thiên Chúa và Thánh nữ Maria qua nguồn tư liệu đại tự, câu đối, văn khắc Hán Nôm, ngõ hầu góp thêm tư liệu cho văn học Công giáo Việt Nam.

**Từ khóa:** Hình tượng, Thiên Chúa, Thánh nữ Maria, văn tự Hán Nôm

**6. Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460-1497)/** Vũ Duy Mền// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 62-74.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu về khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông như: Khoa thi hương, khoa thi Hội, thi Đình. Từ đó đưa ra một số nhận xét để thấy được thành tựu khoa cử Nho học to lớn, đóng góp quan trọng cho nền văn hiến nước nhà ... giúp người đọc hiểu biết nhiều thêm nhiều chiều cạnh về thời kỳ thịnh đạt nhất của khoa cử Nho học Đại Việt nửa sau thế kỷ XV.

**Từ khóa:** Lê Thánh Tông, khoa cử nho học, khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình

**7.** **Macao trong các di sản van học chính luận Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX/** N.I. Nikulin// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 7(581) .- Tr. 85-92.

**Nội dung:** Phân tích và nhấn mạnh các đặc điểm bối cảnh truyền giáo ở Việt Nam – Trung Quốc và vùng Đông Á cũng như mối quan hệ sống động của thành phố Macao đối với Việt Nam thế kỷ XVI-XIX.

**Từ khóa:** Thiên chúa giáo, Macao, Việt Nam, Tây Dương Gia tô bí lục

**8.** **Minh oan cho Petrus Trương Vĩnh Ký về câu “ở với họ mà không theo họ”/** Wiston Phan Đào Nguyên// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 7(581) .- Tr. 111-128.

**Nội dung:** Tập trung xác định ngữ câu “Sic vos non vobis” và phân tích các tương quan tiểu sử, phương châm, tôn chỉ trong đời sống tác giả với lịch sử, văn hóa, xã hội, tôn giáo đương thời.

**Từ khóa:** Petrus Trương Vĩnh Ký, Sic vos non vobis, triết lý sống

**9.** **Một số đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật thơ Việt Nam sau 1986/** Hoàng Thị Huế// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 8(582) .- Tr. 62-69.

**Nội dung:** Bằng phương pháp phân tích văn bản, so sánh, đối chiếu, hệ thống … trong sự soi chiếu của lý thuyết phân tâm học, thi pháp học, bài viết làm rõ đặc trưng ngôn ngữ ẩn dụ, trùng phức, mơ hồ hóa, lạ hóa, đậm chất triết lý của thơ Việt Nam sau 1986. Đó là mã ngôn ngữ đặc biệt, đánh dấu một kiểu tư duy thơ mới mẻ.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, thơ Việt Nam đương đại, ẩn dụ, trùng phức, lạ hóa, triết lý

**10.** **Nghệ thuật tình hiện sự thật: Kể chuyện phi hư cấu trong lời nguyện cầu từ Chernobyl của svetlana Alexievich/** Đặng Thị Bích Hồng// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 8(582) .- Tr. 112-122.

**Nội dung:** Qua tác phẩm Lời nguyện cầu từ Chernobyl tác giả muốn khám phá nghệ thuật kể chuyện phi hư cấu của Alexievich – nghệ thuật lưu dấu những câu chuyện chỉ có trong tâm trí mỗi cá nhân, những câu chuyện chân thực nhất nhưng lại có nguy cơ bị lãng quên.

**Từ khóa:** Phi hư cấu, sự thật, trần thuật, Svetlana Alexievich, Chernobyl

**11.** **Nguyễn Bính – nhà thơ của nhiều thời/** Bùi Mạnh Nhị// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 6(580) .- Tr. 94-103.

**Nội dung:** Bài viết lí giải vì sao thơ Nguyễn Bính được nhiều người, nhiều thế hệ yêu thích. Từ đó đề xuất dịch và giới thiệu thơ Nguyễn Bính với cộng đồng quốc tế để nhân loại hiểu văn học Việt Nam hơn.

**Từ khóa:** Nguyễn Bính, cổ mẫu, truyền thống, hiện đại, dân tộc, nhân loại

**12. Những đổi mới của Nguyễn Minh Châu trong dòng chảy văn học đương đại**/ Đỗ Hải Ninh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 4(Tập 62) .- Tr.48-53.

**Nội dung**: Nhìn lại những đổi mới của Nguyễn Minh Châu và ý nghĩa của những đổi mới ấy trong dòng chảy văn học Việt Nam đương đại. Không chỉ góp phần mở đường cho tiến trình đổi mới, những chuyển động trong hành trình sáng tác của Nguyễn Minh Châu đã phản chiếu chuyển động của nền văn học trên hành trình đổi mới.

**Từ khóa**: Đổi mới, Nguyễn Minh Châu, văn học đương đại

**13. Những thất bại của Thúy Kiều trong Truyện Kiều/** Lê Đình Cúc// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 75-84.

**Nội dung:** Bàn về những thất bại của Thúy Kiều trong Truyện Kiều như: Thất bại trong tình yêu với Kim Trọng; Thất bại trong đấu tranh với Tú Bà; Thất bại khi đi trốn với Sở Khanh; Thất bại trong tình yêu với Thúc Sinh; Thất bại trong mối tình với Từ Hải.

**Từ khóa:** Thúy Kiều, thất bại, Truyện Kiều

**14.** **Thơ nữ Việt Nam – từ cổ điển đến hiện đại/** Lưu Khánh Thơ// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 6(580) .- Tr. 104-115.

**Nội dung:** Khái quát thơ nữ Việt Nam qua các chặng đường phát triển của lịch sử Văn học, tập trung phân tích đặc điểm thơ của một tác giả tiêu biểu ở từng thời kỳ. Qua đó nhằm khẳng định những đóng góp của đội ngũ thơ nữ trong tiến trình thơ Việt Nam từ cổ điển đến hiện đại.

**Từ khóa:** Lịch sử văn học, thơ Việt Nam cổ điển, thơ Việt Nam hiện đại, thơ nữ

**15.** **Tín hiệu thẩm mĩ về màu sắc trong thơ Quang Dũng/** Lê Đức Luận, Hoàng Thị Linh Giang// Ngôn ngữ & đời sống .- 2020 .- Số 8(301) .- Tr. 93-98.

**Nội dung:** Nghiên cứu tín hiệu về màu sắc trong ngôn ngữ thơ Quang Dũng để phần nào khai thác giá trị nghệ thuật ngôn ngữ độc đáo của tác giả.

**Từ khóa:** Thơ Quang Dũng, tín hiệu thẩm mĩ, màu sắc, ý nghĩa, biểu trưng

**16. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử trong văn hóa người Việt Nam/** Dương Thị Thu Hà// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 50-57.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của “Tứ bất tử” trong đời sống tinh thần của người Việt Nam trên một số bình diện của đời sống xã hội hiện nay.

**Từ khóa:** Văn hóa, tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian, Tứ bất tử, tín ngưỡng Việt Nam

**17.** **Tính hình tượng và biểu cảm trong tác phẩm Sứ điệp tình thương của Nguyễn Xuân Văn/** Đoàn Xuân Dũng// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 7(581) .- Tr. 49-57.

**Nội dung:** Phân tích và nhấn mạnh Sứ điệp tình thương được tác giả viết với tất cả tâm hồn dành cho đấng mà mình yêu mến nhất. Đây là tập thơ dài mà dòng thơ đều mang tính hình tượng sinh động và biểu cảm nhịp điệu trữ tình.

**Từ khóa:** Sứ điệp tình thương, hình tượng, biểu cảm

**18. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử trong văn hóa người Việt Nam/** Dương Thị Thu Hà// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 50-57.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của “Tứ bất tử” trong đời sống tinh thần của người Việt Nam trên một số bình diện của đời sống xã hội hiện nay.

**Từ khóa:** Văn hóa, tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian, Tứ bất tử, tín ngưỡng Việt Nam

**19.** **Văn học Việt Nam Pháp Ngữ như một hiện tượng giao thao của trường văn học/** Phạm Văn Quang// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 6(580) .- Tr. 26-41.

**Nội dung:** Giới thiệu các tác nhân trung giới của bộ phận văn học Việt Nam Pháp ngữ trong sự tiếp xúc với trường văn học Việt Nam và trường văn học Pháp.

**Từ khóa:** Văn học Pháp ngữ, trường văn học, định chế văn học, giao thoa văn học

**20. Vua Minh Mệnh xử án/** Nguyễn Minh Tường// Khoa học xã hội Việt Nam.- 2020 .- Số 4 .- Tr. 31-38.

**Nội dung:** Phân tích các vụ án do đích thân vua Minh Mệnh xét xử, để thấy rõ tinh thần đề cao pháp luật, giữ nguyên kỹ cương phép nước của ông.

**Từ khóa:** Tư pháp, xử án, vua Minh Mệnh